



Bát Thức Quy Củ Tụng

Thích Thắng Hoan

---o0o---

Mục Lục

- Lời Nhà Xuất Bản.
Lời Người Dịch.
Bát Thức Quy Củ tụng.
1. Chương Thứ Nhất.
2. Chương Thứ Hai.
3. Chương Thứ Ba.
4. Chương Thứ Tư.
5. Phụ Bản.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

“Bát Thức Quy Củ Tụng” là một tác phẩm thuộc bộ môn Duy Thức do Ngài Huyền Trang đời Đường biên soạn. Nguyên tác vốn rất dài, khó nhớ, khó thuộc, vì vậy Ngài Khuy Cơ, đệ tử của Ngài Huyền Trang được phép Sư Phụ, đã toát yếu tác phẩm trên thành 41 câu tụng, giúp người tu học Phật được dễ dàng hơn trong việc đọc tụng hằng ngày.

Mặc dù là một tác phẩm tóm gọn, vẫn hàm chứa tất cả tinh yếu về hành trạng của tám Tâm Thức, diễn bày sự sinh hóa của vạn hữu, của mỗi cảnh giới chúng sanh và Phật.

“Bát Thức Quy Củ Tụng” của Ngài Khuy Cơ nhằm đạt được sự tóm gọn, trở nên quá cô đọng, khiến đọc giả, chưa đi sâu vào bộ môn Duy Thức, khó hiểu; do đó Hòa Thượng Thích Thắng Hoan đã giảng dịch tác phẩm này, giúp chúng ta có cơ hội khám phá kho tàng Duy Thức, vốn là một bộ môn quan trọng của Phật học, có tính cách khoa học, gần gũi với thời đại mới.

Với sự nghiên cứu sâu dày về bộ môn Duy Thức, qua gần 60 năm tu tập, Hòa Thượng Thích Thắng Hoan đã biên soạn, giảng dịch nhiều tác phẩm về Duy Thức như: “Khảo Nghiệm Duy Thức học”, “Bát Nhã Tâm Kinh Qua Cái Nhìn Của Duy Thức ...” và bây giờ, với lời dịch thoát văn, lời giảng giải gọn gàng, ví dụ cụ thể, tác phẩm “Bát Thức Quy Củ Tụng” của Ngài Khuy Cơ do Hòa Thượng Thích Thắng Hoan giảng dịch đã trình bày một cách rõ ràng và sự biến hiện của các cảnh giới, sự sai khác và đồng nhất của vạn hữu ... Dù ngắn gọn, tác phẩm vẫn giúp chúng ta thấy được, hiểu được nguồn gốc và giá trị về những suy, tư, nghĩ, tưởng; nguyên nhân của sinh tử luân hồi, nghiệp nhân, nghiệp quả, mà mỗi chúng sanh đã đang tạo tác và thọ nhận ... Sự hiểu biết đó, được gọi là “Chánh Kiến” hành trang tối cần cho những ai muốn hướng đến đời sống cao đẹp, giải thoát.

“Bát Thức Quy Củ Tụng” với lời giảng của Hòa Thượng Thích Thắng Hoan qua đường lối Duy Thức, còn giúp cho chúng ta nhận rõ rằng: “Chính mỗi người, mỗi chúng sanh, đã tự tạo cuộc sống cho chính mình, dù đó là an vui hay phiền não, sức sinh hay nhân thiên, địa ngục hay niết bàn ...” Từ những thấy biết như vậy, niềm tự tin trở nên cần thiết hơn, thuận lợi hơn và đó là bước quan trọng trong đời sống tu tập để chuyển hóa mình hướng về đời sống tốt đẹp.

Nhà xuất bản Nguồn Sống ước mong quý độc giả sẽ được lợi ích khi đọc cuốn “Bát Thức Quy Củ Tụng” này, không phải chỉ tăng trưởng sự hiểu biết mà còn một lợi ích thiết thực ở nơi mỗi người khi thông hiểu về Duy Thức.

Chúng tôi chân thành tri ân Hòa Thượng đã vì lợi ích chúng sanh, diễn dịch, biên soạn nhiều tác phẩm về Duy Thức Tông hết sức có giá trị về tinh thần học Phật của người Phật tử. Nhà xuất bản Nguồn Sống rất mong được đón nhận thêm những tác phẩm của Ngài để góp phần “Hoằng Dương Phật Pháp, Lợi Lạc Quần Sanh”, và xin hân hạnh giới thiệu tác phẩm giảng dịch “Bát Thức Quy Củ Tụng” của Hòa Thượng Thích Thắng Hoan đến với quý độc giả thập phương và toàn thể Phật tử.

Trân trọng,

Viết tại Pháp Duyên Tịnh xá
Trọng Xuân năm Bính Tý (1996)
Tỳ Kheo THÍCH GIÁC LƯỢNG

LỜI NGƯỜI DỊCH

“**QUYỂN BÁT THỨC QUY CỬ TỤNG**” của Ngài Huyền Trang, được Ngài Khuy Cơ toát yếu, chúng tôi nhận thấy rất quan hệ với quyển “*Khảo Nghiệm Duy Thức Học*” Quyển Bát Thức Quy Cử Tụng mà chúng tôi đã phân tích nội dung, mặc dù trong đó chỉ trình bày hành tướng của tám tâm thức, nhưng đã nói lên được tất cả những gì liên quan đến tám Tâm Thức qua mọi lãnh vực sinh hoạt đều có tác dụng tương ứng.

Điểm đặc biệt nhất nơi quyển sách này là sự phân tích rõ ràng trong việc kết hợp giữa tám Tâm Vương và năm mươi mốt Tâm Sở qua sự hỗ trợ sinh hoạt, mà nơi quyển *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* chúng tôi chưa tiện bề giải thích. Ngoài ra, quyển *Bát Thức Quy Cử Tụng* còn nói lên được tính chất và giá trị của tám Tâm Thức trong quá trình chuyển hóa để giác ngộ hoặc để độ sanh.

Do đó, trước tiên chúng tôi chọn quyển *Bát Thức Quy Cử Tụng* từ trong *Đại Tạng Hán Tự* để dịch sang Việt Ngữ, mục đích bổ túc tư tưởng cho quyển *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* có thêm phần sáng tỏ lập trường.

Quyển *Bát Thức Quy Cử Tụng* này được dịch theo lối thoát văn, nghĩa là chỉ lấy ý tưởng của *Duy Thức Học* để diễn giải bằng cách cô đọng vào trong quyển sách này hơn là dịch theo văn pháp của Trung Hoa, bởi vì văn pháp cổ của Trung Hoa không giống như văn pháp của Việt Nam. Hơn nữa, cú pháp Trung Hoa trong quyển *Bát Thức Quy Cử Tụng* thì quá cô đọng, vì thế có thể trở nên tối nghĩa, khiến cho người đọc khó hiểu. Nơi bản dịch này, chúng tôi chủ trương “lấy ý hơn lấy lời”, cho nên sự giải thích trong đây nhằm soi vào những chỗ tối nghĩa; đồng thời sắp xếp lại theo chiều diễn tiến để cho ý tưởng *Duy Thức Tông* được phổ truyền sâu rộng.

Theo tinh thần Phật giáo, người học Phật cần “đọc văn cầu lý” hơn là chấp trước nơi văn chương chữ nghĩa. Với chiều hướng này, mong rằng quý độc giả hoan hỷ và thông cảm cho lối dịch của chúng tôi không đi sát với văn cú của *Hán Tự Trung Hoa*.

Quyển *Bát Thức Quy Cử Tụng* của Ngài Huyền Trang, một trong những tác phẩm tư tưởng *Duy Thức*, được xây dựng trên tinh thần *Bồ Tát Hạnh*. Phương pháp hành trì của *Duy Thức Quán* cũng là phương pháp tu tập của *Bồ Tát Hạnh*. Bởi sự liên hệ mật thiết giữa *Bát Thức Quy Cử Tụng* và *Bồ Tát Hạnh*, chúng tôi muốn nhứt cử lưỡng tiện cho việc tham khảo, nên cộng thêm bản dịch 50 ngôi vị tu tập của *Bồ Tát* trong *Phật Học Đại Từ Điển* do Phật Quang xuất bản với nhan đề: “*Quá Trĩnh Tu Tập Của Bồ Tát*” nơi phần Phụ Bản để góp thêm tài liệu cho quý độc giả dễ dàng trong vấn đề nghiên cứu tu học.

Không ngoài mục đích xướng minh Phật Pháp và nhằm phát huy *Duy Thức Tông* trong thời đại mới, thời đại văn minh cơ giới cực thịnh, chúng tôi nguyện dịch quyển *Bát Thức Quy Cử*

Tụng này hầu công hiến đến quý độc giả phương pháp đi vào kho tàng tư tưởng Duy Thức Tông có tính khoa học.

Vấn đề dịch thuật kinh sách, Giáo Điển cao thâm, Phật Pháp nhiệm mầu, thật là một việc làm đáng trách. Với tài sơ trí thiên, học cạn hiểu gàn, chúng tôi qua phần dịch thuật, nơi tác phẩm này, không làm sao chu toàn giáo nghĩa. Nếu có chỗ sai lầm thiếu sót, âu cũng là bởi thấy biết hạn hẹp, kính mong các bậc cao minh niệm tình chỉ giáo. Thành thật cảm ơn chư Tôn túc, quý thức giả và quý độc giả bốn phương.

**Trân trọng cẩn bút,
THẮNG HOAN**

BÁT THỨC QUY CỬ TỤNG

(Những bài Tụng khuôn mẫu giảng về tám Thức Tâm Vương)

*Tác giả: HUYỀN TRANG
Người toát yếu: KHUY CƠ
Người dịch và giảng giải: THẮNG HOAN*

I. XUẤT XỨ:

Đời nhà Đường, Ngài Huyền Trang là một vị Pháp Sư thông bác ba tạng Kinh Điển của Phật giáo. Ngài dịch rất nhiều Kinh Luận Đại Thừa. Trong đó có những bộ luận thuộc về Tông Duy Thức. Bát Thức Quy Cử Tụng ở đây chính là một trong những bộ luận của Tông Duy Thức do Ngài sáng tác bằng văn xuôi. Nghĩa lý của Tông Duy Thức trong những bộ luận do Ngài phiên dịch cũng như sáng tác thì rất sâu xa thâm diệu và khiến cho những người chưa quen thuộc với Tông Phái nói trên gặp phải khó khăn không ít trong việc nghiên cứu để tìm hiểu chân giá trị môn học này. Ngài Khuy Cơ là đệ tử của Ngài Huyền Trang, mong muốn sự lợi ích của Tông Duy Thức được phổ biến sâu rộng trong nhân gian, liền xin phép Bôn Sư toát yếu bộ luận đây thành bài Tụng để cho người đọc dễ nhớ. Những bài Tụng trong Bát Thức Quy Cử Tụng gồm có 4 Chương và mỗi Chương có 12 câu Tụng, nhằm mục đích trình bày rõ ràng hành tướng của tám Thức chính yếu với nhan đề là “Bát Thức Quy Cử Tụng”.

II. ĐỊNH NGHĨA:

A.- BÁT THỨC:

THỨC: là hiểu biết, là phân biệt. Bát Thức nghĩa là tám loại hiểu biết, tám loại phân biệt. Tám loại hiểu biết được liệt kê như sau:

- 1.- Hiểu biết qua mắt gọi là Nhãn Thức.
- 2.- Hiểu biết qua tai gọi là Nhĩ Thức.

- 3.- Hiểu biết qua mũi gọi là Tỷ Thức.
- 4.- Hiểu biết qua lưỡi gọi là Thiệt Thức.
- 5.- Hiểu biết qua thân gọi là Thân Thức.
- 6.- Hiểu biết qua Ý (Manas) gọi là Ý Thức.
- 7.- Hiểu biết qua sự so đo, chấp trước gọi là Mạt Na Thức.
- 8.- Hiểu biết qua sự xây dựng, qua sự bảo trì và qua sự tàng trữ vạn pháp gọi là Alaya Thức.

Sáu Tâm Thức ở trước, từ Nhãn Thức cho đến Ý Thức đều y cứ nơi Căn (Giác quan) để đặt tên cho chúng. Thức Mạt Na thứ bảy thường duyên đến và chấp trước nơi Kiến Phần tư lương của Thức Alaya thứ tám để chọn làm Ngã Pháp (Ngã Tướng và Pháp Tướng), nên được đặt tên là Thức Mạt Na. Kiến Phần Tư Lương nghĩa là phân tác dụng (Activity) của Thức Thể Alaya trong công việc tính toán so lường để xây dựng và bảo trì vạn pháp đúng theo giá trị luật Nhân Quả Nghiệp Báo của mỗi Pháp nên gọi là Kiến Phần Tư Lương, còn Thức Alaya thứ tám chính là chỉ cho Thức Thể Alaya (Thức Thể là Tâm Thức thuộc loại Dynamic-State). Thức Thể Alaya dịch là Vô Một, nghĩa là Tâm Thức này thường hay dung chứa và bảo trì hạt giống của tất cả sự vật không cho tiêu diệt, nên Tâm Thức này gọi là Vô Một.

B.- QUY CỬ:

QUY: là dụng cụ để đo hình tròn. CỬ: là dụng cụ để đo hình vuông. QUY CỬ: nghĩa là những dụng cụ để đo hình tròn và hình vuông của Thợ Mộc. Người Thợ Mộc, nếu không có Quy-Cử thì không thể nào xây dựng sự vật đúng theo kiểu mẫu. Quy Cử ở đây nghĩa bóng là phương thức, là khuôn mẫu cho việc xây dựng cũng như sáng tạo các pháp và con người.

C.- TỤNG:

TỤNG: là những bài Tụng gồm những lời văn ngắn gọn, dễ đọc, mà khi đọc thì có âm, có điệu dễ nghe. Nói cách khác, những bài Tụng giảng giải về tám Tâm Thức và thuyết minh hành tướng của mỗi Tâm Thức một cách rõ ràng, thiết thực, chính xác, có đường lối giống như Quy Cử, nên gọi là Bát Thức Quy Cử Tụng.

ĐỆ NHẤT CHƯƠNG

(Chương thứ nhất)

TIỀN NGŨ THỨC TỤNG:

Bài Tụng giảng về năm Tâm Thức ở trước.

1.- TÁNH CẢNH HIỆN LƯỢNG THÔNG TAM TÁNH:

DỊCH: Cảnh là Tánh Cảnh, Lượng là Hiện Lượng, cả hai đều thông đến ba Tánh.

GIẢI: CẢNH: là cảnh tượng, nghĩa là hiện tượng làm bối cảnh của năm Tâm Thức trước. Cảnh tượng này đều nương tựa nơi Thể Tánh của Duy Thức để biến hiện thành hình tướng trong thế gian, nên Cảnh tượng này được gọi là Tánh Cảnh. Thể Tánh của Duy Thức tức là chỉ cho Thức Thể Alaya. Thức Thể Alaya là một loại Tâm Thức đóng vai trò làm nền tảng cho việc sanh khởi vạn pháp, nên Thức Thể Alaya gọi là Thể Tánh của Duy Thức hoặc gọi là Tánh Duy Thức.

TÁNH CẢNH: nghĩa là cảnh tượng chân thật trong thế gian và những cảnh tượng này được phát sanh từ nơi Thể Tánh của Duy Thức. Cảnh tượng chân thật nói trên tức là chỉ cho hiện tượng vạn pháp trong thế gian và những hiện tượng này luôn luôn đóng vai trò đối tượng (Objects) cho năm Tâm Thức phát sanh tác dụng để hiểu biết. Tánh Cảnh của một sự vật biểu hiện qua năm đối tượng khác nhau, nghĩa là một sự vật được biểu hiện qua năm Tánh Cảnh khác nhau để làm đối tượng cho năm Tâm Thức. Năm Tánh Cảnh khác nhau của một sự vật gồm có: Sắc, Thinh, Hương, Vị và Xúc. Một sự vật trong thế gian dù lớn hay nhỏ như thế nào đi chăng nữa đều gồm có năm phần đối tượng gọi là năm Tánh Cảnh vừa kể và nhờ năm phần đối tượng đó, năm Tâm Thức mới hiểu biết được sự vật qua năm khía cạnh nói trên. Năm Tánh Cảnh đối tượng của một sự vật vừa kể gọi chung là Hữu Chất Tánh Cảnh, nghĩa là những Cảnh Tượng có thể chất chân thật do Tánh Duy Thức biến hiện nên.

LƯỢNG: là lượng tính, nghĩa là sự phân biệt vạn pháp của Tâm Thức có tính cách so lường, cân nhắc, tính toán để hiểu biết chính xác nên gọi là Lượng. Lượng ở đây gồm có ba loại: Hiện Lượng, Tỷ Lượng và Phi Lượng.

Bản tánh của năm Tâm Thức là hiểu biết vạn pháp không có vấn đề so sánh và phân biệt về hình thức như là: không có phân biệt lớn nhỏ, dài ngắn, vuông tròn v.v... và cũng không có so sánh cái này không phải cái kia, cái kia khác hơn cái nọ v.v... Năm Tâm Thức đây chỉ duyên với thật cảnh bên ngoài để hiểu biết sự vật mà trong lúc đó Ý Thức thứ sáu không có hợp tác phân biệt nên gọi là Hiện Lượng.

Thí dụ: Anh A nhìn thấy anh B qua con mắt mà trong lúc đó anh để Ý vào, cho nên anh A không nhớ được anh B ăn mặc gì và anh B đang làm gì, mặc dù anh A vẫn biết rằng mình đã thấy anh B.

Đó là trạng thái Nhân Thức anh A nhìn thấy sự vật bằng Hiện Lượng mà trong lúc đó Ý Thức thứ sáu của anh A không hợp tác phân biệt. Nói cách khác, năm Tâm Thức chỉ hiểu biết sự vật bên ngoài bằng Hiện Lượng.

Năm Tâm Thức ở đây tác dụng sinh hoạt theo nghiệp lực điều khiển, nhằm mục đích giúp cho Ý Thức thứ sáu tạo thêm nghiệp báo. Cho nên năm Tâm Thức nói trên thông cả ba tánh là: Tánh Thiện, Tánh Ác và Tánh Vô Ký (Tánh Vô Ký nghĩa là tánh chất thuộc loại không phải thiện và cũng không phải ác). Nghĩa là năm Tâm Thức nói trên thường liên lạc và giao tiếp với tất cả sự việc chẳng những thuộc loại Tánh Thiện, thuộc loại Tánh Ác và cho đến những sự việc thuộc loại Tánh Vô Ký. Nói cách khác, năm Tâm Thức thường sinh hoạt quan hệ chẳng những

các pháp Thiện, các pháp ác cho đến quan hệ các pháp thuộc loại vô ký và không chê bỏ một pháp nào cả. Bởi thế, nhà Duy Thức cho năm Tâm Thức này thông cả ba Tánh.

2.- NHÂN, NHĨ, THÂN TAM, NHỊ ĐỊA CỤ:

DỊCH: Nơi cõi Nhị Địa (Cõi Sắc), chỉ còn lại ba Tâm Thức là: Nhân Thức, Nhĩ Thức, và Thân Thức.

A. DỤC GIỚI:

DỤC GIỚI: là những cõi thuộc ái dục. Những cõi này được thành lập là do bởi chất ái dục cực thịnh và thô tục kết hợp nên, nghĩa là những thể giới và những chúng sanh hữu tình trong các cõi đó được xây dựng nên bởi chất ái dục cực thịnh và được kết hợp thành hình bởi vật chất trọng trược trói buộc, nên gọi là Dục Giới.

Dục Giới gồm có;

1/- **NGŨ THỨ TẠP CỤ ĐỊA:** nghĩa là những cõi Ái Dục đều đầy đủ năm Thú (năm loại chúng sanh) ở chung lẫn lộn nhau nên gọi là Tạp Cự. Năm Thú là: Thiên, Nhân, Địa Ngục, Nga Quỷ và Súc Sanh. Ngoài năm Thú nói trên, A Tu La là loại không có nơi chốn nhứt định. Nguyên vì loại A Tu La này đều có mặt ở những cõi Trời và cõi Người, cho nên chúng được gọi là Thiên A Tu La và Nhân A Tu La. Bởi lẽ đó, A Tu La không được xếp loại trong năm Thú nói trên.

Các loài chúng sanh hữu tình trong những cõi Ái Dục (Dục Giới) được nẩy nở và lớn lên qua sự ăn uống, ngủ nghỉ, và dâm dục để tồn tại. Thế nên chúng sanh hữu tình ở những cõi này đều đầy đủ năm Tâm Thức.

B.- SẮC GIỚI:

SẮC GIỚI: là những cõi được xây dựng bởi những sắc chất rất tinh tế, rất trong suốt. Những sắc chất ở đây không ô trược, không nhờn nhớp, không giống như những thể giới thuộc Ái Dục. Những sắc chất trong những cõi này rất tinh sạch, rất trong sáng giống như chất pha lê kết hợp tạo thành thể giới và tạo thành thân thể. Chúng sanh hữu tình sống trong những thể giới sắc chất vừa kể trên vẫn chưa thoát khỏi sự ràng buộc của Ái Dục, mặc dù sự Ái Dục của họ không tác dụng mạnh và họ cũng chưa lìa khỏi hẳn sự ràng buộc của vật chất, cho nên những cõi này được gọi là Sắc Giới.

1/- SƠ THIÊN LY, SANH HỖ LẠC ĐỊA:

Sơ Thiên Ly, Sanh Hỷ Lạc Địa nghĩa là cõi Thiên Định thuộc về bậc thứ nhất. Chúng sanh hữu tình sống trong cõi đó thì rất an ổn, rất sung sướng và vui mừng cho mình đã được lìa khỏi vòng sinh tử lưu chuyển của Dục Giới để sống trong cõi Sắc Giới. Những chúng sanh hữu tình trong cõi này tuy có thân thể, nhưng họ không dâm dục thô tục. Họ được sanh ra bằng cách hóa sanh. Họ không có ăn uống (không đoạn thực), nghĩa là họ không ăn đồ ăn vào trong bụng như những chúng sanh hữu tình ở các cõi Dục Giới. Cho nên họ chỉ có ba Tâm Thức sinh hoạt là:

Nhân Thức, Nhĩ Thức, và Thân Thức. Họ không có Thiệt Thức và Tỷ Thức tác dụng. (Thân tam, Nhị Địa cư).

2.- NHỊ THIÊN ĐỊNH, SANH HỖ LẠC ĐỊA:

Nhị Thiên Định Sanh Hỷ Lạc Địa nghĩa là cõi Thiên Định thuộc về bậc thứ hai. Chúng sanh hữu tình sống trong cõi đó nhờ thiên định mà lìa được trạng thái Tầm tư, chỉ còn cảm giác về sự vui vẻ và an lạc trong trạng thái không chấp trước (trạng thái xả). Họ xa lìa được trạng thái Tầm tư, nghĩa là họ tu thiên định đã được thuần thực trong sự quán chiếu, cho nên họ không cần phải chứng minh mới giác ngộ và họ cũng không cần phải dụng tâm phân tích để xét đoán mới trực diện sự kiện. Những người tu thiên định ở cõi này mỗi lần quán chiếu vấn đề nào là họ liền giác ngộ ngay và không cần phải sử dụng lý trí để xét đoán.

3.- TAM THIÊN LY HỖ, DIỆU LẠC ĐỊA:

Tam Thiên Ly Hỷ, Diệu Lạc Địa nghĩa là cõi Thiên Định thuộc về bậc thứ ba. Chúng sanh hữu tình sống trong cõi đó nhờ thiên định xa lìa được trạng thái hỷ và chỉ còn cảm giác về sự an lạc một cách mâu nhiệm trong trạng thái không chấp trước (trạng thái Xả). Người tu thiên định ở cõi này thì luôn luôn giữ Tâm Thức được tĩnh lặng một cách tự tại, nghĩa là họ không bao giờ bị rung động trước bất cứ sự cảm xúc nào của khổ, vui trong cuộc đời và trong lúc đó chính họ đã đạt đến một sự an lạc đặc biệt mâu nhiệm không thể diễn tả của bậc Thiên Định thứ ba này là Thiên Định Ly Hỷ Diệu Lạc Địa.

4.- TỨ THIÊN XẢ NIỆM THANH TỊNH ĐỊA:

Tứ Thiên Xả Niệm Thanh Tịnh Địa nghĩa là cõi Thiên Định thuộc về bậc thứ tư. Chúng sanh hữu tình sống trong cõi đó nhờ thực tập thiên định đến mức thuần thực đã xa lìa hẳn trạng thái an lạc và khiến cho thân tâm nên thanh tịnh trong tĩnh lặng. Lúc đó, họ chỉ còn lại sự cảm giác về trạng thái không chấp trước (trạng thái Xả). Người tu thiên định còn cảm giác về sự an lạc tức là người còn dụng tâm để niệm niệm phân biệt, còn chọn lựa những điều an lạc để hưởng thụ và còn phân biệt những điều không an lạc để tránh né, đào thải, thế là người chưa đạt đến Tứ Thiên Xả Niệm Thanh Tịnh Địa. Người tu thiên định thuộc thứ tư này không phải đi tìm sự an lạc từ bên ngoài mang vào, mà ở đây họ phát hiện sự an lạc từ trong Tâm khơi nguồn tuôn chảy ra. Nguồn an lạc thật sự đó chỉ có thể hiện là khi nào Tâm họ hoàn toàn thanh tịnh, trong trạng thái tĩnh lặng mà ngay lúc đó, Tâm họ không còn bận chút nào ô nhiễm bởi niệm niệm phân biệt chấp trước. Người tu thiên định đạt đến mức độ nói trên tức là người đã chứng được Địa Vị Thiên Xả Niệm Thanh Tịnh một cách viên mãn.

C/- VÔ SẮC GIỚI:

Vô Sắc Giới nghĩa là những cõi hoàn toàn thoát ly hẳn vật chất, chỉ còn lại tâm Thức tồn tại mà thôi. Những thế giới Vô Sắc phần nhiều là thế giới Vọng Hiện của thế giới Chân Như lưu xuất và cũng nên tảng của thế giới Nghiệp Duyên sanh khởi. Thế giới Nghiệp Duyên chính là những thế giới Sắc Giới và những thế giới này được phát sanh là do những thế giới Vọng Hiện của Vô Sắc tạo nghiệp thành hình, còn những thế giới Dục Giới cũng là loại thế giới Nghiệp Duyên và những thế giới này được phát sanh là do những thế giới Sắc Giới tạo nghiệp bằng cách

cô đọng những Sắc Uẩn kết hợp thành hình. Thế giới Sắc Uẩn của Dục Giới là những thế giới trọng trực và ngăn ngại. Riêng Vô Sắc Giới là những thế giới hoàn toàn do Thức Âm tạo thành, cho nên chúng nó không bị ngăn ngại bởi vật chất.

Vô Sắc Giới gồm có:

5/- KHÔNG VÔ BIÊN XỨ ĐỊA:

Không Vô Biên Xứ Địa nghĩa là những chúng sanh hữu tình ở cõi này đã xa lìa phần sắc tướng thô trực tạp nhiễm của Nghiệp Duyên nơi các cõi Sắc Giới. Sắc Tướng Nghiệp Duyên ở đây đều là nghiệp tướng thành hình, nhưng Nghiệp Tướng không phải là Nghiệp Lực. Sắc Tướng Nghiệp Duyên chỉ có trong Sắc Giới và Dục Giới mà chúng nó không thể có trong Vô Sắc Giới. Những chúng sanh ở cõi Không Vô Biên Xứ Địa chỉ do sắc tướng tinh tế vọng hiện của thế giới Chân Như lưu xuất tác dụng kết thành thân thể và kết thành thế giới. Những chúng sanh hữu tình trong thế giới này đều là ở trạng thái không, nghĩa là chúng nó chỉ có Tướng Thể mà không có Tướng Hiện như các cõi Sắc Giới. Tướng Thể là những hình tướng nguyên thể chưa bị tác dụng biến dịch, còn Tướng Hiện là những hình tướng đã bị tác dụng biến thể thành hình dạng khác biệt, lớn nhỏ v.v... không giống nhau và chúng nó cũng không còn giữ trạng thái nguyên thể như xưa nữa. Thế Giới của họ cư trú là Hư Không bao la không có biên giới ngăn cách. Chúng hữu tình ở cõi này nhờ tu tập Thiền Quán nên giác ngộ được thể tánh của vạn pháp đều nằm trong trạng thái hư không bao la không có bờ mé. Cho nên thế giới này được gọi là Không Vô Biên Xứ Địa.

6/- THỨC VÔ BIÊN XỨ ĐỊA:

Thức Vô Biên Xứ Địa nghĩa là những chúng sanh hữu tình ở cõi này không còn dùng sắc tướng tinh tế vọng hiện của thế giới ngoại cảnh làm thân thể và làm cảnh giới để an trụ giống như Không Vô Biên Xứ Địa nói trên, mặc dù sắc tướng của thế giới ngoại cảnh đều là vọng hiện của thế giới Chân Như. Ở đây, họ chỉ dùng Thức Tướng của cảnh giới nội Tâm làm thân thể và làm cảnh giới để an trụ. Nói cách khác, họ chỉ dùng Thức Thân (Thân Thể bằng Tâm Thức) trong nội Tâm làm thân thể thay vì sử dụng từ những Ngã Tướng vọng hiện ngoại ảnh của thế giới Chân Như làm thân thể và họ chỉ dùng Thức Cảnh (Cảnh giới bằng Tâm Thức) trong nội Tâm làm cảnh giới an trụ thay vì sử dụng từ những Pháp Tướng vọng hiện ngoại cảnh của thế giới Chân Như làm cảnh giới nương tựa giống như Không Vô Biên Xứ Địa nêu trên. Thức Cảnh của những chúng sanh hữu tình ở cõi này an trụ tức là Thức Thể Alaya bao la không biên giới nên gọi Cảnh Giới là Thức Vô Biên Xứ Địa.

7.- VÔ SỞ HỮU XỨ ĐỊA:

Vô Sở Hữu Xứ Địa nghĩa là những chúng sanh hữu tình ở cõi này đã lìa được trạng thái Không Quán, tức là họ đang sống trong thế giới Không Tánh (Thể Tánh vạn pháp đều không), cho nên họ không còn sử dụng Thiền Quán để nhận chân Thể Không của vạn pháp thuộc ngoại cảnh. Họ đã không còn sử dụng Tâm Thức để quán chiếu nữa mà ở đây, họ chỉ sử dụng Trí Tuệ để trực tiếp giác ngộ Thiền Cảnh không qua Thiền Quán. Họ cũng đã lìa được trạng thái ràng buộc của các Tâm Sở điều khiển hỗ trợ, nghĩa là ở đây họ luôn luôn sống trong Thiền Định bằng cách trực giác mà không cần phải quán chiếu để hiểu biết nữa. Cho nên họ không bị chi phối bởi

các Tâm Sở, như là các Tâm Sở Biến Hành cũng như các Tâm Sở Biệt Cảnh. Họ chỉ lìa khỏi sự ràng buộc của các Tâm Sở Biến Hành và các Tâm Sở Biệt Cảnh liên hệ, nhưng họ chưa hóa giải được những hạt giống các Tâm Sở nói trên. Những chúng sanh hữu tình trong cõi này thì không còn chi để sử dụng (Vô Sở dụng) và cũng không cần chi để hưởng thụ (Vô Sở hữu). Chẳng những thế, họ cũng không cần đến những pháp môn để chứng đắc (Vô Sở đắc), nhưng họ còn vướng mắc bởi Tâm Sở Tướng điều khiển, cho nên họ còn bị suy tưởng bởi vọng tưởng về tướng sai biệt không bình đẳng của thế giới Chân Như. Ở đây họ còn phải tiếp tục sử dụng Trí Tuệ quán chiếu để hóa giải tận gốc rễ Tâm Sở Tướng, không cho nó còn chút nào dấu vết trong Tâm Thức nữa. Nhờ đó họ mới trực diện được thể tánh bình đẳng không sai biệt của thế giới Chân Như.

8/- PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG XỨ ĐỊA:

Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Địa nghĩa là thế giới hoàn toàn không còn trạng thái Phi Phi Tướng. Những chúng sanh hữu tình ở cõi này thì mới thật sự sống trọn vẹn trong thế giới tĩnh lặng, sau khi họ hóa giải xong dấu vết hạt giống Tâm Sở Tướng. Họ sử dụng Thiền Định Vô Tướng nhằm mục đích hóa giải hạt giống Tâm Sở Tướng và nhờ đó họ đạt đến trạng thái Phi Phi Tướng. Sau khi đạt đến trạng thái Phi Phi Tướng, họ không còn sử dụng Thiền Định Vô Tướng nữa, nguyên vì hạt giống Tâm Sở Tướng không còn dấu vết trong Tâm Thức của họ. Lúc đó họ sống hoàn toàn trọn vẹn trong thế giới tĩnh lặng của Thể Tánh chân thật. Thế giới Thể Tánh chân thật được gọi là thế giới Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Địa. Những chúng sanh hữu tình ở cõi này chỉ trực diện được thế giới Chân Như, nhưng họ chưa có thể bước vào thế giới Chân Như, nguyên vì họ còn bị vướng mắc bởi Vô Minh Nghiệp Tướng mà trong lúc đó họ chưa hóa giải được. Ở đây họ còn phải tiếp tục phát huy Trí Tuệ Diệu Quan Sát và Trí Tuệ Bình Đẳng Tánh để hóa giải Căn Bản Vô Minh Nghiệp Tướng trong mỗi Tâm Thân của họ ra khỏi vòng đai năng lực Tổng Thể Vô Minh Nghiệp Tướng. Đồng thời họ chuyển hóa Kiến Phần Thức Alaya nơi chính họ tách rời ra khỏi Thức Thể Alaya để biến thành Trí Tuệ Đại Viên Cảnh và Trí Tuệ Đại Viên Cảnh này lại thể nhập vào Tâm Như Lai Tạng. Thế là họ thật sự bước vào và an trụ nơi thế giới Chân Như một cách tự tại giải thoát.

Đây là ý nghĩa và giá trị của ba cõi (Tam Giới) và chín Địa (Cửu Địa). Trừ Địa thứ nhì (Nhị Địa) ra tức là trừ ra Ly Sanh Hỷ Lạc Địa, chúng sanh hữu tình của bảy Địa sau chỉ duyên đến và an trụ nơi Thiền Định ở bên trong nội Tâm, cho nên năm Tâm Thức ở trước không phát khởi tác dụng sinh hoạt để yểm trợ cho Ý Thức thứ sáu nhận thức.

3.- BIẾN HÀNH, BIỆT CẢNH, THIỆN THẬP NHỨT: TRUNG NHỊ, ĐẠI BÁT, THAM, SÂN, SI:

DỊCH: Có năm Tâm Sở Biến Hành, năm Tâm Sở Biệt Cảnh, mười một Tâm Sở Thiện.

Hai Tâm Sở Trung Tùy, tám Tâm Sở Đại Tùy và Tham, Sân, Si.

GIẢI: Đây là những Tâm Lý (Tâm Sở) thường hợp tác với nhau (Tương ưng) và cùng nhau yểm trợ cho năm Tâm Thức sinh hoạt. Nguyên do năm Tâm Thức tự nó sinh hoạt không lanh lợi và cũng không mạnh mẽ như Ý Thức thứ sáu, vì sinh hoạt không lanh lợi và không mạnh mẽ như Ý Thức thứ sáu, cho nên năm Tâm Thức tự nó không thể hợp tác toàn diện và hoạt động cùng

một lúc với 51 loại Tâm Sở. Ở đây, năm Tâm Thức chỉ có khả năng kết hợp được 34 Tâm Sở là: 5 Biến Hành, 5 Biệt Cảnh, 11 Thiện, 3 Căn Bản Phiền não, 2 Trung Tùy và 8 Đại Tùy.

1/ Trong 6 Căn Bản Phiền Não, năm Tâm Thức không thể kết hợp với Mạn, Nghi và Ác Kiến. Tâm Sở Mạn, Nghi và Ác Kiến sở dĩ phát sanh tác dụng là do Ý Thức thứ sáu phân biệt, so đo, chấp trước theo quan niệm của mình làm trợ duyên. Như là Tâm Sở Mạn và Tâm Sở Nghi. Tâm Sở Mạn sở dĩ phát sanh tác dụng là do Ý Thức thứ sáu khởi niệm phân biệt làm trợ duyên và Tâm Sở Nghi sở dĩ phát sanh tác dụng là do Ý Thức thứ sáu khởi niệm chọn lựa làm trợ duyên. Nhưng năm Tâm Thức thì chỉ có khả năng hiểu biết vạn pháp một cách trực tiếp không cần phải qua trung gian, nên sự hiểu biết của năm Tâm Thức được gọi là Trực Giác. Do đó, bản tánh của năm Tâm Thức hoàn toàn không có vấn đề phân biệt, so đo, chấp trước theo quan niệm của mình, nghĩa là năm Tâm Thức này hiểu biết vạn pháp không có vấn đề so sánh và chọn lựa giống như Ý Thức thứ sáu. Cho nên năm Tâm Thức không thể hợp tác với các Tâm Sở Mạn, Nghi và Ác Kiến. Năm tâm Thức ở đây chỉ quan hệ với các Tâm Sở Tham, Sân, và Si Mê trong 6 Căn Bản Phiền Não.

2/- Mười Tâm Sở Tiểu Tùy Phiền Não thường tác dụng hiện bày hành động biểu lộ ra ngoài một cách thô tục, nông cạn và mạnh bạo. Ngược lại, năm Tâm Thức sinh hoạt hiểu biết vạn pháp một cách tinh tế và sâu sắc hơn. Cho nên năm Tâm Thức đây không thể hợp tác với 10 Tâm Sở Tiểu Tùy Phiền Não.

3/- Bốn Tâm Sở Bất Định là Hối, Miên, Tầm và Tư. Năm Tâm Thức không thể nào hợp tác được với 4 Tâm Sở Bất Định nói trên. Nguyên do:

a]- Tâm Sở Hối là trạng thái tâm lý thường ăn năn và hối tiếc những công trình, những cố gắng của Ý Thức thứ sáu sinh hoạt. Tâm Sở Hối thường ghi nhớ và so sánh thiệt hơn những quá trình hành động của Ý Thức thứ sáu để ăn năn hối tiếc. Năm tâm Thức hiểu biết vạn pháp một cách trực tiếp, cho nên không có vấn đề ăn năn hối tiếc. Do đó, năm Tâm Thức không thể hợp tác với Tâm Sở Hối.

b]- Tâm Sở Miên là trạng thái tâm lý thích ngủ nghỉ, thường hay chận đứng sáu Tâm Thức (từ Nhân Thức cho đến Ý Thức thứ sáu) không cho sinh hoạt và khiến con người trở nên bị buồn ngủ. Vì thế năm Tâm Thức không thể hợp tác với Tâm Sở Miên.

c]- Tâm Sở Tầm là trạng thái tâm lý thích tìm cầu những dữ kiện, những chứng tích chưa được đối diện hiện cảnh. Ngược lại, năm Tâm Thức chỉ hiểu biết trực tiếp vạn pháp thuộc đối diện và vạn pháp thuộc hiện cảnh. Ngoài ra năm Tâm Thức này không thể hiểu biết vạn pháp thuộc về quá khứ không đối diện và cũng như vạn pháp thuộc về tiềm năng (Memories) không hiện cảnh. Cho nên năm Tâm Thức không có vấn đề tìm cầu và do đó, không thể hợp tác với Tâm Sở Tầm.

d]- Tâm Sở Tư là trạng thái tâm lý thường thích xét đoán chính chắn, phân biệt một cách tỉ mỉ về ý nghĩa, về giá trị và tính chất của những sự vật đối diện. Ngược lại, năm Tâm Thức chỉ hiểu biết sự vật bằng trực giác mà chúng không cần phải xét đoán hay phân tích. Cho nên năm Tâm Thức này không thể hợp tác với Tâm Sở Tư.

4.-NGŨ THỨC ĐỒNG Y TỊNH SẮC CĂN:

DỊCH: Năm Thức đều nương nơi Tịnh Sắc Căn để khởi tác dụng hiểu biết.

GIẢI: Năm Tâm Thức đều nương nơi năm Căn Tịnh Sắc để khởi tác dụng sinh hoạt hiểu biết vạn pháp. Năm Tâm Thức đều không có tên để gọi và nhà Duy Thức căn cứ nơi hình tướng của năm Căn Phù Trần (tức là Mắt, Tai, Mũi, Miệng, Lưỡi và Thân Thể) để đặt tên cho chúng. Căn nghĩa là giác quan. Căn có hai loại:

a/- **PHÙ TRẦN CĂN:** nghĩa là những giác quan thô phù hiện bày ra bên ngoài như là: Mắt, Tai, Mũi, Miệng, Lưỡi và toàn bộ Thân Thể bằng xương thịt.

b/- **TỊNH SẮC CĂN:** nghĩa là những giác quan rất tinh tế nhạy bén nằm phía bên trong thân thể con người, tức là chỉ cho những hệ thống Thần Kinh (Nervous-Systems) và thường gọi là năm giác quan tinh vi. Năm Giác Quan này là năm cơ quan dùng cho năm Tâm Thức nương tựa sinh hoạt để hiểu biết vạn pháp. Giữa Căn và Trần Cảnh có mối quan hệ lẫn nhau với Tâm Thức một cách mật thiết. Sự quan hệ giữa Căn và Trần Cảnh được giải thích như sau:

1/- **Y:** là nương tựa, nghĩa là Tâm Thức nương tựa nơi Căn để hiểu biết vạn pháp và Căn cũng nương tựa nơi Tâm Thức để tiếp nhận những ảnh tượng của các sự vật bên ngoài theo nhu cầu hiểu biết.

2/- **PHÁT:** là phát sanh, nghĩa là Căn chính là nơi chôn để cho Tâm Thức tác dụng phát sanh ra sự hiểu biết về vạn pháp và Tâm Thức cũng phát sanh tác dụng để xây dựng và bồi dưỡng cho Căn.

3/- **THUỘC:** là phụ thuộc, nghĩa là Tâm Thức phụ thuộc nơi Căn để thiết lập thành danh xưng (thành tên để gọi) và Căn cũng phụ thuộc nơi Tâm Thức để được tồn tại.

4/- **TRỢ:** là trợ giúp, nghĩa là Tâm Thức trợ giúp khiến cho Căn rung động sinh hoạt và Căn cũng trợ giúp khiến cho Tâm Thức tác dụng để hiểu biết.

5/- **NHU:** là giống như, nghĩa là Tâm Thức hiểu biết sự vật giống như Căn thân ảnh và Căn thân ảnh sự vật bên ngoài vào giống như Tâm Thức hiểu biết.

Nói tóm lại, các giác quan của năm Tâm Thức thuộc về vật chất thì gọi là **CĂN**, còn năng lực có thể hiểu biết được năm Uẩn (Ngũ Uẩn) thì gọi là **TÂM THỨC**. Năm Uẩn gồm có: Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn và Thức Uẩn. Căn và Tâm Thức thì khác nhau hoàn toàn về tính chất. Nguyên do, Căn được Sắc Uẩn kết hợp tạo thành và tính chất của chúng thì thuộc về loại Hữu Phú Vô Ký, nghĩa là tính chất của năm Căn bị ngăn che, bị ô nhiễm quấy đục (Hữu Phú), nhưng chúng nó thuộc về loại không nhất định thiện hay ác (Vô Ký). Nói cách khác, năm Căn thì không bao giờ phân biệt và cũng không bao giờ khen chê những điều thiện hoặc những điều ác. Chúng nó sẵn sàng tiếp nhận tất cả thiện ác và không chừa bỏ bất cứ những điều tốt hay những điều xấu nào. Cho nên chúng nó được gọi là Vô Ký. Nhưng năm Căn này thì thuộc về loại Sắc Uẩn và do Sắc Uẩn tạo nên. Thế nên chúng nó đều bị ô nhiễm bởi phiền não và bị ngăn che bởi si mê nên được gọi là Hữu Phú. Riêng năm Tâm Thức nói trên sinh hoạt đều bị lệ thuộc vào

năm Căn và chịu ảnh hưởng bởi năm Căn. Cho nên năm Tâm Thức này hiểu biết vạn pháp có khi bị ô nhiễm và cũng có khi được thanh tịnh.

5.- CỬU DUYÊN THẮT BÁT HẢO TƯƠNG LÂN:

DỊCH: Chín, bảy và tám Duyên quan hệ lẫn nhau rất tốt.

GIẢI: Bài Tụng này trình bày các Duyên rất quan trọng và rất cần thiết trong việc trợ giúp cho năm Tâm Thức phát sanh tác dụng để hiểu biết vạn pháp. Năm Tâm Thức nếu như không có các Duyên này trợ giúp thì không thể tác dụng và cũng không thể sinh hoạt để hiểu biết vạn pháp. Trước hết, Nhãn Thức đòi hỏi phải hội đủ chín Duyên thì mới có thể tác dụng hiện khởi để sinh hoạt. Chín Duyên gồm có:

1/- KHÔNG: là hư không, tức là chỉ cho khoảng cách. Nhãn Thức nếu như không có khoảng cách thì nhất định không thể nhìn thấy được sự vật.

2/- MINH: là ánh sáng. Nhãn Thức nếu như không có ánh sáng bên ngoài chiếu soi thì nhất định cũng không thể nhìn thấy rõ sự vật.

3/- CĂN: là Nhãn Căn, tức là chỉ cho giác quan để nhìn thấy. Nhãn Thức nếu như không có Nhãn Căn thì nhất định không thể nhìn thấy được sự vật.

4/- TÁC Ý: là Tâm Sở mong tâm chú ý để thấy. Nhãn Thức nếu như không có Tâm Sở Tác Ý giúp đỡ thì nhất định cũng không thể chú ý để nhìn thấy.

5/- CẢNH: là bối cảnh, tức là chỉ cho Trần Cảnh ở bên ngoài của một sự vật làm đối tượng để thấy. Nhãn Thức nếu như không có Cảnh để làm đối tượng hiểu biết thì nhất định cũng không thể nhìn thấy.

6/- PHÂN BIỆT Ý: là chỉ cho Ý Thức thứ sáu. Nhãn Thức nếu như không có Ý Thức thứ sáu hợp tác phân biệt thì nhất định không thể thấy rõ sự vật.

7/- NHIỆM TỊNH Ý: là chỉ cho Thức Mạt Na thứ bảy. Nhãn Thức nếu như không có Thức Mạt Na thứ bảy so đo chọn lựa, thì nhất định không thể nhìn thấy đúng những gì muốn thấy.

8/- CĂN BẢN Ý: là chỉ cho Thức Alaya thứ tám. Nhãn Thức nếu như không có Thức Alaya thứ tám làm nền tảng sanh khởi thì nhất định không biết nương tựa vào đâu để tác dụng nhìn thấy.

9/- CHUNG TỬ DUYÊN: là chỉ cho hạt giống của Nhãn Thức. Nhãn Thức nếu như không có Chung Tử Duyên thì nhất định không thể sanh khởi để nhìn thấy sự vật.

Trong chín Duyên, Chung Tử (Hạt giống) chính là Nhân Duyên, còn các Duyên khác thì thuộc về Tăng Thượng Duyên. Tăng Thượng Duyên nghĩa là tám Duyên kia chỉ đóng vai trò hỗ trợ giúp cho Nhân Duyên thêm được nảy nở và lớn lên. Riêng Năng Lực để tác dụng kích động và dẫn đạo khiến cho Chung Tử (Hạt giống) được phát sanh chính là Đẳng Vô Giác Duyên.

Đẳng Vô Giác Duyên nghĩa là Năng Lực các Duyên cùng nhau hỗ trợ và thúc dục khiến cho Nhân Duyên phát sanh tác dụng một cách liên tục không gián đoạn, nên gọi những Năng lực này là Đẳng Vô Giác Duyên.

NHĨ THỨC thì chỉ cần tám Duyên hỗ trợ. Nguyên vì Tâm Thức này khi tác dụng hiểu biết vạn pháp thì không cần đến ánh sáng bên ngoài (Minh) chiếu soi để được nhiếp.

TỶ THỨC, THIỆT THỨC và THÂN THỨC thì chỉ cần dùng bảy Duyên để hỗ trợ. Nguyên vì ba Tâm Thức này khi tác dụng hiểu biết vạn pháp thì không cần đến ánh sáng bên ngoài chiếu soi (Minh) và không cần có khoảng cách (Không) để được cảm giác.

Phần này chỉ trình bày 9 Duyên, 8 Duyên và 7 Duyên, mà ở đây chúng ta không đề cập đến Đẳng Vô Giác Duyên. Nếu như thêm vào Đẳng Vô Giác Duyên, năm Tâm Thức lại cần đến số lượng là: 10 Duyên, 9 Duyên, và 8 Duyên hỗ trợ để hiểu biết vạn pháp.

Năm Tâm Thức chỉ có khả năng hiểu biết được các pháp thuộc loại hữu vi, nghĩa là các pháp đã được hiện thành hình tướng mang tính chất Nhân Duyên Sanh. Trái lại năm Tâm Thức không có khả năng hiểu biết được các pháp thuộc loại vô vi, nghĩa là các pháp chưa được hiện tướng, vẫn còn mang tính chất Chung Tử (Hạt giống). Mỗi khi muốn hiểu biết các pháp thuộc loại hữu vi, năm Tâm Thức này cũng phải nhờ đến các Duyên nói trên hỗ trợ thì mới có thể phát khởi tác dụng sinh hoạt. Nếu như thiếu một trong các Duyên nói trên, năm Tâm Thức đây không thể nào phát sanh tác dụng để hiểu biết vạn pháp.

6.- HIỆP TAM LY NHỊ QUÁN TRẦN THẾ:

DỊCH: Ba Tâm Thức thì hiệp với cảnh để duyên và hai Tâm Thức thì cách xa với cảnh để duyên trong công việc quán sát trần thế.

GIẢI: Nhãn Thức và Nhĩ Thức thì phải cách xa (Ly) Trần Cảnh (Cảnh đối tượng) mới có thể hiểu biết, còn Tỷ Thức, Thiệt Thức và Thân Thức thì phải trực tiếp (Hiệp) duyên thẳng nơi Trần Cảnh mới có thể hiểu biết. Nói cách khác, trong năm Tâm Thức, hai Tâm Thức là Nhãn Thức và Nhĩ Thức phải duyên cảnh bằng cách gián tiếp mới quán sát được Trần Thế. Ba Tâm Thức còn lại là: Tỷ Thức, Thiệt Thức và Thân Thức phải duyên thẳng nơi Trần Cảnh bằng cách trực tiếp mới quán sát được Trần Thế.

7.- NGU GIẢ NAN PHÂN THỨC DỮ CĂN:

DỊCH: Kẻ ngu thì khó phân biệt được Thức và Căn.

GIẢI: Kẻ phàm phu ngu muội thường cho rằng, Căn (giác quan) duyên nơi Trần Cảnh liền sanh ra Tâm Thức (Căn duyên Trần sanh Thức). Họ không hiểu rõ bản chất của Tâm Thức vẫn hiện hữu (có mặt) một cách biệt lập và không quan hệ với Căn cũng như không quan hệ với Trần Cảnh. Trái lại, Căn và Trần Cảnh thì rất quan hệ với những Tâm Thức này trong sự sinh hoạt hiểu biết vạn pháp. Căn thì thuộc về vật chất và Trần Cảnh thì cũng thuộc về vật chất, còn Tâm Thức thì thuộc về tinh thần. Tánh chất của Tâm Thức không phải vật chất thì vật chất không thể sanh ra Tâm Thức được.

Thí dụ: Bóng đèn không thể sanh ra điện và điện chỉ nung nơi bóng đèn để phát sanh ra ánh sáng.

Họ cũng không tin tưởng rằng chính Tâm Thức Alaya thứ tám sanh ra Căn và Trần Cảnh. Họ lầm tưởng cho rằng Căn và Trần Cảnh đều là thực thể độc lập đối với Tâm Thức Alaya thứ tám. Thật ra Căn và Trần Cảnh đều do Tâm Thức Alaya thứ tám xây dựng thành hình tướng và Tâm Thức Alaya thứ tám nếu như rút lui sức sống thì Căn và Trần Cảnh sẽ bị tiêu diệt. Hơn nữa, họ lại không nhận thức được tánh Hữu Phú Vô Ký của Căn, nghĩa là bản chất của Căn thì thường ngăn ngại và che lấp chân tánh của Tâm Thức (Hữu Phú), đồng thời Căn cũng thuộc loại không phải thiện và cũng không phải ác (Vô Ký), vì thế Căn được gọi là Hữu Phú Vô Ký. Nguyên do họ không nhận thức được tánh Hữu Phú Vô Ký của Căn, cho nên ngộ nhận lầm tưởng cho rằng Căn và Tâm Thức cùng một loại với nhau. Trên thực tế, Căn và Tâm Thức, mỗi loại đều có công năng riêng biệt nhau và đối diện với nhau. Căn ở đây chỉ đóng vai trò làm Tăng Thượng Duyên (Trợ duyên chính yếu giúp cho Tâm Thức nung nơi đó tăng trưởng thêm lớn) hoặc làm nơi Sở Y (làm chỗ nương tựa cho Tâm Thức sinh hoạt) để giúp cho Tâm Thức nung nơi đó tác dụng hiểu biết vạn pháp.

8.- BIẾN TƯỚNG QUÁN KHÔNG DUY HẬU ĐẮC:

DỊCH: Biến ra Tướng Phần để duyên, chỉ có Trí Hậu Đắc mới quán được Tướng đấy là không.

GIẢI: Năm Tâm Thức khi chuyển thành Trí Tuệ được gọi là Trí Hậu Đắc, nhưng không phải là Trí Căn Bản và cũng không có danh nghĩa của Trí Căn Bản mặc dù chúng được chứng đắc. Trí Căn Bản nghĩa là Trí Tuệ thuộc loại nguồn gốc, có khả năng phát sanh các Trí Tuệ khác nên gọi là Trí Căn Bản, còn Trí Hậu Đắc nghĩa là Trí Tuệ được thành lập sau khi chúng đắc mà chính chúng cũng không phải Trí Tuệ thuộc loại nguồn gốc, nên gọi là Trí Hậu Đắc.

Ngược lại, năm Tâm Thức trước khi chưa thành Trí Tuệ thì cũng không có khả năng duyên thẳng đến Chân Như của các pháp một cách trực tiếp. Mỗi tác dụng để duyên đến chân như của các pháp, năm Tâm Thức này phải biến ra Tướng Phần Chân Như (Image of Truth) của những pháp đó để duyên. Tướng Phần Chân Như của các pháp mà năm Tâm Thức biến ra để duyên được gọi là Sanh Không Chân Như, hoặc gọi là Pháp Không Chân Như. Sanh Không Chân Như nghĩa là bản chất chân thật của các pháp từ ngàn xưa cho đến nay (Chân Như) đều do Nhân Duyên Sanh (Sanh Không) và chúng nó hoàn toàn không có thật thể nên gọi là Sanh Không Chân Như. Pháp Không Chân Như nghĩa là bản chất chân thật của những yếu tố tạo ra các pháp từ ngàn xưa cho đến nay (Chân Như) đều là tướng trạng thuộc loại tác dụng biến hiện (Pháp Không) và chúng nó hoàn toàn không có thật chất nên gọi là Pháp Không Chân Như. Hơn nữa, năm Tâm Thức mỗi khi tác dụng phải nương tựa nơi các Căn (Nervous-System) mới có thể phát sanh hiểu biết. Do đó chúng không thể duyên thẳng được Chân Như của các pháp một cách trực tiếp. Chẳng những thế, năm Tâm Thức này một khi đã chuyển thành Trí Hậu Đắc thì cũng không thể duyên thẳng Chân Như của các pháp. Trí Hậu Đắc chỉ có thể trực nhận được hiện tượng phản chiếu của các pháp Chân Như. Hiện tượng phản chiếu là những hình ảnh được phát xuất từ nơi các pháp Chân Như qua Huệ Nhân chiếu soi, nhưng Trí Hậu Đắc thì nhất định không thể duyên thẳng được Chân Như của các pháp.

Tại sao Trí Hậu Đắc không thể duyên thẳng được Chân Như của các pháp? Trí Hậu Đắc là một loại Trí Tuệ Sai Biệt được chuyển hóa từ nơi năm Tâm Thức sai biệt. Năm Tâm Thức sai biệt tức là chỉ cho năm Tâm Thức ở trước (Nhân Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức và Thân Thức). Trí Hậu Đắc sở dĩ được gọi Trí Sai Biệt là nguyên do vạn pháp trong vũ trụ đều có tướng sai biệt làm đối tượng. Cũng bởi vạn pháp đều có tướng sai biệt làm đối tượng, cho nên Tâm Thức nhất định phải có Trí Sai Biệt (Trí Hậu Đắc) để nhận thức các tướng sai biệt của vạn pháp. Đây là trình bày lối tu tập của các bậc Bồ Tát, còn các vị mới phát tâm hành trì thì phải nương nơi Tướng của Duy Thức (Duy Thức Tướng) mà quán chiếu để tìm ra Tánh của Duy Thức (Duy Thức Tánh). Đã là nương nơi Tướng của Duy Thức để quán chiếu Tánh của Duy Thức, các vị mới phát tâm hành trì đây thật sự chưa được an trụ nơi Tánh của Duy Thức, mặc dù Tánh của Duy Thức đã hiện bày trước mặt. Họ sở dĩ chưa được an trụ nơi Tánh của Duy Thức là do họ tu tập chưa được thuần thực. Đây chỉ là chỗ Sở Đắc (Chỗ đã đạt được) của các vị mới phát tâm (Sở Phát Tâm) tu tập.

9.- QUẢ TRUNG DU TỰ BÁT THIÊN CHÂN:

DỊCH: chính trong bậc Thánh Quả còn không gọi là Chân Như.

GIẢI: Câu này chỉ rõ năm Tâm Thức chẳng những trong cõi người không thể duyên thẳng được Chân Như của các pháp một cách trực tiếp. Cho đến trong quả Thánh (trong quả Phật), năm Tâm Thức này sau khi được chuyển thành Trí Hậu Đắc cũng không thể duyên thẳng được Chân Như của các pháp một cách trực tiếp. Nguyên do, năm Tâm Thức đây chỉ có khả năng duyên với Hữu Chất Tánh Cảnh (Hữu Chất Tánh Cảnh nghĩa là những cảnh tượng có tánh chất thật sự hiện bày). Vạn pháp thuộc Hữu Chất Tánh Cảnh đều phát sanh từ nơi vạn pháp thuộc Vô Chất Tánh Cảnh (Memories) nằm trong Tâm Thức, nhưng năm Tâm Thức này không thể hiểu biết trực tiếp được vạn pháp thuộc Vô Chất Tánh Cảnh của thế giới có tánh cách Tiềm Năng (thế giới có tính cách Memories). Do đó, năm Tâm Thức quyết định không thể duyên thẳng được Chân Như của các pháp.

Riêng các vị Bồ Tát sau khi chứng được chân lý đều có khả năng duyên thẳng đến Chân Như của các pháp một cách trực tiếp để an trụ trong những thế giới đó. Đồng thời các Ngài còn có khả năng hiện thân để hóa độ chúng sanh. Trong lúc thực hành hạnh độ sanh, các vị Bồ Tát tùy theo duyên liền nương tựa nơi Trí Căn Bản (Dynamic-State) để thể hiện nhiều loại Pháp Thân nơi các cõi nhằm mục đích hóa độ chúng sanh. Mặc dù thể hiện nhiều loại Pháp Thân tùy theo duyên để hóa độ chúng sanh, các vị Bồ Tát vẫn không rời Chân Như của các pháp. Tuy các vị Bồ Tát đã an trụ trong thế giới Chân Như, nhưng Trí Hậu Đắc của các Ngài cũng không thể trực tiếp duyên thẳng được Chân Như. Cho đến địa vị Phật, Trí Hậu Đắc của các Ngài cũng không thể trực tiếp duyên thẳng được Chân Như. Nguyên do, Trí Hậu Đắc (của năm Tâm Thức) đều được phát sanh từ nơi Trí Căn Bản và mang tính chất phân biệt so sánh, cho nên Trí Hậu Đắc được gọi là Trí Sai Biệt. Trí Hậu Đắc của các vị Bồ Tát đã là Trí Sai Biệt thì không thể trực tiếp duyên thẳng được trí Vô Phân Biệt nơi thế giới Chân Như. Bởi thế, năm Tâm Thức nói trên dù cho với bất cứ hình thức nào thì nhất định cũng không thể trực tiếp duyên thẳng được Chân Như của các pháp.

10.-VIÊN MINH SƠ PHÁT THÀNH VÔ LẬU, TAM LOẠI PHÂN THÂN TỨC KHỔ LUÂN:

DỊCH: Viên Minh vừa mới phát hiện liền thành vô lậu, ba loại Phân Thân diệt hết khổ sinh tử luân hồi cho chúng sanh.

GIẢI: Ý nghĩa hai câu này là: Tâm Thức Alaya thứ tám khi vừa được chuyển thành Trí Tuệ Đại Viên Cảnh (Viên Minh Sơ Phát) thì năm Tâm Thức cũng liền trở thành vô lậu. Vô lậu nghĩa là không còn bị sa rớt trong vòng sinh tử luân hồi trong ba cõi nữa. Lúc bấy giờ năm Tâm Thức nói trên có công dụng hiện ra ba loại Thân để hóa độ và dứt trừ các khổ sanh tử luân hồi cho chúng sanh. Ba loại Thân như là:

1/- HIỆN ĐẠI HÓA THÂN: cũng gọi là Thắng Ứng Thân. Hiện Đại Hóa Thân là một loại Thân được hóa hiện vô cùng to lớn nhằm mục đích dùng để hóa độ chúng sanh. Thắng Ứng Thân là một loại Thân ứng hiện rất thù thắng và ngoài Thân này ra không có Thân nào thù thắng hơn. Hiện Đại Hóa Thân thì cao đến 1,000 trượng (Một ngàn trượng là mười thước ta). Thân này thì dùng để hóa độ hàng Đại Thừa Bồ Tát.

2/- TIỂU HÓA THÂN: cũng gọi là Liệt Ứng Thân. Tiểu Hóa Thân là một loại Thân được hóa hiện nhỏ hơn so với Hiện Đại Hóa Thân. Liệt Ứng Thân là một loại Thân được ứng hiện có phần yếu kém hơn so với Hiện Đại Hóa Thân. Tiểu Hóa Thân thì chỉ cao một trượng sáu thước, dùng để hóa độ hàng Tam Hiền Bồ Tát, hàng Nhị Thừa và hàng Phạm Phu chúng sanh.

3/- TỰ LOẠI HÓA THÂN: nghĩa là thân này tùy theo chủng loại chúng sanh được hóa hiện ra nhiều hình tướng khác nhau nhằm mục đích dùng để cứu độ họ, Thân này có khi là hình tướng con người, có khi là hình tướng súc sanh v.v... tùy theo cơ duyên muôn loài hiện ra để hóa độ.

ĐỆ NHỊ CHƯƠNG

(Chương thứ hai)

ĐỆ LỤC THỨC TỤNG

DỊCH: Bài Tụng giảng về Tâm Thức thứ sáu.

11.- TAM TÁNH, TAM LƯỢNG THÔNG TAM CẢNH:

DỊCH: Đây đủ ba Tánh, ba Lượng và thông cả ba Cảnh.

GIẢI:

A.- BA TÁNH: là thiện tánh, ác tánh và vô ký tánh.

1.- THIỆN TÁNH: nghĩa là bản tánh hoàn toàn lương thiện và không có một chút nào xấu ác cả. Nói cách khác, những sự việc đều hoàn toàn mang tính chất thuần nhất theo nguyên lý

chân chánh, có lợi ích cho mọi người và cho mọi loài chúng sanh ở hiện tại cũng như tương lai, nên gọi là Thiện.

2.- **ÁC TÁNH**: nghĩa là những sự việc đều mang tính chất hoàn toàn xấu ác và không có chút nào Thiện cả. Nói cách khác, những sự việc đều ngược lại tính chất Thiện đã được nêu trên, nên gọi là Ác.

3.- **VÔ KÝ TÁNH**: là những sự việc mang tính chất không phải Thiện và cũng không phải Ác, nghĩa là những sự việc không thể cho là Thiện và cũng không thể cho là Ác, nên gọi là Vô Ký.

B.- BA LƯỢNG: là hiện tượng, tỷ lượng và phi lượng.

1.- **HIỆN LƯỢNG**: nghĩa là sự hiểu biết trực tiếp đầu tiên những hình ảnh của các cảnh vật hiện bày ra trước mặt mà trong đó không có suy luận và diễn dịch. Đây là sự hiểu biết của năm Tâm Thức trước. Năm Tâm Thức ấy trước khi hiểu biết trực tiếp những cảnh vật bằng hiện lượng là khi nào không có Ý Thức thứ sáu hợp tác. Sự hiểu biết năm Trần Cảnh bên ngoài của năm Tâm Thức, khi không có Ý Thức thứ sáu hợp tác chính là sự hiểu biết trung thực, trong đó không có tính chất phân biệt. Sự hiểu biết này của năm Tâm Thức trước được gọi là Hiện Lượng.

Thí dụ: Anh A trong lúc đọc sách không để ý vào, nghĩa là anh đọc sách bằng Nhãn Thức mà trong lúc đó không có Ý Thức thứ sáu hợp tác để nhận định. Anh đọc chữ vẫn đúng và đọc không sai một chữ nào trong sách. Đây là hiện tượng anh A đọc sách bằng Hiện Lượng.

2.- **TỶ LƯỢNG**: nghĩa là sự hiểu biết của Tâm Thức có sự so sánh phân biệt trong đó. Đây là sự hiểu biết của Ý Thức thứ sáu. Ý Thức thứ sáu hiểu biết những sự vật bằng cách xét đoán, tính toán theo sự so sánh đúng sai, cân nhắc lợi hại, phân biệt phải quấy, hơn kém v.v... Sự hiểu biết này của Ý Thức thứ sáu được gọi là Tỷ lượng.

3.- **PHI LƯỢNG**: nghĩa là sự xét đoán của Tỷ Lượng nói trên bị sai lầm và không đúng với sự thật, nên gọi là Phi Lượng. Đây là sự hiểu biết của Thính Mạt Na thứ bảy Thức Mạt Na thứ bảy hiểu biết sự vật bằng cách tưởng tượng và mang tính chất so đo chấp trước. Nói cách khác, Thức Mạt Na thứ bảy căn cứ theo những dữ kiện của Ý Thức thứ sáu xét đoán so lường, liền đặt lên quan niệm thương ghét, khen chê, tốt xấu, phải quấy v.v... của mình để suy luận. Sự suy luận này của Thức Mạt Na thứ bảy đều hoàn toàn sai lầm và không đúng chân giá trị của thực tại, nên gọi là Phi Lượng.

C.- BA CẢNH: là những cảnh giới đối diện của Căn và đối tượng của Tâm Thức. Căn ở đây chỉ cho những giác quan gồm có: Nhãn Căn, Nhĩ Căn, Tỷ Căn, Thiệt Căn, Thân Căn và Ý Căn, còn Tâm Thức thì gồm có tám Thức Tâm Vương. Cảnh ở đây thì gồm có ba loại: Tánh Cảnh, Đối Chất Cảnh và Độc Ảnh Cảnh.

1- **TÁNH CẢNH**: là những cảnh giới có thể chất chân thật do Duy Thức biến hiện để làm đối tượng cho Tâm Thức hiểu biết. Tánh Cảnh ở đây tức là chỉ cho vạn sự vạn vật có sức sống trong đó và chúng hiện có mặt trong thế gian để làm đối tượng cho Tâm Thức nương tựa sinh hoạt phân biệt hiểu biết.

2- ĐỐI CHẤT CẢNH: là những cảnh giới do Tâm Thức mê vọng chấp trước, nương theo thể giới tánh Cảnh xây dựng thành. Thể giới Đối Chất Cảnh so sánh chỉ giống tương tự nơi thể giới Tánh Cảnh, nó không phải giống nhau trăm phần trăm so với thể giới tánh Cảnh. Đây là chỉ cho những cảnh vật do Ý Thức thứ sáu sáng tạo như là thành phố, lâu đài, nhà lầu, xe hơi, bông ni lông v.v... Chúng nó hoàn toàn không có sức sống trong đó, nên gọi là Đối Chất Cảnh.

3- ĐỘC ẢNH CẢNH: là những cảnh tượng chỉ có trong tư tưởng của con người, và trên thực tế chúng không bao giờ có trong thế gian. Độc Ảnh Cảnh chính là những hình ảnh thuộc Phi Lượng so Ý Thức thứ sáu vọng tưởng điên đảo sáng tạo nên, đều gọi là Độc Ảnh Cảnh. Những hình ảnh này như là Thiên Đường, Địa Ngục, Thổ Địa, Táo Quân v.v... tất cả đều là Độc Ảnh Cảnh.

D- Ý THỨC: là Tâm Thức thuộc hàng thứ sáu trong tám Tâm Thức. Sự hiểu biết của Tâm Thức này được phân làm hai loại: một loại là Minh Liễu Ý Thức và một loại là Độc Đầu Ý Thức.

1- MINH LIỄU Ý THỨC: nghĩa là Ý Thức thứ sáu có khả năng minh định sự vật một cách rõ ràng chính xác và không có chút lầm lẫn qua sự phân biệt nhận thức. Đây cũng gọi là Ngũ Câu Ý Thức, nghĩa là Ý Thức thứ sáu hợp tác với năm Tâm Thức ở trước để cùng nhau hiểu biết năm Trần Cảnh của một sự vật bên ngoài. Minh Liễu Ý Thức thường tác dụng sinh hoạt nằm trong ba Lượng. Trong ba Lượng, Minh Liễu Ý Thức thường tác dụng sinh hoạt trong lãnh vực Hiện Lượng nhiều hơn, còn lãnh vực Tỷ Lượng và Phi Lượng, Tâm Thức này ít khi tác dụng sinh hoạt liên hệ.

2- ĐỘC ĐẦU Ý THỨC: nghĩa là Ý Thức thứ sáu tự động sinh hoạt với những cảnh giới riêng biệt của mình mà lúc đó không cần đến năm Tâm Thức ở trước hợp tác. Độc Đầu Ý Thức gồm có:

a/- BẢN VỊ Ý THỨC: nghĩa là Ý Thức thứ sáu chỉ duyên với các giả tướng (những hình tướng giả tạo) và so sánh các giả danh (những danh từ giả tạo do tưởng tượng đặt ra để xưng hô) của vạn pháp hiện còn nguyên bản vị mà lúc đó chúng nó chưa bị tác dụng biến tướng. Ý Thức thứ sáu phân biệt suy luận cho những giả tướng và cho những giả danh của vạn pháp chính là cảnh vật chân thật và tồn tại ngoài Tâm Thức. Thí dụ như, Ý Thức thứ sáu của con người thường hồi tưởng (nhớ lại) những hình ảnh (giả tướng), những danh xưng và ý nghĩa (giả danh) của quá trình sinh hoạt hiện đang nằm nguyên vẹn (nguyên bản vị) trong Tiềm Năng (Memories) mà chúng nó chưa bị tác dụng biến thể. Ý Thức thứ sáu hồi tưởng và phân biệt những hình ảnh trong Tiềm Năng này qua sự so sánh bởi Tỷ Lượng và Phi Lượng.

b/- SUY TRUNG Ý THỨC: nghĩa là Ý Thức thứ sáu suy xét các hiện tượng của sự vật qua suy luận và tưởng tượng. Nói cách khác, Ý Thức thứ sáu thường dựa theo các dữ kiện đã có sẵn rồi bắt đầu suy luận để tìm kiếm kết luận cho sự việc. Thí dụ như khi nhìn thấy khói phát lên, Ý Thức thứ sáu liền xét đoán cho rằng có lửa cháy đâu đó. Dựa theo những dữ kiện như đã trình bày ở trên. Ý Thức thứ sáu sinh hoạt suy luận và diễn dịch bằng sự tưởng tượng thường nằm trong lãnh vực Tỷ Lượng và Phi Lượng. (Phi Lượng là lượng xét sai lầm).

c/- ĐỊNH TRUNG Ý THỨC: nghĩa là Ý Thức thứ sáu chỉ riêng một mình sinh hoạt trong Thiên Định để duyên những cảnh giới sở quán (những cảnh giới làm đối tượng cho Ý Thức thứ

sáu quán chiếu). Trường hợp này, Ý Thức thứ sáu sinh hoạt duyên cảnh bằng cách trực giác (hiểu biết trực tiếp nơi cảnh vật) qua Hiện Lượng, gọi là Định Trung Ý Thức.

d/- MỘNG TRUNG Ý THỨC: nghĩa là Ý Thức thứ sáu sinh hoạt nhận thức những cảnh vật trong mộng (Dream).

e/- CUÔNG LOẠN Ý THỨC: nghĩa là Ý Thức thứ sáu sinh hoạt trong trạng thái điên cuồng, rối loạn. Trường hợp này, Ý Thức thứ sáu nhận thức những cảnh vật một cách sai lạc, hiểu biết không đúng như thật của sự vật. Sự sinh hoạt hiểu biết này của Ý Thức thứ sáu trong tình trạng điên loạn thì hoàn toàn Phi Lượng.

Ý Thức thứ sáu sở dĩ có nhiều tên khác nhau là do nó tác dụng sinh hoạt trong nhiều lãnh vực không giống nhau mà định danh (đặt tên). Trên thực tế, căn cứ nơi tính chất của mỗi Tâm Thức, Tâm Thức thứ sáu chỉ có một tên thường gọi là Ý Thức, một trong tám Thức Tâm Vương.

Đứng trên lập trường ba Cảnh mà khảo sát, chúng ta nhận thấy: Khi thiền định, Ý Thức thứ sáu tự mình trực tiếp duyên lấy hiện cảnh bằng phương pháp quán chiếu. Ý Thức thứ sáu nhận thức những cảnh vật thiền quán thì không có vấn đề so đo chấp trước. Những cảnh vật trong thiền quán mà Ý Thức thứ sáu nhận thức đều thuộc về Tánh Cảnh.

Những cảnh tượng mà Ý Thức thứ sáu cùng hợp tác với các Tâm Vương và những Tâm Sở khác để duyên lấy đều là Cảnh Đối Chất (Cause's Images of Illusions) và những cảnh tượng Đối Chất này lại được phát sanh từ nơi cảnh vật đối tượng có thật chất hiện đang có mặt bên ngoài.

Những hình tướng thuộc về quá khứ và những hình tướng thuộc về vị lai, cho đến những hình tướng thuộc loại tướng tượng mà Ý Thức thứ sáu duyên đến đều hoàn toàn là Độc Ảnh Cảnh.

Ngoài ba Cảnh, ba Lượng vừa nêu trên, Ý Thức thứ sáu còn có khả năng liên hệ chặt chẽ với ba Tánh là: Thiện Tánh, Ác Tánh, và Vô Ký Tánh. Trong ba Tánh đó, Ý Thức thứ sáu không bỏ sót một Tánh nào.

12.- TAM GIỚI LUÂN THỜI DỊ KHẢ TRI:

DỊCH: Khi luân hồi trong ba cõi (Tam giới), Tâm Thức thứ sáu này cũng dễ hiểu được.

GIẢI: Các loài chúng sanh hữu tình trong ba cõi đều có Ý Thức thứ sáu và Ý Thức thứ sáu sinh hoạt thì cũng dễ hiểu biết. Nguyên do hành tướng của Tâm Thức này mỗi khi tác dụng đều hiện bày rõ ràng dễ nhận định. Sự sinh hoạt của Ý Thức thứ sáu thì không mờ ảo như Thức Mạt na thứ bảy và không thâm kín như Thức Alaya thứ tám. Tất cả chúng sanh hữu tình nếu như không có Ý Thức thứ sáu hiện hữu thì cuộc sống của họ nhất định không có ý nghĩa. Những chúng sanh không có Ý Thức thứ sáu trong đó thì không được gọi là hữu tình và chúng nó được gọi là Chúng Sanh Vô Tình. Chúng Sanh Hữu Tình nghĩa là chúng sanh có tình cảm và hiểu biết, biết phân biệt, biết thương ghét v.v... Đây là chỉ cho loài người và các loài động vật khác. Chúng Sanh Vô Tình nghĩa là chúng sanh không có tình cảm và hiểu biết, chỉ sống theo bản năng tự nhiên. Đây là chỉ cho các loài thực vật như cỏ cây sông núi v.v... Những chúng sanh hữu tình dù

lớn như loài người cho đến dù nhỏ như vi trùng đều có Ý Thức thứ sáu sinh hoạt trong đó, nên gọi là Hữu Tình.

13. TƯƠNG ƯNG TÂM SỞ NGŨ THẬP NHỨT:

DỊCH: Ý Thức thứ sáu thường tương ứng (thường kết hợp) với 51 Tâm Sở.

GIẢI: Trong tám Thức Tâm Vương, đặc biệt nhất chỉ Ý Thức thứ sáu mới có thể kết hợp (tương ứng) được với tất cả 51 Tâm Sở, nghĩa là Ý Thức thứ sáu có khả năng quan hệ mật thiết được tất cả 51 Tâm Sở. Các Tâm Thức khác thì không có khả năng này, nghĩa là các Tâm Thức khác chỉ kết hợp được một số Tâm Sở thích hợp với mình mà thôi. Tương Ứng nghĩa là cùng nhau ứng thuận kết hợp trong sự hợp tác để cùng nhau duyên cảnh. Nói cách khác, Tương Ứng nghĩa là Tâm Vương kết hợp những loại Tâm Sở đồng tánh với nhau, cùng nhau sinh hoạt một chỗ, cùng nhau phát khởi tác dụng một lúc (cùng một thời) và tất cả cùng nhau duyên một cảnh, nên gọi là Tương Ứng.

14. THIỆN ÁC LÂM THỜI BIỆT PHỐI CHI:

DỊCH: Ý Thức thứ sáu gặp lúc tự mình tương ứng riêng biệt với Tâm Sở Thiện hoặc tương ứng riêng biệt với tâm Sở Ác.

GIẢI: Ý Thức thứ sáu thì đầy đủ ba Tánh, ba Lượng và ba Cảnh. Ý Thức thứ sáu nguyên do sinh hoạt hiện bày tướng trạng rõ ràng qua hành động thô thiển, cho nên có thể kết hợp (tương ứng) với tất cả 51 Tâm Sở, nhưng tính chất của các Tâm Sở thì không đồng nhất với nhau và thường trái nghịch lẫn nhau. Do đó Ý Thức thứ sáu không thể kết hợp cùng một lúc với tất cả 51 Tâm Sở và cũng không thể cùng 51 Tâm Sở tác dụng duyên cảnh một lượt, nghĩa là Ý Thức thứ sáu không thể có Đức Tín (Tâm Sở Tín) xuất hiện một khi còn bị Nghi Ngờ (Tâm Sở Nghi) lôi cuốn. Thế nên, Ý Thức thứ sáu mỗi khi gặp những hoàn cảnh mang tính chất lương thiện làm đối tượng thì ngay lúc đó liền kết hợp và nhờ các Tâm Sở Thiện hỗ trợ. Ý Thức thứ sáu mỗi khi gặp những hoàn cảnh mang tính chất hung ác làm đối tượng thì ngay lúc đó liền kết hợp và nhờ các Tâm Sở Ác hỗ trợ. Ý Thức thứ sáu không thể kết hợp (tương ứng) cùng một lúc với tất cả Tâm Sở không đồng tính chất.

15.- TÁNH GIỚI THỌ TAM HẰNG CHUYỂN DỊCH:

DỊCH: Đối với ba loại: Tánh, Giới, Thọ, Ý Thức thứ sáu thường thay đổi tùy theo từng trường hợp.

GIẢI: Ý Thức thứ sáu thường thay đổi theo ba Tánh (Thiện tánh, Ác tánh, Vô ký tánh), thường thay đổi theo ba Giới (Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới) và cũng thường thay đổi theo ba Thọ (Khổ thọ, Lạc thọ, Xả, thọ), nghĩa là Ý Thức thứ sáu có khi lương thiện, có khi hung dữ, có khi ở trong Định và lắm lúc Ý Thức thứ sáu có khi đi đến những cảnh giới Tứ Thiên (Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên) đi đến những cảnh giới Tứ Không (Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ) v.v... Nhưng khi xuất Định (ra khỏi Thiên Định), Ý Thức thứ sáu vẫn là Ý Thức của Dục Giới không hề thay đổi, ngoại trừ trường hợp Ý Thức thứ sáu này được chuyển thành Trí Diệu Quan Sát. Ý Thức thứ sáu cũng có khi lãnh

thọ những điều vui sướng, có khi lãnh thọ những điều khổ đau và có khi lãnh thọ những điều bình thường (không có trạng thái vui sướng hay khổ đau). Cho nên bài Tụng nói rằng: Ý Thức thứ sáu tùy trường hợp đổi thay theo ba Tánh, ba Giới và ba Thọ.

16.- CĂN TÙY TÍN ĐĂNG TỔNG TƯƠNG LIÊN:

DỊCH: Căn bản Phiền Não, Tùy Phiền Não, Thiện v.v... cùng liên hệ và thay đổi theo Ý Thức thứ sáu.

GIẢI: 51 tâm Sở như là: Căn Bản Phiền Não, tùy Phiền Não và Tâm Sở Thiện v.v... cùng nhau liên tiếp thay đổi theo Ý Thức thứ sáu. Nói cách khác, Ý Thức thứ sáu đã thường thay đổi theo tính chất của sự việc thì lúc đó các tâm Sở cũng thay đổi theo tính chất của Ý Thức thứ sáu. Ý Thức thứ sáu trở nên lương thiện thì các Tâm Sở Thiện cũng theo đó hiện khởi để kết hợp (tương ưng). Ngược lại, Ý Thức thứ sáu trở nên hung ác thì các tâm Sở Bất Thiện cũng theo đó hiện khởi để kết hợp (tương ưng).

17.- ĐỘNG THÂN PHÁT NGŨ ĐỘC VI TỐI:

DỊCH: Ý Thức thứ sáu độc nhất làm chủ hành động cho việc phát động Thân Nghiệp hay Ngũ Nghiệp.

GIẢI: Động thân là chỉ cho thân nghiệp. Phát ngữ là chỉ cho khẩu nghiệp. Động thân nghĩa là thân thể hành động tạo thành nghiệp báo. Phát ngữ nghĩa là miệng lưỡi phát ra lời nói tạo thành nghiệp báo. Những nghiệp lành và những nghiệp dữ thường phát sanh từ nơi thân thể hành động hoặc từ nơi miệng lưỡi nói năng. Nghiệp lành là những hành vi làm lợi ích cho mình và cho mọi người được kết thành năng lực. Ngược lại, nghiệp dữ là những hành vi thường làm tổn hại cho mình và cho mọi người cũng được kết thành năng lực. Theo luật Nhân Quả, Nghiệp ở đây được gọi là nghiệp nhân và nghiệp quả, nghĩa là thân thể và miệng lưỡi của chúng sanh đã gây tạo nên nghiệp nhân thì nhất định sau này tùy theo nghiệp nhân đó họ phải hưởng thọ những nghiệp quả khổ đau hoặc vui sướng. Nhân nào thì quả như thế đó, nhân xấu ác thì quả nhất định phải khổ đau, và nhân phước thiện thì quả phải an vui. Sự thành hình nhân quả nói trên là do Nghiệp quyết định vận mệnh cả.

Thật ra, thân thể tự nó không thể hành động tạo nghiệp và miệng lưỡi cũng không thể nói năng tạo nghiệp nếu như không có Ý Thức thứ sáu đứng sau lưng điều khiển. Thân thể và miệng lưỡi ở đây chỉ là những bộ máy sinh hoạt theo Ý Thức thứ sáu điều khiển. Ý Thức thứ sáu, khi đối diện với cảnh vật bên ngoài, trước hết liền phát khởi phân biệt, xét nghĩ, so đo về mặt lợi hại của sự vật để lãnh thọ những điều được thua từ nơi sự vật đó. Đồng thời Ý Thức thứ sáu suy lường, tính toán thiết lập kế hoạch hành động để làm thế nào đi đến kết quả gặt hái được những điều tốt đẹp và lợi ích. Sau khi Ý Thức quyết định xong, các tâm Sở thừa lệnh điều khiển miệng lưỡi và thân thể sinh hoạt tạo nghiệp theo sự chỉ đạo của Ý Thức thứ sáu. Một khi đối diện với hoàn cảnh, Ý Thức thứ sáu sai khiến các Tâm Sở hoạt động, có lúc thân cận, có khi xa cách, có lúc hỗ trợ, có khi đánh phá, có lúc chê bai, có khi khen ngợi v.v... khiến gây nên những điều lợi ích hoặc những việc tổn hại giữa mình và mọi người chung quanh. Đây là những hành động của Ý Thức thứ sáu gây nên và những hành động đó được gọi là Ý nghiệp, còn Tâm Thức thứ tám và Tâm Thức thứ bảy thì không lãnh lợi như Ý Thức thứ sáu và chúng chỉ bị lôi cuốn xoay vần theo

nghiệp hiện tại thúc đẩy. Thế nên, Tâm Thức thứ tám và Tâm Thức thứ bảy không thể tự mình riêng tạo lấy nghiệp mà ở đây hai Tâm Thức thứ tám và thứ bảy chỉ có thể hỗ trợ cho Ý Thức thứ sáu sinh hoạt tạo nghiệp.

Riêng năm Tâm Thức ở trước, tuy là hiểu biết ngoại cảnh, nhưng không có khả năng suy xét, cũng không thể nhận định một cách rõ ràng về tính chất, về giá trị và về ý nghĩa của sự vật giống như Ý Thức thứ sáu, vì thế năm Tâm Thức đây cũng không thể tự mình tạo nghiệp và chúng nó chỉ có nhiệm vụ giúp đỡ cho Ý Thức thứ sáu tạo nghiệp. Như vậy, về phần tạo nghiệp, Ý Thức thứ sáu mới chính là thủ phạm trực tiếp chủ mưu hành động tạo nghiệp.

Vấn đề Động thân và Phát ngữ ở đây là căn cứ nơi Nghiệp của loài người mà định nghĩa, nhưng trong các cõi Vô Sắc, chúng sanh hữu tình không có Thân Thể vật chất giống như loài người. Họ chỉ lấy Tâm Thức làm thân thể và Thân Thức của họ chính là Kiến Phân Thức Alaya làm thân. Nơi đây, họ chỉ còn Ý Thức thứ sáu hoạt động tạo nghiệp mà thôi. Ý Thức thứ sáu của họ có thể một mình phát khởi tạo nghiệp mà không cần phải động thân và cũng không cần phải phát ngữ giống như các chúng sanh ở cõi người, nguyên vì họ không có thân thể vật chất.

18. DẪN MẪNG NĂNG CHIÊU NGHIỆP LỰC KHIÊN:

DỊCH: Dẫn nghiệp và Mãn nghiệp là do Ý Thức thứ sáu phát động. Chúng sanh tùy theo nghiệp lực nói trên để cảm nhận lấy quả báo cho kiếp sau.

GIẢI: Nghiệp gồm có Nghiệp Nhân và Nghiệp Quả. Nghiệp Nhân là nguyên nhân của Nghiệp lực, tức là chỉ cho hạt giống của Nghiệp lực được kết thành tiềm năng nằm yên trong Thức Thể Alaya. Nghiệp Quả là kết quả của Nghiệp Nhân, nghĩa là Nghiệp Nhân (hạt giống) của tiềm năng trong Thức Thể Alaya đã nảy mầm và kết thành Nghiệp Quả. Con người hành động tạo nên Nghiệp Nhân thì nhất định phải hưởng lấy quả báo của Nghiệp đó mang lại, gọi là Nghiệp Quả. Nghiệp có hai loại: Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp.

a/- DẪN NGHIỆP: nghĩa là nghiệp lực dẫn dắt chúng sanh đi đầu thai vào cõi này hay cõi khác của kiếp sau. Nghiệp Thiện thì dẫn dắt con người sau khi chết đi vào những cõi Thiện và Nghiệp Ác thì dẫn dắt con người sau khi chết đi vào những cõi Ác tùy theo tính chất của Nghiệp đó lôi cuốn.

Thí dụ: Chúng sanh hữu tình nào trong kiếp này nếu như lỡ làm gây tạo những Nghiệp Thập Ác thì kiếp sau họ sẽ bị đọa vào thế giới Địa Ngục, Ngạ Quỷ và Súc Sanh, còn như chúng sanh hữu tình nào trong này nếu như gây tạo những Nghiệp Thập Thiện thì kiếp sau họ sẽ vào các cõi trời. Với những trường hợp này, tất cả chúng sanh hữu tình đều do Nghiệp lực dẫn dắt đi đầu thai, nên gọi là Dẫn Nghiệp.

b/- MẢN NGHIỆP: là Nghiệp đã đầy đủ, đã chấm dứt. Nghĩa là Nghiệp Nhân đó được kết quả đầy đủ, đã được hoàn thành trọn vẹn, đã được kết thúc nghiệp báo, tức là Nghiệp Quả đã chấm dứt và không còn tái sanh lần thứ hai nữa. Mãn Nghiệp cũng có hai loại:

1.- CHẤM DỨT NGHIỆP QUẢ: nghĩa là Nghiệp Quả hiện trong đời này mà con người đang hưởng thụ chính là kết quả của Nghiệp Nhân ở kiếp trước do họ gây tạo. Giờ đây Nghiệp

Nhân đó bắt đầu chấm dứt hẳn và không còn tái diễn Nghiệp Quả trở lại lần thứ hai nữa một khi con người chuyển sang kiếp sau, nên gọi là Mãn Nghiệp.

Thí dụ; Anh A đã gây tạo Nghiệp nhân giết heo quá nhiều ở đời này. Sau khi chết, anh bỏ kiếp người lại chuyển sang kiếp heo ở đời sau theo luật Nhân quả nghiệp báo quyết định. Trường hợp này kiếp người của anh A giờ đây đã chấm dứt, được gọi là Mãn Nghiệp con người.

2.- HƯỞNG THỤ NGHIỆP QUẢ: nghĩa là Nghiệp Quả của Nghiệp nhân nơi kiếp trước, hiện nay đã tròn đầy ở kiếp này để cho con người hưởng thụ một cách trọn vẹn và họ hưởng thụ Nghiệp Quả không thiếu sót một mảy may, nên cũng gọi là Mãn Nghiệp.

Thí dụ: Chúng sanh nào ở kiếp này ưa thích làm phước bố thí thì đến kiếp sau, họ sẽ được hưởng quả báo giàu sang sung sướng. Chúng sanh nào ở kiếp này ưa thích bòn xén keo kiệt thì đến kiếp sau, họ phải bị nghèo cực, khổ sở. Người nào ở kiếp này sống cuộc sống chân chánh thì đến kiếp sau, họ sẽ được diện mạo đoan trang và người nào ở kiếp này sống cuộc sống tà vạy bất chánh thì đến kiếp sau, họ sẽ bị hưởng lấy quả báo là thân thể xấu xí, ngu đần. Những quả báo vừa nêu ở trên đều được gọi là Mãn Nghiệp cả.

Trong hai loại Nghiệp vừa trình bày, Dẫn Nghiệp mới chính là chủ yếu trong sự dẫn dắt chúng sanh hữu tình đi đến thọ lấy quả báo kiếp sau, còn Mãn Nghiệp thì chỉ trợ giúp cho chúng sanh hữu tình hưởng thụ những Nghiệp báo đó thôi. Cũng vì Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp lôi kéo, các loài chúng sanh hữu tình phải bị luân hồi trong sáu cõi, nhưng Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp phần nhiều là do Ý Thức thứ sáu sanh ra. Ý Thức thứ sáu tạo thành Nghiệp nhân qua hành động, qua lời nói và qua ý tưởng để chịu Nghiệp quả. Bao nhiêu sự cảm thọ quả báo khổ vui thiện ác của chúng sanh hữu tình ở kiếp này đều là do Nghiệp lực quyết định tất cả mà trong đây không một ai có quyền thưởng phạt đến. Các Nghiệp thiện ác được huân tập (kết tụ) lâu ngày trở thành tập quán và chỉ Ý Thức thứ sáu mới có khả năng cảm thọ những quả báo khổ vui do các Nghiệp Thiện Ác nói trên dẫn dắt.

19.- PHÁT KHỞI SƠ TÂM HOAN HỖ ĐỊA:

DỊCH: Đến Địa Vị Hoan Hỷ mới phát khởi được Sơ Tâm.

GIẢI: Hoan Hỷ Địa là bậc Sơ Địa của Bồ Tát. Hoan Hỷ Địa là một trong Thập Địa của Bồ Tát. Ngôi vị này đã diệt được Phân Biệt Ngã Chấp và pháp Chấp, nghĩa là người tu đến ngôi vị này không còn chấp Ngã và chấp Pháp do bởi sự phân biệt của Ý Thức thứ sáu nữa. Cho nên người tu tập mỗi khi đạt đến ngôi vị này thì sung sướng không gì bằng. Bởi thế, ngôi vị Sơ Địa Bồ Tát được gọi là Hoan Hỷ Địa. Ở ngôi vị Hoan Hỷ Địa, Ý Thức thứ sáu đã bắt đầu thể hiện được Trí Diệu Quan Sát và thường gọi là Diệu Quan Sát Trí. Trí Diệu Quan Sát là trí tuệ sáng suốt có khả năng quán chiếu và hiểu biết nguyên lý thâm sâu của vạn pháp một cách mẫu nhiệm. Trí Diệu Quan Sát tức là tên riêng của Ý Thức thứ sáu sau khi Ý Thức này được chuyển thành Trí Tuệ.

20.- CÂU SANH DO TỰ HIỆN TRIỀN MIÊN:

DỊCH: Bây giờ các thứ Câu sanh còn đương đây chưa nhiếp phục được.

GIẢI: Câu Sanh nghĩa là cùng sanh một lượt với chúng sanh. Câu Sanh Ngã Chấp và Pháp Chấp nghĩa là hạt giống Ngã Chấp và Pháp Chấp cùng ra một thời gian với chúng sanh. Chúng sanh được sanh ra từ vô lượng kiếp về trước thì hạt giống Ngã Chấp và Pháp chấp cũng được sanh ra từ vô lượng kiếp về trước, nên gọi là Câu Sanh Ngã Chấp và Pháp Chấp. Đây là chỉ cho bản chất Ngã Chấp và Pháp Chấp đã được tàng trữ trong Thức Thể Alaya với tính cách hạt giống, còn vấn đề Phân Biệt Ngã Chấp và Pháp Chấp nghĩa là sự chấp ngã và chấp pháp ở đây sở dĩ được thành hình là do bởi Ý Thức thứ sáu phân biệt chấp trước vạn pháp tạo nên, do đó sự chấp ngã và chấp pháp nói trên được gọi là Phân Biệt Ngã Chấp và Pháp Chấp.

Hai thứ Câu Sanh Ngã Chấp và Pháp Chấp ở ngôi vị Sơ Địa Bồ Tát vẫn còn hiện khởi tác dụng, nên gọi là TRIỀN. Hạt giống (chủng tử) Câu Sanh Ngã Chấp và Pháp Chấp vẫn còn nằm yên trong Tạng Thức thứ tám. Người tu tập ở ngôi vị Sơ Địa Bồ Tát vẫn chưa có thể chinh phục được và cũng chưa có thể đoạn diệt hết tận gốc rễ của những hạt giống Câu Sanh Ngã Chấp và Pháp Chấp vừa trình bày, nên gọi là MIỀN. Đây là chỉ cho giá trị sự tu tập của ngôi vị Sơ Địa Bồ Tát, một trong Thập Địa. Ngôi vị Sơ Địa Bồ Tát vẫn chưa đạt đến trạng thái thường an trụ nơi cảnh giới Nhị Không Chân Như (Chân thật của Ngã Không và Pháp Không). Họ tuy đã đoạn diệt được các vọng chấp về phần thô thiển bên ngoài của sự Phân Biệt Ngã Chấp và Pháp Chấp, nhưng họ vẫn chưa có thể chinh phục và cũng chưa có thể điều khiển được tính chất căn nguyên phiền não về phần gốc rễ của Câu Sanh Ngã Chấp và Pháp Chấp. Do đó ở ngôi vị này, họ vẫn chưa hoàn toàn tự tại giải thoát, nên gọi là Triền Miên.

21. VIỄN HÀNH ĐỊA HẬU THUẦN VÔ LẬU:

DỊCH: Sau khi chứng đến ngôi vị Viễn Hành Địa, Ý Thức thứ sáu trở nên thuần chất vô lậu (không còn sa rớt trong vòng luân hồi sinh tử trong ba cõi nữa).

GIẢI: Viễn Hành Địa tức là chỉ cho ngôi vị Bồ Tát Địa thứ bảy. Trong mười Địa (Thập Địa), Sơ Địa Bồ Tát là ngôi vị Bồ Tát Địa thứ ban đầu, tức là Bồ Tát Địa thứ nhất, Ly Cấu Địa là Địa thứ hai, Phát Quang Địa là Địa thứ ba, Diệm Huệ Địa là Địa thứ tư, Cực Nan Thắng Địa là Địa thứ năm, Hiện Tiền Địa là Địa thứ sáu, Viễn Hành Địa là Địa thứ bảy, Bất Động Địa là Địa Thứ tám, Thiện Huệ Địa là thứ chín và Pháp Vân Địa là Địa thứ mười. Riêng ở ngôi vị Viễn Hành Địa là Bồ Tát Địa thứ bảy, các chướng ngại về Phiền Não (Phiền Não Chướng) và các chướng ngại về chỗ Hiểu Biết (Sở Tri Chướng) trong ba cõi (Tam Giới) không còn hiện khởi nữa. Thế nên ở ngôi vị này, Ý Thức thứ sáu thường kết hợp (tương ưng) với Diệu Quan Sát Trí, nghĩa là Ý Thức thứ sáu thường thể hiện được Trí Diệu Quan Sát, Ý Thức thứ sáu mặc dù thể hiện được Trí Diệu Quan Sát ở ngôi vị Bồ Tát Địa thứ bảy, nhưng sử dụng Trí Tuệ Diệu Quan Sát vô lậu nói trên chưa được thuần thực. Đến khi chứng được ngôi vị Bất Động Địa ở bậc thứ tám Ý Thức thứ sáu mới thật sự an trú nơi cảnh giới Nhị Không Chân Như (Cảnh giới chân thật của Ngã Không và Pháp Không). Chừng đó Ý Thức thứ sáu đạt đến đạo hạnh thuần thực và không cần phải dụng công trong việc quán chiếu nữa. Thế là Ý Thức thứ sáu đã thật sự chứng được Trí Tuệ thanh tịnh vô lậu, tức là Trí Diệu Quan Sát viên mãn.

22.- QUÁN SÁT VIÊN MINH CHIẾU ĐẠI THIÊN:

DỊCH: Trí Quán Sát viên mãn sáng soi khắp Đại Thiên Pháp Giới.

GIẢI: Trí Quán Sát tức là Trí Diệu Quan Sát. Trí Tuệ này viên mãn thanh tịnh có khả năng soi sáng và chiếu khắp thật tướng của các pháp, thấu rõ vô lượng pháp môn, đầy đủ diệu dụng thần thông vô ngại, biện tài như ý, thuyết pháp tự tại, Trí Tuệ này tùy theo trình độ của chúng sanh khéo hiện bày các phương tiện diệu dụng nhằm mục đích phá tan các điều nghi hoặc và khiến cho tất cả chúng sanh đều được lợi ích trên con đường tu tập. Trí Diệu Quan Sát thì rất rộng lớn bao dung, chẳng những có khả năng độ sanh trong một thế giới này và còn diệu dụng độ sanh khắp cả Đại Thiên Thế Giới, nghĩa là Trí Diệu Quan Sát đủ quyền năng hóa độ chúng sanh trong tất cả thế giới nhiều như hằng Tỷ Thái Dương Hệ (SolarSystems). Trí Diệu Quan Sát có thể soi sáng khắp mọi nơi để hóa độ chúng sanh tùy theo trình độ giao cảm của mỗi loài. Mặc dù sử dụng đức hạnh không còn dụng công (Vô công dụng trụ) của chư Phật để hóa độ chúng sanh, nhưng Trí Diệu Quan Sát vẫn không rời khỏi cảnh giới Nhị Không Chân Như một cách tự tại của ngôi vị Bồ Tát Bất Động Địa thứ tám.

ĐỆ TAM CHƯƠNG

(Chương thứ ba)

ĐỆ THẤT THỨC TỤNG

DỊCH: Bài Tụng giảng về Tâm Thức thứ bảy.

23.- ĐỐI CHẤT HỮU PHÚ THÔNG TÌNH BỒN:

DỊCH: Cảnh là Cảnh Đối Chất, tánh là tánh Hữu Phú Vô Ký, thông cả bên tình và bên Bồn.

GIẢI: Tâm Thức thứ bảy tức là chỉ cho Tâm Thức Mạt na. Trong ba Cảnh, Thức Mạt Na thứ bảy chỉ duyên với cảnh Đối Chất bên ngoài (Cause's Images of Illusions) do Ý Thức thứ sáu mang vào. Hơn nữa Thức Mạt Na thứ bảy chỉ duyên với Kiến Phần Thức Alaya thứ tám khi Kiến Phần này biến ra Ngã Tướng của vạn pháp để làm cảnh Sở Duyên (Cảnh trí đối tượng để duyên đến) cho nó chấp trước, nên gọi là Chấp Ngã.

Thí dụ: Thích Thắng Hoan là Ngã Tướng do Kiến Phần Thức Alaya biến ra để làm cảnh Sở Duyên cho Thức Mạt Na thứ bảy của Thích Thắng Hoan tác dụng duyên đến để chấp trước nên gọi là chấp ngã.

Ngã Tướng đây gọi là Ngoại Ngã (Cái Ngã hiện bày ra ngoài) do Kiến Phần Thức Alaya thứ tám biến hiện thành. Nhưng thật ra, Thức Mạt Na thứ bảy không thể duyên thẳng đến Thức Thể Alaya thứ tám nên như Tâm Thức Alaya này không tác dụng thành Kiến Phần. Ngã Tướng mà Thức Mạt Na thứ bảy chấp làm Ngã chính là Tướng giả dối, gọi là Giả Tướng và cũng gọi là Giả Ngã do bởi Kiến Phần Thức Alaya thứ tám biến hiện mà thôi.

Đi sâu hơn nữa, Nhứt Thiết Chung (Tất cả Hạt Giống) của Thức Thể Alaya thứ tám tức là bồi cảnh sở duyên thuộc về Tâm Thức của Thức Mạt Na thứ bảy chấp trước với tính cách quản lý. Mỗi khi tác dụng duyên cảnh để quản lý, Kiến Phần Thức Mạt Na thứ bảy nhờ Kiến Phần

Thức Alaya thứ tám nương nơi bối cảnh Nhứt Thiết Chung trong nội Tâm của Thức Thể Alaya biến hiện ra Tướng Phần để làm Cảnh Sở Duyên cho Thức Mạt Na thứ bảy chấp trước quản lý. Cảnh Sở Duyên của Thức Mạt Na thứ bảy để chấp trước quản lý chính là Chân Đối Chất Cảnh của Nhứt Thiết Chung trong nội Tâm do Kiến Phần Thức Alaya biến hiện.

Thí dụ: Chúng ta mộng (dream) thấy thành phố Sài Gòn. Thành phố Sài Gòn trong mộng là bối cảnh sở duyên của Thức Mạt Na thứ bảy chấp trước và quản lý. Thành phố Sài Gòn trong mộng chính là thế giới Đối Chất Cảnh của Nhứt Thiết Chung trong nội tâm.

Nói cách khác, Thức Thể Alaya là Tâm Thức thuộc về bản chất và Tướng Phần của Thức Mạt Na thứ bảy phát sanh từ nơi bản chất Thức Thể Alaya nên gọi là Chân Đối Chất Cảnh. Chân Đối Chất Cảnh mà Kiến Phần Thức Alaya biến hiện chỉ là Nội Cảnh để cho Thức Mạt Na chấp trước quản lý. Nói cách khác, Tướng Phần của Kiến Phần Thức Mạt Na thứ tám cũng là Tướng Phần của Kiến Phần Thức Mạt Na thứ bảy được phát sanh từ nơi Nhứt Thiết Chung (tất cả hạt giống) của Thức Thể Alaya do Kiến Phần của hai Tâm Thức này cùng nhau biến hiện. Tướng Phần cũng gọi là Chân Đối Chất Cảnh của Nhứt Thiết Chung (tất cả hạt giống) do Kiến Phần hai Tâm Thức Mạt Na và Alaya biến ra (Dĩ Tâm duyên Tâm chân Đối Chất). Kiến Phần Thức Mạt Na thứ bảy chấp Kiến Phần Thức Alaya thứ tám qua hình thức Nội Cảnh Chân Đối Chất gọi là Chấp Nội Ngã.

Thí dụ: Những hình ảnh trên màn ảnh chính là Tướng Phần của Tiềm Năng Nhứt Thiết Chung Tử (Memories) được chiếu hiện mà chúng nó không phải là Tiềm Năng (Memories). Những hình ảnh trên màn ảnh chỉ là Đối Chất Cảnh của Tiềm Năng Nhứt Thiết Chung Tử (Memories) do dòng điện chiếu soi.

Nội cảnh của Nhứt Thiết Chung (Tất cả Hạt Giống) mà Thức Mạt Na thứ bảy duyên đến để chấp trước quản lý đều thuộc về tính chất Vô Ký (Không phải Thiện tánh và cũng không phải Ác tánh). Tất cả hạt giống (Nhứt Thiết Chung) trong Thức Thể Alaya đều mang tính chất Thiện Ác. Nhưng những hạt giống này mỗi khi ảnh hiện thành thế giới Nội Cảnh để cho Kiến Phần Thức Mạt Na thứ bảy chấp trước quản lý thì lại thuộc về tính chất Vô Ký. Thế giới Nội Cảnh này khi nào có mặt Ý Thức thứ sáu sinh hoạt trong đó thì trở thành tính chất Thiện Ác trong sự cảm thọ. Tánh Chất Vô Ký của thế giới Nội Cảnh trong Thức Thể Alaya thì thuộc về Hữu Phú Vô Ký. Hữu Phú nghĩa là có bị ngăn che, còn tánh Vô Ký của Thức Mạt Na thứ bảy thì cũng thuộc về loại Hữu Phú Vô Ký. Nguyên do Thức Mạt Na thứ bảy một mặt duyên bên trong nội Tâm để quản lý vạn pháp và mặt khác thường chấp Kiến Phần Thức Alaya thứ tám làm Nội Ngã cho là Thật Tướng, nên gọi là Hữu Phú.

Thức Mạt Na thứ bảy thì thông cả bên Tỉnh và bên Bỏn. Bên Tỉnh là chỉ cho Ý Thức thứ sáu và bên Bỏn là chỉ cho Thức Alaya thứ tám. Thức Mạt Na thứ bảy thường liên lạc với Ý Thức thứ sáu và cũng thường liên lạc với Thức Alaya thứ tám (thông cả bên Tỉnh và bên Bỏn), vì thông cả Ý Thức thứ sáu (bên Tỉnh) và thông cả Thức Alaya thứ tám (bên Bỏn), Thức Mạt Na thứ bảy được gọi là Thức Truyền Tổng. Thức Truyền Tổng nghĩa là Thức Mạt Na thứ bảy thường thu nhận những ảnh tượng của thế giới vật chất bên ngoài mang vào trong nội Tâm để tồn trữ nơi Thức Thể Alaya sau khi những ảnh tượng này được Ý Thức thứ sáu nhận thức và biến thành những hạt giống ảnh tử, nên gọi là TRUYỀN. Chẳng những thế, Thức Mạt Na thứ bảy cũng thường mang những hạt giống ảnh tử ấy từ trong kho tàng thế giới nội Tâm của Thức Thể Alaya

đưa lên trình diện cho Ý Thức thứ sáu nhớ lại, nên gọi là TỔNG. Ngoài ra, Thức Mạt Na thứ bảy còn có nhiệm vụ quản lý những hạt giống ảnh tượng ấy trong thế giới nội Tâm của Thức Thể Alaya để làm môi trường cho sự thành hình thế giới kiếp sau, nên gọi là THỨC TRUYỀN TỔNG. Hơn nữa, bản chất của Thức Mạt Na thứ bảy thường chấp Ngã nên gọi là thông về Tinh và Tâm Thức này cũng thường tác dụng liên tục không gián đoạn nên gọi là thông cả Bản.

24. TÙY DUYÊN CHẤP NGÃ LƯỢNG VI PHI:

DỊCH: Thức Mạt Na thứ bảy tùy nơi Thức Alaya thứ tám sanh ở đâu thì theo đến đó để chấp Ngã và trong ba Lượng, Thức Mạt Na thứ bảy thuộc về Phi Lượng.

GIẢI: Tùy theo Vọng Nghiệp của chúng sanh lôi kéo, Kiến Phần Thức Alaya thứ tám phải bị luân hồi trong ba cõi (Tam Giới). Kiến Phần Thức Alaya thứ tám sanh vào cõi nào thì Thức Mạt Na thứ bảy cũng theo đó để chấp Ngã và chấp Pháp. Do bởi sanh theo Kiến Phần Thức Alaya thứ tám để chấp Ngã và chấp Pháp nơi đó, Thức Mạt Na thứ bảy được gọi là Câu Sanh Ngã Chấp và Pháp Chấp. Câu Sanh Ngã Chấp và Pháp Chấp nghĩa là Thức Mạt Na thứ bảy cùng sanh theo một lượt với Kiến Phần Thức Alaya thứ tám để chấp Ngã và chấp Pháp, nên gọi là Câu Sanh Ngã Chấp và Pháp Chấp, nhưng trên thực tế, Kiến Phần Thức Alaya thứ tám không phải là Thật Ngã, nguyên vì Tâm Thức này tác dụng chuyên biến liên tục không gián đoạn. Thế mà Thức Mạt Na cứ lầm lẫn chấp trước Kiến Phần Thức Alaya thứ tám cho là Thật Ngã. Đối với Kiến Phần Thức Alaya thứ tám, sự chấp Ngã của Thức Mạt Na thứ bảy thì hoàn toàn sai lầm về Thức Mạt Na thứ bảy chấp ngã như thế không đúng cái Ngã chân thật, nên gọi là Phi Lượng, nghĩa là sự lượng xét về Bản Ngã nơi Kiến Phần Thức Alaya thứ tám của Thức Mạt Na thứ bảy đều hoàn toàn phi lý và lượng xét đó không đúng chân giá trị của cái Ngã chân thật, nên gọi là Phi Lượng.

25.- BÁT ĐẠI, BIẾN HÀNH, BIỆT CẢNH HUỆ, THAM, SI, NGÃ KIẾN, MẠN, TƯƠNG TÙY:

DỊCH: Thức Mạt Na thứ bảy tương ứng với 8 Tâm Sở Đại Tùy, 5 Tâm Sở Biến Hành, một Tâm Sở Huệ trong 5 Tâm Sở Biệt Cảnh và 4 Căn Bản Phiền Não là: Tham, Si, Mạn, Ngã Kiến, cộng chung là 18 Tâm Sở tương ứng.

GIẢI: Thức Mạt Na thứ bảy thì tương ứng (kết hợp) với năm Tâm Sở Biến Hành. Nguyên vì năm Tâm Sở này sinh hoạt liên hệ khắp tất cả Tâm Thức. Về năm Tâm Sở Biệt Cảnh Thức Mạt Na thứ bảy không thể tương ứng với Tâm Sở Dục. Nguyên do Thức Mạt Na này chỉ duyên và chấp lấy Kiến Phần Thức Alaya thứ tám làm Nội Ngã, nhưng Kiến Phần Thức Alaya thứ tám thường xuyên biến hiện liên tục để cho Thức Mạt Na thứ bảy chấp Ngã. Cho nên Thức Mạt Na thứ bảy không cần đến Tâm Sở Dục giúp đỡ. Thức Mạt Na thứ bảy thường chấp Kiến Phần Thức thứ tám cho là thật Ngã, thế nên không cần đến Tâm Sở Thắng Giải giúp đỡ. Thức Mạt Na thứ bảy hiện đang liên tục tác dụng duyên với Ngã Tương của Kiến Phần thức Alaya thứ tám mà không cần phải ghi nhớ, nên không kết hợp với Tâm Sở Niệm. Hơn nữa, Thức Mạt Na thứ bảy chấp Ngã một cách si mê mà không có vấn đề ăn năn đối với kẻ khác và cũng không cần phải định tâm chuyên nhất, nên không kết hợp với Tâm Sở Định, nhưng Thức Mạt Na thứ bảy có ý lựa chọn là chỉ chấp Kiến Phần thức Alaya thứ tám làm Ngã của mình, cho nên phải nhờ đến Tâm Sở Huệ giúp đỡ để quyết định.

Trong 11 Tâm Sở Thiện, Thức Mạt Na thứ bảy không thể tương ưng với bất cứ Tâm Sở nào, nguyên vì Thức Mạt Na này thuộc về Tâm Thức ô nhiễm.

Trong 6 Tâm Sở Căn BẢN Phiền Não, Thức Mạt Na thứ bảy thường quyết định chấp Kiến Phần Thức Alaya thứ tám làm Ngã không chút nghi ngờ, cho nên không tương ưng với Tâm Sở Nghi. Hơn nữa, Thức Mạt Na thứ bảy say mê Nội Ngã một cách đắm đuối nên không kết hợp với Tâm Sở Sân, nhưng Thức Mạt Na thứ bảy vì tham đắm chấp Ngã cho nên thường kết hợp với Tâm Sở Tham. Thức Mạt Na thứ bảy rất quý trọng Bản Ngã và đặt Bản Ngã lên trên tất cả các pháp cho nên thường sanh ra Ngã Mạn. Do đó Thức Mạt Na này lại tương ưng với Tâm Sở Mạn. Thức Mạt Na thứ bảy thường Chấp Ngã một cách xấu ác nơi Kiến Phần Thức Alaya thứ tám, nên sanh ra bệnh Ngã Kiến. Do đó, Thức Mạt Na này lại tương ưng với Tâm Sở Ác Kiến. Thức Mạt Na thứ bảy si mê chấp Kiến Phần Thức Alaya thứ tám làm Ngã cho nên tương ưng với Tâm Sở Si.

Hành tướng của các Tiểu Tùy Phiền Não thì thô kệch và di động, còn Hành Tướng của Thức Mạt Na thứ bảy thì vi tế và nhỏ nhiệm. Cho nên Thức Mạt Na thứ bảy không thể tương ưng với các Tâm Sở Tiểu Tùy. Các Tâm Sở Trung Tùy Phiền Não đều thuộc về tánh bất thiện, nhưng Thức Mạt Na thứ bảy thì thuộc về tánh Vô Ký (không phải Thiện mà cũng không phải Ác). Cho nên Thức Mạt Na thứ bảy không thể tương ưng với các Tâm Sở Trung Tùy. Trái lại, Thức Mạt Na thứ bảy thì thuộc về loại ô nhiễm, cho nên thường tương ưng với tám Tâm Sở Đại Tùy Phiền Não.

Về bốn Tâm Sở Bất Định, Thức Mạt Na thứ bảy mặc nhiên luôn luôn duyên với hiện cảnh mà không có chút nhớ nghĩ nghiệp trước cho nên không hề ăn năn. Do đó Thức Mạt Na thứ bảy không cần tương ưng với Tâm Sở Hối (Ô Tác). Thức Mạt Na thứ bảy chỉ thuần sinh hoạt chấp trước phía bên trong Nội Ngã và không bao giờ duyên ra ngoại cảnh. Do đó, Thức Mạt Na thứ bảy không cần phải tìm cầu, không cần phải quán sát và cũng không cần phải ngủ nghỉ, nguyên vì Thức Mạt Na thứ bảy sinh hoạt không có bị mệt nhọc. Cho nên Thức Mạt Na này không tương ưng với các Tâm Sở Tâm, Tư và Thùy Miên.

26.- HẰNG THẨM TƯ LƯƠNG NGÃ TƯỚNG TUỖ:

DỊCH: Theo chỗ hằng thẩm tư lương về Ngã Tướng của Thức Mạt Na thứ bảy.

GIẢI: Thức Mạt Na thứ bảy thường chấp Kiến Phần Thức Alaya thứ tám làm Ngã bằng cách suy xét, nghĩ tưởng và so đo một cách liên tục không ngừng nghỉ, nên gọi là hằng thẩm tư lương Ngã Tướng. Kiến Phần Thức Alaya thứ tám thì sinh hoạt thường hằng và liên tục không ngừng nghỉ, Tâm Thức này chẳng bao giờ thẩm xét sự việc, nghĩa là nó sinh hoạt một cách tự nhiên và không bao giờ suy xét sự việc để xác định giá trị của sự việc đó, còn Ý Thức thứ sáu thì luôn luôn thẩm xét sự việc, nhưng nó sinh hoạt không thường hằng và cũng không liên tục như Kiến Phần Thức Alaya thứ tám, nghĩa là Tâm Thức này sinh hoạt thì con người tỉnh thức và nó không sinh hoạt thì con người ngủ nghỉ. Nói một cách khác Ý Thức thứ sáu chỉ sinh hoạt về ban ngày và nó không sinh hoạt về ban đêm, trừ trường hợp Tâm Thức này sinh hoạt trong mộng.

Riêng 5 Tâm Thức ở trước thì sinh hoạt cũng không thường hằng và cũng không liên tục như Kiến Phần Thức Alaya thứ tám. Chẳng những thế, năm Tâm Thức ở trước cũng không có

vấn đề thâm xét sự việc. Chỉ Thức Mạt Na thứ bảy thì gồm cả hai: sinh hoạt thường hằng một cách liên tục và thâm xét sự việc một cách tỉ mỉ. Nguyên do, Thức Mạt Na thứ bảy thường suy xét và chấp trước Kiến Phần Thức Alaya thứ tám làm Ngã một cách không gián đoạn. Bởi thế, chúng sanh hữu tình thường bị Thức Mạt Na thứ bảy mê lầm chấp trước không buông tha.

27.- HỮU TÌNH NHỰT DA TRÁN HÔN MÊ:

DỊCH: Cho nên loài hữu tình thường bị hôn mê che lấp ngày đêm.

GIẢI: Hữu Tình chúng sanh sở dĩ không được tự giác ngộ để phải bị sinh tử lưu chuyển mãi trong sáu cõi (Thiên, Nhân, A Tu La, Địa Ngục, Ngạ Quỷ và Súc Sanh) chính là do bởi sự chấp Ngã của Thức Mạt Na thứ bảy. Thức Mạt Na thứ bảy chấp ngã kiên cố khiến cho vô số chúng sanh hữu tình bị si mê lầm lạc và gây tạo không biết bao nhiêu nghiệp nhân tội lỗi sinh tử trong sáu cõi. Muốn thoát khỏi vòng sinh tử lưu chuyển trong sáu cõi, chúng sanh hữu tình trước hết phải tu tập Duy Thức Quán để hóa giải sự chấp Ngã của Thức Mạt Na thứ bảy. Khi hóa giải được sự chấp Ngã kiên cố của Thức Mạt Na thứ bảy, chúng sanh hữu tình đó mới thoát khỏi vòng sinh tử lưu chuyển trong ba cõi.

28.- TỨ HOẶC BÁT ĐẠI TƯƠNG ƯNG KHỞI:

DỊCH: Bốn Hoặc và Tám Đại Tùy Phiền Não thường tương ứng với Bảy Tâm Thức để cùng hiện khởi.

GIẢI: Bốn Hoặc tức là chỉ cho Ngã Si, Ngã Kiến, Ngã Mạn và Ngã Ái. Tám Đại Tùy Phiền Não tức là chỉ cho Trạo Cử, Hôn Trầm, Bất Tín, Giải Đãi, Phóng Dật, Thất Niệm, Tán Loạn và Bất Chính Tri. Bốn Hoặc và tám Đại Tùy Phiền Não thường hiện khởi cùng một lúc và cùng kết hợp (tương ứng) với bảy Tâm Thức ở trước. Bảy Tâm Thức ở trước tức là chỉ cho Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, Ý Thức và Mạt Na Thức. Nguyên vì so sánh với Thức Alaya thứ tám là Tâm Thức sau cùng, nhà Duy Thức gọi bảy Tâm Thức nói trên là bảy Tâm Thức ở trước.

29.- LỤC CHUYỂN HỒ VI NHIỆM TỊNH Y:

DỊCH: Chuyển Thức thứ sáu gọi Thức Mạt Na thứ bảy là Nhiễm Tịnh Y.

GIẢI: Chuyển Thức thứ sáu tức là chỉ cho Ý Thức thứ sáu. Chuyển Thức nghĩa là Ý Thức thứ sáu vì chạy theo mê vọng nên bị chuyển biến. Do đó Ý Thức thứ sáu được gọi là Chuyển Thức. Ngoại trừ Thức Alaya thứ tám ra, bảy Tâm Thức ở trước đều gọi chung là Chuyển Thức. Thức Mạt Na thứ bảy thì còn trong vòng hữu lậu (còn bị sa rớt trong vòng luân hồi sinh tử nơi ba cõi), nghĩa là Thức Mạt Na này còn chấp Ngã kiên cố thì tất nhiên Ý Thức thứ sáu vẫn còn bị ô nhiễm và còn bị si mê che lấp. Thức Mạt Na thứ bảy mỗi khi trở nên vô lậu thanh tịnh và kết hợp (tương ứng) được Trí Vô Ngã thì lúc đó Ý Thức thứ sáu trong mỗi niệm mới có thể thanh tịnh sáng suốt. Ý Thức thứ sáu do bởi nương tựa theo Thức Mạt Na thứ bảy để tác dụng, cho nên sinh hoạt không nhất định, có lúc bị ô nhiễm và có khi trở nên thanh tịnh. Thành thử căn cứ nơi sự sinh hoạt nhiễm tịnh của Ý Thức thứ sáu, Thức Mạt Na thứ bảy được gọi là Nhiễm Tịnh Y.

30.- CỤC HỖ SƠ TÂM BÌNH ĐẲNG TÁNH:

DỊCH: Đến bậc Sơ Tâm của Cục Hỗ Địa, Thức Mạt Na thứ bảy thì mới tương ứng được với tánh tự bình đẳng.

GIẢI: Cục Hỗ Địa là bậc Sơ Địa của Bồ Tát. Các vị Bồ Tát khi mới chúng vào bậc Sơ Địa thì Ý Thức thứ sáu của họ đã đạt đến phương pháp quán chiếu Ngã Pháp Nhị Không, nghĩa là Ý Thức thứ sáu đã ngộ được nguyên lý Ngã Pháp cả hai đều là không thật thể. Nhờ Pháp Quán này, Ý Thức thứ sáu mới ngăn chặn được và không cho hạt giống Ngã Pháp của Thức Mạt Na thứ bảy sanh khởi. Cũng nhờ đó Thức Mạt Na thứ bảy bắt đầu có thể kết hợp với Trí Tánh tự bình đẳng. Thức Mạt Na thứ bảy vì bản tánh vẫn còn mê muội và yếu hèn cho nên không đủ sức đoạn trừ con bệnh mê hoặc để được chứng ngộ chân lý. Do đó Thức Mạt Na thứ bảy phải nhờ đến Ý Thức thứ sáu ra tay tu tập thể cho mình để đoạn hoặc chứng lý.

31.- VÔ CÔNG DỤNG HẠNH NGÃ HẰNG TÔI:

DỊCH: Đến đức hạnh vô công dụng mới phá được cái Ngã.

GIẢI: Địa vị thứ bảy của Thập Địa Bồ Tát trở lên, sáu Tâm Thức ở trước vẫn chưa được an trụ thường xuyên nơi Nhị Không. Nhị Không nghĩa là Ngã Không và Pháp Không. Cho nên Thức Mạt Na này vẫn chưa thật sự dứt hẳn bệnh chấp trước về Nhân Ngã. Khi đạt đến địa vị thứ tám của Thập Địa Bồ Tát, Thức Mạt Na thứ bảy lúc đó mới không còn dụng công trong vấn đề diệt Ngã, nghĩa là Tâm Thức này đã hoàn toàn dứt hẳn bệnh chấp trước về Nhân Ngã, nên gọi là Vô Công Dụng Hạnh. Tâm Thức này chỉ còn lại căn bệnh chấp Pháp rất vi tế mà thôi.

32.- NHƯ LAI HIỆN KHỞI THA THỌ DỤNG, THẬP ĐỊA BỒ TÁT SỞ BỈ CƠ:

DỊCH: Các vị Bồ Tát vì trình độ khác nhau nên thấy thân Phật không giống nhau. Đức Như Lai hiện ra Thân Thọ Dụng để hóa độ các trình độ Thập Địa Bồ Tát.

GIẢI: Thân Tha Thọ Dụng là Thân Tướng để cho người khác sử dụng thọ nhận, nghĩa là Thân Tướng thị hiện để cho người khác nương tựa quy ngưỡng và tu tập, tức là chỉ cho Thân Tướng ứng hiện để hóa độ chúng sanh, Đứ Như Lai (đức Phật) tùy theo trình độ cảm ứng của mọi loài chúng sanh thường hiện nhiều loại Thân Tướng để hóa độ họ. Khi đạt đến quả vị Phật, Tánh Trí bình đẳng của Thức Mạt Na thứ bảy liền hiện ra mười loại Thân Tướng Tha Thọ Dụng để hóa độ và thọ nhận các vị Thập Địa Bồ Tát. Tánh Trí bình đẳng của Thức Mạt Na thứ bảy đứng về phương diện thù thắng thì có khả năng hiện ra Thân Tướng Tha Thọ Dụng. Không những chỉ một mình Tánh Trí Bình Đẳng của Thức Mạt Na thứ bảy mới có khả năng nói trên, cho đến bốn Trí (Trí Thành Sở Tác, Trí Diệu Quan Sát, Trí Bình Đẳng Tánh và Trí Viên Thành Thật) của đức Như Lai cũng đều có khả năng hiện ra Thân Tướng Tha Thọ Dụng một cách mẫu nhiệm nhằm mục đích tùy duyên hóa độ vạn loại hữu tình.

ĐỆ TỬ CHƯƠNG

(Chương thứ tư)

ĐỆ BÁT THỨC TỤNG

DỊCH: bài Tụng giảng về Tâm Thức thứ tám.

33. TÁNH DUY VÔ PHÚ NGŨ BIẾN HÀNH:

DỊCH: Đặc Tánh của Tâm Thức thứ tám chính là Vô Phú Vô Kỳ và chỉ tương ứng với năm Tâm Sở Biến Hành.

GIẢI: Đệ Bát Thức là tầng Thức thứ tám, tức là Thức Chứa thứ tám. Tầng Thức thứ tám có ba đặc tính:

1/- **NĂNG TÀNG:** nghĩa là có khả năng tàng trữ tất cả hạt giống của vạn pháp.

2/- **SỞ TÀNG:** nghĩa là chỗ nơi có thể tiếp nhận tất cả hạt giống của vạn pháp do sự luân tập (chứa nhóm) của bảy Tâm Thức ở trước.

3/- **CHẤP TÀNG:** gọi cho đủ là Ngã Ái Chấp Tàng, nghĩa là Tâm Thức này bị Thức Mạt Na thứ bảy luyến ái chấp làm Bản Ngã.

Đặc tánh của Tầng Thức (Alaya) thứ tám thì thuộc về Vô Phú Vô Kỳ. Vô Phú nghĩa là Tâm Thức này không bị các phiền não nghiệp chướng ngăn che, và Vô Kỳ nghĩa là Tâm Thức này không nhất định thiện hay ác. Tầng Thức thứ tám chỉ theo Nghiệp báo để thọ sanh và nó không bao giờ gây tạo nên Nghiệp báo nào cả, vì thế Tầng Thức này được gọi là Vô Phú. Về phương diện Thế Tánh, Tầng Thức này không bị nhiễm ô, không tương ứng với các Tâm Sở sai lầm và cũng không mê chấp tất cả cảnh giới vọng hiện cũng như cảnh giới nghiệp duyên, nên được gọi là Vô Phú. Thế giới vọng hiện nghĩa là những thế giới do sự mê vọng hiện ra. Thế giới nghiệp duyên nghĩa là những thế giới do nghiệp nhân quyết định tạo nên.

Về phương diện tàng trữ, Tầng Thức thứ tám này đều dung chứa tất cả hạt giống thiện ác và không chừa bỏ bất cứ hạt giống tốt xấu nào cả, nên gọi là Vô Kỳ, còn về phương diện tác dụng sanh khởi, Tầng Thức thứ tám này xây dựng tất cả pháp đều bình đẳng và xây dựng không bỏ sót một pháp nào cả. Tầng Thức này xây dựng đúng theo Nghiệp báo của các pháp và xây dựng các pháp không sai trái của nghiệp báo. Cho nên Tầng Thức này được gọi là Vô Kỳ. Đây là đặc tánh của Tầng Thức thứ tám.

Tầng Thức thứ tám chỉ tương ứng với năm Tâm Sở Biến Hành. Nguyên vì năm Tâm Sở Biến Hành đều đồng tánh Vô Phú Vô Kỳ với Tầng Thức thứ tám. Tầng Thức thứ tám thì chỉ sinh hoạt hiện lượng và không bao giờ sinh hoạt Tỷ Lượng và Phi Lượng. Nguyên do Tầng Thức này thì luôn luôn sinh hoạt theo Nghiệp lực một cách mặc nhiên để duyên với hiện cảnh và ngoài hiện cảnh này ra, Tầng Thức thứ tám không có khả năng duyên với bất cứ cảnh giới nào khác. Do đó, Tầng Thức thứ tám nhất định không thể tương ứng với năm Tâm Sở Biệt Cảnh. Tầng Thức thứ tám thì thuộc về loại Vô Phú Vô Kỳ, cho nên nó không tương ứng với các Tâm Sở Thiện và các Tâm Sở Ác. Hơn nữa, Tầng Thức thứ tám chỉ duyên với Tánh Cảnh và ngoài Tánh Cảnh này ra nó không thể duyên với Đới Chất Cảnh hay Độc Ảnh Cảnh, còn trong mỗi niệm (mỗi hồi tưởng), Tầng Thức thứ tám chỉ duyên với hiện cảnh và không thể duyên với danh từ

hay lời nói nào khác. Thế nên, Tầng Thức thứ tám không thể tương ứng với các Tâm Sở Bất Định.

34.- GIỚI ĐỊA TÙY THA NGHIỆP LỰC SANH:

DỊCH: Trong ba cõi (Tam Giới), chín Địa (Cửu Địa), Tầng Thức thứ tám tùy theo Nghiệp lực để thọ sanh. (Sự thọ sanh của Tầng Thức này đều do Nghiệp lực quyết định).

GIẢI: Đặc tánh của Tầng Thức thứ tám thì thuộc về Vô Phú Vô Kỳ. Cho nên Tầng Thức này tự mình không thể gây nghiệp. Sự thọ sanh cõi này hay cõi khác của Tầng Thức thứ tám là do sự quyết định của các Nghiệp Thiện Ác đã được huân tập (chứa nhóm) trong nội Tâm. Tầng Thức thứ tám thọ sanh trong các cõi với hình thức Quả Di Thực do các Nghiệp Thiện Ác lôi cuốn. Tầng Thức thứ tám sanh vào cõi nào thì liền phát khởi những loại Tâm Thức giống như cõi đó. Cho nên Tầng Thức thứ tám mỗi khi rút lui ra đi thì khiến cho thân thể của chúng sanh ở những cõi đó bị tan rã ngay. Tầng Thức thứ tám không giống như Ý Thức thứ sáu. Ý Thức thứ sáu tuy là sanh vào cõi này nhưng có thể phát khởi Ý Thức thứ sáu của cõi khác để tạo nghiệp cho cõi khác.

Thí dụ: Ý Thức thứ sáu tuy đã sanh vào cõi người, nhưng còn chạy vào trong cõi mộng (dream) để tạo nghiệp luyến ái với người trong mộng.

Trong tám Tâm Thức, Tâm Thức thứ tám thì hoàn toàn lệ thuộc nghiệp lực và theo nghiệp lực để thọ sanh vào trong các cõi với hình thức là Di Thực Sanh, còn Ý Thức thứ sáu thì có một phần theo nghiệp lực thọ sanh để hưởng thụ, nhưng Ý Thức thứ sáu cũng có một phần hóa giải nghiệp lực để giải thoát. Trái lại năm Tâm Thức ở trước thì không bị chi phối bởi người lực trong việc thọ sanh, nhưng chúng nó lại có một phần tương ứng với các Tâm Sở Thiện và các Tâm Sở Ác trong việc sinh hoạt hiểu biết.

35.- NHỊ THỪA BÁT LIỄU NHÂN MÊ CHẤP, DO THỬ NẴNG DỮ LUẬN CHỦ TRANH:

DỊCH: Hàng Nhị Thừa vì không nhận thức rõ lý Duy Thức và nhân đó mê chấp cho rằng “Không có Tâm Thức thứ sáu”. Bởi thế hàng Nhị Thừa thường tranh luận với các Luận Chủ Đại Thừa.

GIẢI: Kinh Giải Thâm Mật có câu: “Thức A Đà Na rất sâu nhiệm. Hết thầy chúng tử như dòng nước dốc, ta đối với kẻ phàm phu ngu không khai diễn, sợ bị nhận lầm là chấp Ngã”.

Thức A Đà Na là tên riêng của Tầng Thức thứ tám. Hành tướng của Thức A Đà Na thì rất vi tế và mâu nhiệm, khó có thể thấu hiểu. Hết thầy Hạt Giống (Chúng tử) của Thức A Đà Na cứ mãi nối tiếp nhau sanh diệt và diệt sanh một cách liên tục không gián đoạn giống như dòng nước dốc chảy xuống. Chúng ta nhìn tổng quát nhận thấy tất cả hạt giống trong Thức A Đà Na này dương như tĩnh lặng, nhưng thật ra chúng nó biến đổi rất mau chóng.

Thí dụ: Những Hạt Giống Video Tapes trong Thức A Đà Na di chuyển thì vạn vật trên màn ảnh cũng di chuyển theo. Những Hạt giống Video Tapes trong Thức A Đà Na không di chuyển biến đổi thì vạn vật trên màn ảnh sẽ bị đứng yên và những Hạt Giống Video Tapes không tác

dụng biến động thì vạn vật trên màn ảnh cũng sẽ bị tiêu diệt. Vạn vật trên màn ảnh sở dĩ bị tiêu diệt là do những Hạt Giống Video Tapes trong Thức A Đà Na không tác dụng biến động để di chuyển biến đổi. Mặc dù vạn vật trên màn ảnh không còn, nhưng thật ra những Hạt Giống Video Tapes trong Thức A Đà Na vẫn còn nguyên.

Đức Phật sở dĩ không chỉ bày Thức A Đà Na nói trên cho hàng phàm phu và Nhị Thừa là nguyên do sợ hai hạng này phân biệt và chấp trước. Đức Phật sợ họ mê lầm chấp trước cho Thức A Đà Na hay Tàng Thức thứ tám là thật Ngã. Vì lý do nói trên đức Phật mới không chỉ bày Thức A Đà Na hay Tàng Thức thứ tám cho hai hạng người vừa kể. Bởi thế Kinh Điển của Nam Tông không thấy đề cập đến Tâm Thức này nhiều. Mặc dù Kinh Điển của Nam Tông không đề cập đến Tàng Thức thứ tám (Thức A Đà Na) một cách rõ ràng, nhưng trong đó thâm ý của Phật đôi khi cũng nói đến một cách tổng quát với hình thức khác. Bởi thế, Nhị Thừa không thể hiểu được Tâm Thức này và cũng không tin có Tâm Thức này. Hơn nữa, chỗ chứng đắc của Nhị Thừa là chỉ đoạn trừ sự chướng ngại nơi Phiền Não (Phiền Não Chướng), nghĩa là hai hạng này chỉ làm cho Mạt Na Thức thứ bảy không tương ưng (không kết hợp) với những hạt giống Ngã si, Ngã kiến, Ngã mạn, Ngã ái, nhưng Thức Mạt Na thứ bảy thì lại thường tương ưng với hạt giống Ngã Trí cho nên Tâm Thức này có thể rõ biết được Tàng Thức thứ tám.

Đối với căn cơ (trình độ) của hàng Nam Tông, Phật không đề cập đến Tàng Thức thứ tám, nhưng đối với căn cơ (trình độ) của bậc Đại Thừa, Phật thường trình bày Tàng Thức thứ tám nhằm mục đích giúp đỡ hàng Nhị Thừa nương theo đó tu tập để tiến lên chứng được Trí Nhất Thể Chung của Đại Thừa. Đến khi Phật nhập diệt, hàng Đại Thừa và hàng Nam Tông vẫn hòa hợp với nhau trong quan niệm và không có vấn đề chống trái nhau về tư tưởng. Hàng Nam Tông lúc đó, mặc dù không biết rõ Tàng Thức thứ tám, nhưng không phủ nhận Tâm Thức này. Về sau, nhiều nhà Luận Sư Nam Tông không hiểu được thâm ý của Phật, nên mê lầm chấp trước, bài bác Đại Thừa, không tin có Tàng Thức thứ tám, và phủ nhận luân cả Kinh Luận của Đại Thừa. Bởi thế các Luận Chủ Đại Thừa mới sáng tác nhiều bộ luận không ngoài mục đích biện minh cho sự có mặt của Tàng Thức thứ tám.

Thành Duy Thức Luận của Ngài Huyền Trang đã dẫn mười lý do trong Kinh Điển Tiểu Thừa (Kinh A Hàm) đều có đề cập đến Tàng Thức thứ tám. Mười lý do đó được trình bày như sau:

1/- TRÌ CHUNG: Trì Chung nghĩa là bảo trì hạt giống của các pháp. Trong Kinh Nam Tông Phật có dạy rằng: “Chỗ chứa nhóm của các pháp nhiễm tịnh thì gọi là Tâm. Như vậy Tàng Thức thứ tám nếu như không có thì các pháp nhiễm tịnh nương tựa vào đâu để làm cái Tâm Trì Chung”.

2/- DỊ THỰC: Dị Thực là tên riêng của Tàng Thức thứ tám. Trong Kinh Tiểu Thừa Phật có dạy rằng: “Có Tâm Dị Thực huân chứa nghiệp lực lành dữ để chiêu cảm. Tàng Thức thứ tám nếu như không có thì Tâm Dị Thực nương tựa vào đâu để chiêu cảm và nghiệp lực nương tựa vào đâu để thành thực”.

3/- THỨ SANH: Thứ nghĩa là cõi. Thứ gọi cho đủ là Ngũ Thứ. Ngũ Thứ nghĩa là năm cõi. Ngũ Thứ gồm có: Cõi Trời, cõi Người, cõi Địa Ngục, cõi Ngạ Quỷ và cõi Súc Sanh, còn chữ Sanh gọi cho đủ là Tứ Sanh. Tứ Sanh nghĩa là bốn loại sanh ra. Tứ Sanh gồm có: loại sanh ra

bằng thai gọi là Thai Sanh, loại sanh ra bằng trứng gọi là Noãn Sanh, loại sanh ra nơi chỗ ẩm thấp gọi là Thấp Sanh và loại sanh ra bằng cách chuyển hóa gọi là Hóa Sanh. Kinh Nam Tông lại nói rằng: “Loài hữu tình lưu chuyển trong Ngũ Thú, Tứ Sanh”. Tầng Thức thứ tám nếu như không có thì loài Hữu Tình nương tựa vào đâu để Thú Sanh.

4/- THỌ GIẢ: Kinh nói: “Có sắc thân (Mạng Căn) và có chấp thọ (Thọ nhận)”. Tầng Thức thứ tám nếu như không có thì sắc thân (Mạng Căn) nương tựa vào đâu để được chấp thọ (mạng căn là thân thể).

5/- THỨC GIẢ: Kinh nói ba loại: “Thọ (Thọ thai), Noãn, (Noãn châu, tức là tinh cha huyết mẹ) và Thức (Thức Alaya) cùng nhau nương tựa và cùng nhau duy trì sự sống một cách liên tục”. Tầng Thức thứ tám nếu như không có thì Thọ và Noãn nương tựa vào đâu để duy trì sự sống.

6/- SINH DĨ: Kinh nói: “Các loài hữu tình một khi mạng sống đã chấm dứt thì an trú nơi Tán Tâm”. Tầng Thức thứ tám nếu như không có thì các loài hữu tình trong lúc mê man bất tỉnh cũng như sau khi chết không biết nương tựa vào đâu để làm cái Tâm cho mình.

7/- DUYÊN GIẢ: Kinh nói: “Thức duyên danh sắc”. Tầng Thức thứ tám nếu như không có thì Danh Sắc nương tựa vào đâu để cho Thức duyên.

8/- Y THỰC: Kinh nói: “Tất cả loài hữu tình đều nương theo bốn cách ăn để sống. Bốn cách ăn là Đoạn Thực, Xúc Thực, Thức Thực và Thiền Duyệt Thực”. Tầng Thức thứ tám nếu như không có Thích tất cả loài Hữu Tình nương tựa vào đâu để có Thức Thực.

9/- DIỆT ĐỊNH: Kinh nói: “Khi nhập vào Thiền Định Diệt Tận, các động tác về Thân, Miệng và Ý không còn hoạt động. Thân, Miệng, và Ý mặc dù không có hoạt động, nhưng chúng nó vẫn còn tồn tại trong tư thế bất động. Ý tưởng tuy không phát khởi tác dụng, nhưng nó chưa hẳn đã bị tiêu diệt, nguyên vì các Căn (các cơ quan) thuộc Thọ Noãn (thọ nhận nơi tinh cha huyết mẹ) của Thân và Miệng hiện chưa bị tan biến. Các Căn (các cơ quan) của Thân và Miệng sở dĩ chưa bị tan biến là do Tâm Thức vẫn chưa lìa khỏi Thân Thể. Tâm Thức vẫn chưa lìa khỏi Thân Thể như đã được đề cập ở trên chính là chỉ cho Tầng Thức thứ tám hiện còn có mặt trong con người một khi con người đó đã nhập vào Thiền Định Diệt Tận mặc dù Ý Tưởng của Hành Giả lúc đó cũng không còn phát khởi tác dụng nữa”.

10/- NHIỄM TỊNH: Kinh nói: “Vì Tâm bị tạp nhiễm cho nên hữu tình bị tạp nhiễm theo. Ngược lại, Tầng Thức thứ tám nếu như không có mặt thì hữu tình nương tựa vào đâu để làm chỗ nhiễm tịnh”.

Mười lý do vừa giải thích cũng đủ chứng minh rằng, Tầng Thức thứ tám nhất định phải có mặt trong sự sanh khởi và tồn tại của vạn pháp. Vạn pháp sở dĩ được sanh khởi và tồn tại là nhờ Tâm Thức này xây dựng và bảo trì. Mười lý do nói trên đã được trình bày một cách minh bạch trong luận Thành Duy Thức Thức của Ngài Huyền Trang.

36.- HẠO HẠO TAM TÀNG BÁT KHẢ CÙNG:

DỊCH: Lòng lộng ba Tầng không thể cùng.

GIẢI: Ba Tầng nghĩa là Năng Tầng, Sở Tầng và Ngã Ái Chấp Tầng. Đây là giá trị của Tầng Thức thứ tám. Thể của Tầng Thức thứ tám thì bao la rộng lớn không cùng tận. Giá trị của Tầng Thức thứ tám gồm có ba:

1/- NĂNG TÀNG: nghĩa là Tâm Thức thứ tám này có khả năng tàng trữ tất cả hạt giống của vạn pháp không cho tiêu diệt. Tầng Thức thứ tám thì thuộc về loại Vô Phú Vô Kỳ và luôn luôn sinh hoạt liên tục không gián đoạn. Tầng Thức này có năng lực bao trùm và dung chứa tất cả hạt giống vạn pháp, nên gọi là Năng Tầng.

2/- SỞ TÀNG: nghĩa là cơ sở dùng để tàng trữ tất cả hạt giống vạn pháp. Tầng thức thứ tám giống như cái kho dùng để chứa tất cả hạt giống vạn pháp. Bảy Tâm Thức chuyển biến ở trước huân tập (chứa nhóm) những hạt giống của vạn pháp như thế nào thì Tầng Thức thứ tám duy trì những hạt giống nói trên được tồn tại y nguyên như thế đó và khiến cho chúng không bị biến chất. Tầng Thức thứ tám tiếp nhận tất cả hạt giống của vạn pháp một cách bình đẳng không chọn lựa thiện ác, không khen chê tốt xấu. Do đó, Tầng Thức thứ tám này được gọi là Sở Tầng của các hạt giống vạn pháp.

3/- NGÃ ÁI CHẤP TÀNG: nghĩa là Thức Mạt Na thứ bảy luôn luôn mê chấp Tầng Thức thứ tám một cách luyến ái cho là Ngã của mình, nên gọi là Ngã Ái Chấp Tầng. Thức Mạt Na thứ bảy thường duyên với Tầng Thức thứ tám bằng cách thâm xét, suy tư và so lường để chấp trước. Tầng Thức nghĩa là Thức Chứa, dịch từ chữ Alaya Thức. Bởi thế cho nên Thức Alaya có ba nghĩa: Năng tàng, Sở Tầng và Ngã Ái Chấp Tầng.

37.- UYÊN THÂM THẮT LĂNG CẢNH VI PHONG:

DỊCH: Nơi nguồn biển nước sâu thẳm của Tầng Thức thứ tám, cảnh giới biến động tạo thành gió và khiến cho các làn sóng bảy Chuyển Thức nổi lên.

GIẢI: Kinh Lăng Già có câu: “Tạng Thức hải thường trú, cảnh giới phong sở động, chủng chủng chư Thức lăng, đẳng chước nhi chuyển sanh”, nghĩa là Biển tầng Thức thì thường trú, gió cảnh giới biến động khiến cho các thứ Sóng Thức cuộn cuộn lưu chuyển sanh ra. Tầng Thức thứ tám vẫn đầy đủ Kiến Phần và Tướng Phần. Chỉ vì bị vô minh bất giác (bị tối tăm không giác ngộ) mê hoặc, Tầng Thức thứ tám không nhận rõ được tánh của Duy Thức, vì không nhận rõ được tánh của Duy Thức, cho nên Tầng Thức thứ tám mê chấp Tướng Phần ngoại cảnh làm duyên. Do bởi mê chấp Tướng Phần ngoại cảnh làm duyên, Tầng Thức thứ tám cứ mãi chạy theo các duyên ngoại cảnh hư vọng đó để chuyển biến và sanh ra bảy Tâm Thức ở trước. Điều này cũng tương tự như nước biển và các làn sóng. Nước biển dụ như Tầng Thức thứ tám và các làn sóng dụ như bảy Tâm Thức ở trước. Nước biển Tầng Thức thứ tám bị Gió Nghiệp ngoại cảnh thổi mạnh khiến sanh ra các lượn sóng bảy Tâm Thức ở trước nổi lên, nhưng nước tức là sóng, nguyên vì sóng cũng là nước. Các Tâm Thức ở trước cũng không ngoài Tầng Thức thứ tám. Vì thế, Tầng Thức thứ tám cũng có tên là Căn Bản Thức.

38.- THỌ HUÂN TRÌ CHỨNG CĂN THÂN KHÍ, KHỨ HẬU LAI TIÊN TÁC CHỦ ÔNG:

DỊCH: Tàng Thức thứ tám chịu huân tập (chứa nhóm), Trì Chủng (bảo trì hạt giống) và chuyển biến sanh ra Căn Thân (Thân Thể) cùng Khí Giới (Thế Giới). Tàng Thức thứ tám đi thì đi sau, đến thì đến trước, theo Nghiệp lực và làm chủ tất cả mọi việc để chịu quả báo.

GIẢI: Hai câu nói về công dụng của Tàng Thức thứ tám. Công dụng của Tàng Thức thứ tám gồm có bốn phần:

1/- CHÂN HUÂN TẬP: cũng gọi là Sở Huân Tập. Chân Huân Tập nghĩa là sự xông ướp đúng với chân giá trị của nó. Sở Huân Tập nghĩa là chân giá trị của chỗ xông ướp. Chân Huân Tập được giải thích như sau:

- HUÂN: nghĩa là xông ướp, như trà ướp sen gọi là Trà Sen. Ý nghĩa sự xông ướp này so sánh cũng tương tự như viên than. Bản chất viên than thì không phải thơm và cũng không phải hôi thối. Viên than được xông ướp bởi chất thơm thì nó trở thành có mùi thơm và viên than này nếu như được xông ướp bởi chất hôi thối thì nó trở thành có mùi hôi thối, nhưng bản chất đã thơm thì không thể xông ướp chất khác để biến đổi thành mùi khác được. Chất hôi thối thì cũng thế. Ý nghĩa sự xông ướp như đã trình bày ở trên thì gọi là Huân.

- TẬP: nghĩa là thói quen. Ý nghĩa thói quen so sánh cũng tương tự như nghiện rượu, nghiện thuốc v.v... Người tập uống rượu lâu ngày thì trở thành thói quen nghiện rượu, người tập hút thuốc lâu ngày thì trở thành thói quen nghiện thuốc v.v... Ý nghĩa thói quen như đã trình bày ở trên thì gọi là Tập.

- HUÂN TẬP: nghĩa là những việc thiện hoặc những việc ác đã được hành động nhiều lần qua Thân, Miệng, và Ý liền trở thành Nghiệp Lực. Những Nghiệp Lực trên đây được huân tập vào trong Tàng Thức thứ tám để trở thành Hạt Giống. Những Hạt Giống Nghiệp Lực thiện ác vừa kể lại xông ướp lâu ngày khiến cho Tàng Thức thứ tám trở nên mùi thơm hoặc mùi hôi thối tùy theo chất liệu của Nghiệp Lực. Đây là ý nghĩa của sự Huân Tập. Nói cách khác Huân Tập nghĩa chứa nhóm các hạt giống thiện ác vào trong Tàng Thức thứ tám. Chân Huân Tập có hai lãnh vực: Sở Huân Tập và Năng Huân Tập.

A.- SỞ HUÂN TẬP: nghĩa là nơi chốn để được huân tập. Nơi chốn để được huân tập nhất định phải hội đủ bốn nghĩa thì mới có thể chịu sự chứa nhóm. Bốn nghĩa đó là:

a/- KIÊN TRỤ TÁNH: nghĩa là tánh tồn tại kiên cố. Tánh Kiên Trụ là tánh không bị hoại diệt, nghĩa là chỗ nơi để được huân tập thì nhất định phải có tính cách thường trú, có tánh chắc thật và nơi đó không có vấn đề sanh diệt hoặc sinh hoạt gián đoạn. Chúng ta không thể xông ướp với tính cách chứa nhóm chất thơm vào trong Gió hoặc vào trong Ánh sáng, nguyên vì hai vật này không có tánh chắc thật và cũng không có tánh thường trụ. Tàng Thức thứ tám thì có tánh chắc thật và thường trú. Cho nên Tàng Thức này chính là nơi chốn rất tốt đẹp để được huân tập.

b/- VÔ KÝ TÁNH: nghĩa là nơi chốn để được huân tập thì nhất định phải có tính chất Vô Ký. Tánh chất Vô ký là tánh chất không phải thiện và cũng không phải ác. Nơi chốn có tính chất vô ký thì mới có thể chịu huân tập đủ các loại hạt giống Thiện Ác và huân tập một cách trung thực không bỏ sót bất cứ hạt giống tốt xấu nào. Điều này cũng giống như một vật muốn được

xông ướp với tính cách chứa nhóm thì tính chất của nó nhất định phải không có một chút mùi vị nào trong đó cả. Nhờ không có mùi vị nào cả, sau khi xông ướp, nó mới có thể trở thành mùi thơm hoặc trở thành mùi hôi thối. Tầng Thức thứ tám thì thuộc về tính chất vô ký, cho nên có thể tiếp nhận tất cả hạt giống Thiện Ác đã được huân tập.

c/- KHẢ HUÂN TẬP: nghĩa là tính chất có thể chịu huân tập. Tầng thức thứ tám thì thuộc về tánh Vô phú một cách rộng rãi, nghĩa là tánh không bị ngăn che bởi các chất liệu vô minh phiền não. Hơn nữa Tầng Thức thứ tám thì không phải bất động giống như các pháp Vô Vi, không phải hữu phú (bị ngăn che) giống như Thức Mạt Na thứ bảy và cũng không phải phú tàng (ngăn che) giống như các Tâm Sở. Ở đây Tầng Thức thứ tám chính là Tâm Vương (vua Tâm) cho nên nó có thể huân tập tất cả hạt giống Thiện Ác trong thế gian.

d/- DỮ NĂNG HUÂN TẬP CỘNG HÒA HIỆP TÁNH: nghĩa là tánh hòa hợp với các Năng Huân. Năng Huân là chỉ cho bảy Tâm Thức ở trước. Bảy Tâm Thức này có khả năng huân tập các Nghiệp lực thiện ác. Sở Huân là chỉ cho Tầng Thức thứ tám. Tầng Thức này là nơi chốn để cho các Nghiệp lực thiện ác được huân tập vào. Năng Huân và Sở Huân phải hòa hiệp với nhau thì mới có thể huân tập được những nghiệp lực thiện ác. Điều này cũng giống như các vật có mùi thơm hay các vật có mùi hôi thối phải để gần bên cạnh cục than không mùi vị thì mới xông ướp được cục than. Từ nguyên nhân đó, những việc của người này làm không thể huân tập được Tầng Thức thứ tám của người khác. Tánh chịu huân tập là tánh đặc biệt của Tầng Thức thứ tám, còn bảy Tâm Thức ở trước thì sinh hoạt có gián đoạn, cho nên chúng nó không thể chịu nhận sự huân tập nào của các hạt giống thiện ác. Mạt Na thức thứ bảy thì thuộc về hữu phú (bị ngăn che) nên không chịu cho huân tập tất cả hạt giống thiện ác, còn Tnát Thức thứ tám thì có công năng giữ gìn các hạt giống thiện ác không cho hoại diệt. Thế nên Tầng Thức thứ tám thì chịu cho các hạt giống thiện ác huân tập vào.

B.- NĂNG HUÂN TẬP: nghĩa là có công năng huân tập. Đây là chỉ cho sáu Tâm Thức ở trước. Sáu Tâm Thức này thường hay huân tập các hạt giống thiện ác đến cho Tầng Thức thứ tám. Những pháp được sáu Tâm Thức ở trước huân tập vào Tầng Thức thứ tám gồm có bốn nghĩa:

a/- HỮU SANH DIỆT: nghĩa là có sanh và có diệt. Những pháp được huân tập nhất định phải có tính cách sanh diệt vô thường thì mới có thể sanh ra tập khí (chất hơi huân tập).

b/- HỮU THẮNG DANH: nghĩa là phải có danh nghĩa thù thắng. Những pháp được huân tập nhất định phải có sức mạnh (danh nghĩa thù thắng) thì mới sanh ra được tập khí. Cũng như các chất hóa học hòa hợp với nhau biến thành dầu thơm.

c/- DỮ SỞ HUÂN HÒA HỢP: nghĩa là phải hòa hợp với nơi chốn được huân tập. những pháp được huân tập phải hòa hợp với Tầng Thức thứ tám thì mới có thể sanh ra tập khí.

2/- TRÌ CHỨNG TỬ: Chủng tử tức là hạt giống tập khí (hạt giống thói quen). Những Chủng Tử tập khí này đều thuộc về loại năng lực có tính cách hạt giống được nằm trong Tầng Thức thứ tám. Những chủng tử tập khí này đều sai khác nhau tính chất và có thể sanh ra vạn pháp theo tính chất nhân quả của mình. Những chủng tử tập khí nơi Tầng Thức thứ tám được gọi là Nội Chủng Tử. Nội Chủng Tử trong Tầng Thức thứ tám không giống như Ngoại Chủng Tử. Ngoại Chủng

Tử là những hạt giống được hiện bày ra bên ngoài. Ngoại Chung Tử như là những hạt lúa, những hạt bắp v.v... đều là giả danh, có tính cách duyên sanh là do Duy Thức biến hiện. Cho nên những hạt giống này không giống như Nội Chung Tử. Chung Tử có sáu nghĩa:

1/- SÁT NA DIỆT: Chung Tử của vạn pháp là những hạt giống thuộc loại hữu vi có tính cách sanh diệt biến hoại. Cho nên chúng nó luôn luôn bị chuyển biến sanh diệt liên tục từng sát na một (từng tích tắc giây đồng hồ) không ngừng để sanh ra các pháp. Các pháp nhờ sự chuyển biến sanh diệt liên tục không ngừng của những hạt giống thì mới có thể sanh ra và các pháp cũng vì sự chuyển biến sanh diệt liên tục không ngừng của những hạt giống nên bị hoại diệt. Những hạt giống cũng vì có tính cách chuyển biến sanh diệt liên tục không ngừng trong từng sát na một nên khiến cho vạn pháp phải bị sanh khởi và phải bị hoại diệt nên gọi là Sát Na Diệt.

2/- QUẢ CÂU HỮU: Nhân là chỉ cho các Chung Tử (hạt giống) và Quả là kết quả, tức là chỉ cho vạn pháp hiện hành (hiện đang sanh khởi). Nhân và Quả của vạn pháp thì luôn luôn hiển hiện, hiện tại và hiện hữu. Hiển hiện nghĩa là chỉ cho vạn pháp đang hiện bày về phần Kết Quả. Hiện Hữu nghĩa là chỉ cho vạn pháp hiện có mặt về phần Nguyên Nhân. Hiện Tại nghĩa là chỉ cho Nhân và Quả của vạn pháp đều dung thông với nhau, tức là trong Nhân có Quả và trong Quả có Nhân.

Chung Tử và các Pháp hiện hành (hiện đang sanh khởi) muốn thành Kết quả thì luôn luôn phải hòa hợp với nhau và không tách rời nhau trong sự tác dụng sanh khởi. Chung Tử và các Pháp hiện hành phải được hòa hợp với nhau mới có thể sanh khởi. Chung Tử và các Pháp hiện hành không tách rời nhau trong sự tác dụng mới có thể kết thành hạt giống kế tiếp. Chung Tử và các Pháp hiện hành phải tác dụng cùng một lúc mới thành hình, nghĩa là Chung Tử sanh ra các Pháp hiện hành thì các Pháp hiện hành và Chung Tử phải tác dụng cùng một lúc mới đi đến kết quả và các Pháp hiện hành huân tập thành Chung Tử thì Chung Tử và các Pháp hiện hành cũng phải tác dụng cùng một lúc mới thành hoa trái, nên gọi là Đồng thời. Hoa trái chứa những hạt giống còn non nên chưa thành Chung Tử. Nhưng chỉ có Chung Tử sanh ra Chung Tử thì mới khác nhau thời gian. Chung Tử mỗi khi tác dụng để sanh ra các Pháp hiện hành thì hạt giống khởi đầu đó đã bị biến thể và các Pháp hiện hành mỗi khi huân tập để kết thành Chung Tử trở lại thì những Hạt giống kế tiếp đó không cùng một thời gian (không đồng thời) với những Hạt Giống lúc khởi đầu. Trường hợp này gọi là Dị thời. Những Chung Tử mỗi khi khởi đầu tác dụng muốn đi đến kết quả thì phải trải qua một thời gian chuyển biến liên tục không ngừng trong từng sát na một bằng cách chuyển hóa sanh diệt và diệt sanh mới có thể huân tập để kết thành những Chung Tử cùng loại về sau. Trường hợp này được gọi là Chung Tử dị thời sanh Chung Tử (Hạt Giống sanh ra Hạt giống khác nhau thời gian).

3/- HẰNG TỤY CHUYỂN: nghĩa là khởi điểm từ vô thi (không đầu mối) cho đến cứu cánh, Chung Tử nhất loại đều chuyển biến một cách liên tục không xen hở, chuyển biến không gián đoạn để đạt đến kết quả. Nhất loại nghĩa là Chung Tử một khi tác dụng kết hợp thọ nhận để sanh khởi thì cũng không thay đổi tính chất và giá trị. Tánh chất và giá trị của Chung Tử mỗi khi chuyển biến thì tác dụng liên tục không ngừng để đưa đến địa vị cứu cánh một cách thuần nhất, chuyển biến không bị gián đoạn và không bị mất đi bản chất, nên gọi là Hằng Tụy Chuyển.

4/- TÁNH QUYẾT ĐỊNH: Chủng Tử thì có năng lực quyết định mọi quả báo. Ác Chủng Tử thì có năng lực quyết định sanh ra Ác Pháp. Thiện Chủng Tử thì có năng lực sanh ra Thiện Pháp. Chủng Tử nào thì sanh ra Pháp đó. Chúng sanh ra không thể hỗn tạp và cũng không thể lầm lẫn.

5/- ĐÃI CHỨNG DUYÊN: Chủng Tử muốn đi đến kết quả phải đợi cho đủ các Duyên mới có thể sanh trưởng. Một Chủng Tử không thể tự động sanh khởi nếu như không hội đủ các Duyên liên hệ. Các Duyên ở đây chính là Nhân Duyên, Đẳng Vô Giáns Duyên và Tăng Thượng Duyên.

Nhân Duyên nghĩa là chỉ cho hạt giống và hạt giống đó có khả năng tác dụng sanh khởi để thành kết quả. Đẳng Vô Giáns Duyên nghĩa là hạt giống đó mỗi khi sanh khởi thì tác dụng một cách liên tục và tác dụng không bị gián đoạn để đi đến kết quả về sau. Tăng Thượng Duyên nghĩa là hạt giống đó một khi sanh khởi phải nhờ đến các Duyên liên hệ khác trợ giúp để được kết thành quả báo.

6/- DẪN TỰ QUẢ: nghĩa là Nhân nào thì sanh ra Quả nấy và Nhân này thì không thể sanh ra Quả khác được. Chủng Tử Nhân Thức mỗi khi tác dụng hiện hành thì sanh ra Nhân Thức và không thể sanh ra Nhĩ Thức được.

Mỗi Chủng Tử đều gồm có sáu nghĩa vừa được trình bày ở trên. Cho nên Tầng Thức thứ tám lúc nào cũng chứa đầy đủ loại Chủng Tử sai khác. Trong những Chủng Tử sai khác nơi Tầng Thức thứ tám, tùy theo sức huân tập của mỗi giống, có loại Chủng Tử đã thuần thực và cũng như đã đủ duyên để sanh ra quả hiện hành; có loại Chủng Tử chưa được thuần thực và cũng như chưa được hội đủ các duyên, cho nên chúng nó không thể sanh khởi để thành quả hiện hành. Những Chủng Tử đã sanh ra quả hiện hành thì lại được chia thành hai phần:

a- DANH NGÔN VÔ KÝ CHỨNG TỬ: nghĩa là năng lực của các hạt giống vô ký (không nhất định là thiện hay ác) thuộc về phần danh xưng, như là: sắc, không, hữu vô v.v... thì thường sanh ra kết quả một cách liên tục và sanh ra cho đến khi nào đạt được địa vị cứu cánh.

b- THIÊN BÁT THIỆN CHỨNG TỬ: nghĩa là năng lực hạt giống Thiện Ác thuộc về phần hữu lậu (thuộc về phần sa rớt trong vòng sinh tử luân hồi nơi ba cõi) thì sanh ra quả khổ vui trong thế gian. Giá Trị của những năng lực hạt giống Thiện Ác thì chỉ tồn tại trong thời gian giới hạn. Năng lực của các hạt giống thiện ác sau khi biến thành những quả khổ vui trong thế gian thì không còn dấu vết tồn tại trong Tầng Thức thứ tám nữa. Đây chỉ là trình bày về phần tác dụng hiện hành của những Nghiệp Nhân thiện ác để đi đến kết thành Nghiệp Quả về sau, còn phần thể tánh của những Nghiệp Nhân thiện ác thì được nhận định như sau:

1- CHỨNG TỬ THIỆN: Chủng Tử Thiện sở dĩ được thành năng lực trong Tầng Thức thứ tám chính là do chúng sanh hữu tình huân tập các phước nghiệp và các phước nghiệp đó được cô đọng lại trở thành hạt giống. Những hạt giống Phước nghiệp này là nguyên nhân để sanh ra những quả Phước báo về sau.

2- CHỨNG TỬ BÁT THIỆN: Chủng Tử Bất Thiện sở dĩ được thành năng lực trong Tầng Thức thứ tám chính là do chúng sanh hữu tình huân tập các ác nghiệp từ nơi thân thể, từ nơi

miệng lưỡi và từ nơi ý tưởng và các ác nghiệp đó được cô đọng lại trở thành hạt giống. Những hạt giống Ác Nghiệp này là nguyên nhân để sanh ra những quả Ác Báo về sau.

Hơn nữa, những Chúng Tử mới được huân tập thành hạt giống thì năng lực của chúng còn yếu kém và chúng chưa đủ sức tác dụng hiện hành để biến thành Nghiệp quả. Trường hợp này cũng giống như hạt đậu xanh còn non không thể mọc lên để trở thành cây đậu xanh, còn Chúng Tử nào đã được huân tập lâu đời thì đầy đủ năng lực và chúng nó có thể sanh khởi hiện hành để biến thành nghiệp quả. Trường hợp này cũng giống như hạt đậu xanh đã trở nên già mạnh thì có thể mọc lên để biến thành được cây đậu xanh.

3/- CĂN THÂN: Căn Thân là cơ quan thuộc về thân thể. Căn Thân là chỉ cho thân thể của các loài hữu tình. Đây là hệ thống bộ máy sinh hoạt của các chúng sanh thuộc Chánh báo. Chánh báo nghĩa là chúng sanh hữu tình thọ nhận quả báo chánh yếu và những quả báo đó đã được mang đến một cách trực tiếp, nên gọi là Chánh báo.

4/- KHÍ THỂ GIỚI: là chỉ cho những thể giới, những quốc độ thuộc loại chúng sanh vô tình. Những thể giới này được thành lập nhằm mục đích dùng làm chỗ nương tựa cho các chúng sanh hữu tình chánh báo nầy nở và sinh hoạt. Khí Thể Giới này được gọi là Y Báo. Y Báo nghĩa là những thể thể giới chịu ảnh hưởng quả báo phụ thuộc nơi Chánh báo và được thành lập từ nơi chúng sanh hữu tình chánh báo quyết định, nên gọi là Y Báo.

Tàng Thức thứ tám mang tên là Alaya thì có năng lực chứa hết thảy chủng tử Căn Thân và Khí Thể Giới của tất cả chúng sanh hữu tình từ vô lượng kiếp về trước. Tàng Thức thứ tám tức là chỉ cho Tâm Thức căn bản, được gọi là Căn Bản Thức. Chúng Tử Căn Thân và Khí Thể Giới của các pháp, nếu đứng về phương diện nhân quả mà nhận xét đều là Nhân Dị Thục (Hạt giống chưa chín mùi). Nhân Dị Thục này chính là nguyên lý tác dụng hiện hành để kết thành Quả Dị Thục về sau. Nhân Dị Thục muốn biến thành Quả Dị Thục đều phải phát xuất từ nơi Thức Căn Bản làm điểm tựa chầm rể để tác dụng sanh khởi hiện hành. Kiến Phần Thức Alaya chủ trì trong việc sanh khởi Nhân Dị Thục và khiến cho Nhân Dị Thục đầy tác dụng hiện hành để kết thành Quả Dị Thục, nên gọi là Thức Dị Thục, Thức Dị Thục mỗi khi tác dụng sanh khởi hiện hành từ Nhân Dị Thục để đi đến Quả Dị Thục thì phải nhờ vào nghiệp lực thiện ác dẫn dắt mới có thể thác sanh vào cõi này hoặc cõi khác theo nghiệp báo. Thí dụ như khi thác sanh vào nghiệp người, Kiến Phần Thức Alaya của Nhân Dị Thục bắt đầu chấp thọ tinh huyết cha mẹ nơi loài người dùng để làm khởi điểm cho nhục thân (Thân xác thịt) kiếp sau và khiến cho tinh huyết cha mẹ từ từ kết thành hình tướng con người của Quả Dị Thục, rồi tiếp theo đó bảy Tâm Thức khác ở trước bắt đầu tác dụng sanh khởi hiện hành và chun vào nhục thân nói trên để sinh hoạt. Khi Nghiệp lực đã hết và bảy Tâm Thức ở trước cũng đã chấm dứt sinh hoạt, Kiến Phần Thức Alaya mới bắt đầu từ từ rút lui ra khỏi thân thể con người của Quả Dị Thục. Thế là con người đó nhất định phải chết và bỏ lại thân xác trong tư thế tan rã lần hồi. Tàng Thức thứ tám vừa là nền tảng để sanh khởi vạn pháp và cũng vừa là sức sống để duy trì sanh mệnh của vạn pháp được tồn tại, nên gọi là Tổng Báo Chủ. Tổng Báo Chủ nghĩa là Tàng Thức thứ tám này đóng vai trò làm chủ cho sự quả báo chung của tất cả chúng sanh, nên gọi là Tổng Báo Chủ. Dị Thục có ba nghĩa:

a- DỊ THỜI NHI THỰC: nghĩa là Nhân Dị Thục được biến thành Quả Dị Thục thì không cùng một thời gian. Nhân Dị Thục được huân tập vào trong Tàng Thức thứ tám thì ở một thời gian khác và Nhân Dị Thục đó khi được chín mùi để thành Quả Dị Thục thì lại ở một thời gian

khác. Nói cách khác, Nhân Dị thực muốn thành Quả Dị Thực phải trải qua một thời gian khác nhau mới chín mùi, nên gọi là Dị Thời Nhi Thực.

b- DỊ LOẠI NHI THỰC: nghĩa là Nhân Dị Thực khi thành Quả Dị Thực thì không cùng một loại với nhau. Nhân Dị Thực thì thuộc về loại Thiện hoặc loại Ác, nhưng Quả Dị Thực thì thuộc về loại Vô Ký (Không phải Thiện và cũng không phải Ác). Quả Dị Thực đó một khi có Ý Thức thứ sáu chun vào sinh hoạt thì mới phân biệt được vấn đề thiện ác.

c- BIẾN DỊ NHI THỰC: nghĩa là Nhân Dị Thực muốn thành Quả Dị Thực thì phải chuyển biến liên tục để thọ sanh vào cõi này hoặc cõi khác mới kết thành Quả Dị Thực. Nguyên nhân nếu như không chuyển biến thì không thành kết quả.

Tóm lại, công dụng của Tầng Thức thứ tám thì rất rộng lớn và rất uyên thâm không thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sanh, từ vũ trụ lớn lao cho đến vi trần bé nhỏ cũng đều do Tầng Thức thứ tám này biến hiện ra cả. Tầng Thức thứ tám nếu như không góp mặt thì vạn pháp không thể thành hình và cũng không thể tồn tại.

39. - BẮT ĐỘNG ĐỊA TIỀN TÀI XẢ TÀNG:

DỊCH: Bắt đầu đến địa vị Bắt Động của Thập Địa Bồ Tát mới xả bỏ được cái tên Tầng Thức.

GIẢI: Tầng Thức thứ tám có nhiều tên. Tầng Thức thứ tám có tên là Thức Alaya, có tên là Thức Dị Thực và có tên là Thức Nhứt Thiết Chung. Tầng Thức thứ tám có tên là Thức Alaya là do bởi Thức Mạt Na thứ bảy luyến ái chấp làm ngã để xưng hô. Tầng Thức thứ tám có tên Thức Dị Thực là do căn cứ nơi sự nảy mầm của các hạt giống trong Thức Thê Alaya để xưng hô. Tầng Thức thứ tám có tên là Thức Nhứt Thiết Chung là căn cứ nơi những hạt giống nguyên thể chưa nảy mầm trong Thức Thê Alaya để xưng hô. Khi đạt đến địa vị Bắt Động thứ tám của Thập Địa Bồ Tát, Tầng Thức thứ tám liền trở thành trạng thái vô tướng và đã được an trú vào nơi trạng thái vô công dụng (trạng thái không còn dụng công). Ngay lúc đó Tầng Thức thứ tám không còn bị Thức Mạt Na thứ bảy ái chấp dùng làm nội ngã nữa. Từ đây Tầng Thức thứ tám bỏ được tên Alaya và chỉ còn lại tên Thức Dị Thực.

40.- KIM CANG ĐẠO HẬU DỊ THỰC KHÔNG:

DỊCH: Sau khi vào được Kim Cang Đạo thì tên Dị Thực cũng không còn.

GIẢI: Từ địa vị Bắt Động trở lên trong Thập Địa Bồ Tát, Tầng Thức thứ tám chỉ còn lại nghiệp cảm của thế gian nên gọi là Thức Dị Thực. Nguyên vì Thức này chưa được thanh tịnh vô lậu (Vô Lậu nghĩa là không còn bị sa rớt trong vòng sinh tử luân hồi nơi ba cõi nữa). Khi đạt đến Kim Cang Đạo, Tầng Thức thứ tám mới thực thụ xả bỏ được các hạt giống tội ác cũng như các hạt giống vô ký của thế gian và tẩy sạch được các hạt giống hạ liệt (thấp hèn) của hữu lậu. Chẳng những thế Tầng Thức thứ tám còn đoạn trừ được hạt giống Thùy Miên (hạt giống đần độn) của Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Nhờ đó Tầng Thức thứ tám mới có thể bỏ hẳn tên Thức Dị Thực.

41.- ĐẠI VIÊN VÔ CẦU ĐỒNG THỜI PHÁT, PHỔ CHIẾU THẬP PHƯƠNG TRẦN SÁT TRUNG:

DỊCH: Trí Đại Viên Cảnh trong sạch của Thức Bạch Tịnh đồng thời phát sanh và chiếu khắp các cõi Phật nhiều như số vi trần trong mười phương.

GIẢI: Đã xả được tên Thức Dị Thục, Tàng Thức thứ tám liền trở thành thanh tịnh vô lậu một cách hoàn toàn, nên gọi là Thức Vô Cầu Nhiễm. Thức Vô Cầu Nhiễm nghĩa là Tàng Thức thứ tám không còn bị ô nhiễm bởi chất phiền não dơ bẩn nữa. Thức Vô Cầu Nhiễm này thường kết hợp với Trí Đại Viên Cảnh để giữ gìn những hạt giống của các pháp thuộc vô lậu. Thức Vô cầu Nhiễm và Trí Đại Viên Cảnh bảo trì tất cả hạt giống của các pháp vô lậu với mục đích để biến hiện ra Pháp Thân Tự Thọ Dụng và Quốc Độ Tự Thọ Dụng.

Pháp Thân Tự Thọ Dụng nghĩa là chỉ cho Báo Thân của mỗi vị Phật tự hiện ra để tự sử dụng sinh hoạt hưởng thụ lấy. Pháp Thân đây chính là Báo Thân được xây dựng nên bởi Trí Tuệ thanh tịnh vô lậu nên cũng gọi là Phật Thân. Pháp Thân đây thuộc về chánh báo của các đức Phật trong mười phương tự thọ dụng để sinh hoạt.

Quốc Độ Tự Thọ Dụng nghĩa là cõi nước riêng của mỗi vị Phật tự hiện ra để vị Phật đó tự thọ dụng an trụ. Mỗi vị Phật đều có Quốc Độ riêng để an trụ sinh hoạt. Quốc Độ tự thọ dụng chính là Y Báo của mỗi đức Phật tự hiện ra để tự thọ dụng hưởng thụ.

Pháp thân Tự Thọ Dụng và Quốc Độ Tự Thọ Dụng đều được gọi là Quả Chuyển Y. Quả Chuyển Y nghĩa là Pháp Thân Tự Thọ Dụng và Quốc Độ Tự Thọ Dụng đều nương tựa nơi Trí Đại Viên Cảnh để làm chỗ sanh khởi (Sở y). Pháp Thân Tự Thọ Dụng và Quốc Độ Tự Thọ Dụng không phải nương tựa nơi Thức Dị Thục để sanh khởi giống như các chúng sanh thuộc phàm phu.

Trí Đại Viên Cảnh hiện ra sắc tướng tương tự như ánh sáng của gương và chiếu soi thấu suốt mười phương thế giới. Tất cả Tâm Tánh của các loài hữu tình đều hiện rõ trong Trí Đại Viên Cảnh cũng như mọi vật đều hiện rõ trong tám gương sáng. Các đức Như Lai nương theo Trí Đại Viên Cảnh để thị hiện Thân Ứng Hóa nhằm mục đích cứu độ tất cả chúng sanh đến cùng tột đời vị lai. Công đức hóa độ của các đức Như Lai thật là vô lượng vô biên.

Khi đạt đến địa vị Quả Chuyển Y, Tàng Thức thứ tám không còn tánh vô phú vô ký nữa, và Tâm Thức này chỉ có tánh vô lậu thanh tịnh thuần chất an lành. Tàng Thức thứ tám của Quả Chuyển Y thường kết hợp với 5 Tâm Sở Biến Hành, 5 Tâm Sở Biệt Cảnh và 11 Tâm Sở Thiện để tạo ra Pháp Thân Tự Thọ Dụng và Quốc Độ Tự Thọ Dụng. Đây thật là cảnh giới không thể nghĩ bàn đúng như trong Duy Thức Tam Thập Tụng nói: “Thủ túc vô lậu giới” (Đây tức là thế giới thanh tịnh vô lậu).

PHỤ BẢN

QUÁ TRÌNH TU TẬP CỦA BỒ TÁT:

Muốn thành một vị Bồ Tát, Hành giả phải trải qua 50 ngôi vị tu tập và đạt đạo gọi là Bồ Tát Giai Vị. Bồ Tát Giai Vị nghĩa là ngôi vị thứ bậc của Bồ Tát. Theo Kinh Bồ Tát Anh Lạc Bản Nghiệp, 50 Ngôi vị tu tập của Bồ Tát gồm có: Thập Tín Vị, Thập Trụ Vị, Thập Hạnh Vị, Thập Hồi Hướng Vị và Thập Địa Vị.

I.- THẬP TÍN VỊ:

THẬP TÍN VỊ cũng gọi là Thập Tín Tâm, nghĩa là mười đức tin để tu tập của một vị Bồ Tát mà trong đó Tín Tâm đứng đầu. Đây là mười ngôi vị ban đầu vào cửa của bậc Tam Hiền. Theo Kinh Bồ Tát Anh Lạc Bản Nghiệp quyển thượng, Thập Tín Vị gồm có:

1.- TÍN TÂM: nghĩa là nhất tâm quyết định và an vui trong sự tu tập để mong đạt được thành công mà mình đã đặt hết niềm tin vào đó. Đây là đức tin vững chắc của người tu tập. Một vị Bồ Tát đối với Phật Pháp trước hết phải xây dựng đức tin vững chắc, không bao giờ thoái tâm lùi bước trước bất cứ một trở lực khó khăn nào lay chuyển và vẫn an vui tự tại trong sự tu tập một khi gặp phải những trở ngại đưa đến. Muốn được thành công ở ngôi vị này. Bồ Tát trong khi tu tập phải diệt cho hết các vọng tưởng của thế gian.

2.- NIỆM TÂM: nghĩa là Bồ Tát phải thường tu tập về sáu niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Bồ Thí và niệm các cõi Trời, tức là thường niệm Lục Độ Vạn Hạnh của chư Phật không cho xao lãng.

3.- TỊNH TÁN TÂM: nghĩa là Bồ Tát khi nghe Bồ Tát Tạng phải luôn luôn chuyên cần tinh tấn tu tập các Thiện nghiệp không cho gián đoạn. Bồ Tát Tạng (Bodistsattva-Pitaka) là chỉ cho những Kinh Điển Đại Thừa để giải thích công hạnh tu nhân và chứng quả của các vị Bồ Tát. Bồ Tát Tạng gồm có các Kinh Điển như là: Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm v.v... đều là những pháp môn tu học của Bồ Tát Tạng.

4.- ĐỊNH TÂM: nghĩa là Bồ Tát phải thường buộc Tâm của mình an trụ nơi sự tướng và nghĩa lý của Phật Pháp một cách tự tại. Trong lúc tu tập Định Tâm, Bồ Tát phải xa lìa hẳn ý tưởng phân biệt về tất cả pháp giả dối và thô tục của thế gian.

5.- HUỆ TÂM: nghĩa là Bồ Tát khi nghe Bồ Tát Tạng phải nên quán sát, xét đoán và cân nhắc một cách kỹ lưỡng về nghĩa lý của vạn pháp để nhận được tự tánh của muôn pháp đều là thật không và tĩnh lặng. Tự Tánh của vạn pháp thì không có vấn đề Ngã và Nhân, nên gọi là Vô Ngã và Vô Nhân.

6.- GIỚI TÂM: nghĩa là một vị Bồ Tát khi thọ giới luật thanh tịnh của Bồ Tát thì phải giữ gìn Thân Miệng, và Ý cho được thanh tịnh, giữ gìn không cho vi phạm bất cứ những lỗi lầm nào. Bồ Tát nếu như có phạm lỗi thì phải sám hối để cho tội lỗi sớm được tiêu trừ.

7.- HỒI HƯỚNG TÂM: là phương pháp tu tập các thiện căn. Hồi Hướng Tâm nghĩa là Bồ Tát chỉ đem tâm nguyện hướng về nơi quả Bồ Đề làm cứu cánh mà không nguyện hướng về nơi các cõi trong Tam Giới và chỉ đem tâm nguyện hướng về sự bố thí để cứu khổ cho tất cả chúng sanh làm hạnh vị tha mà không mong cầu lợi ích cho mình. Hơn nữa Bồ Tát còn quyết chí đem

tâm nguyện hướng về nơi cõi chân thật làm mục đích mà không đắm trước nơi danh tướng giả tạo trong thế gian.

8.- HỘ PHÁP TÂM: nghĩa là đề phòng và bảo hộ bản tâm của mình mà không cho nó phát khởi phiền não. Bồ Tát muốn bảo hộ bản Tâm của mình thì phải tu tập Mặc Hộ (giữ gìn sự tĩnh lặng), phải tu tập Niệm Hộ (giữ gìn chánh niệm), phải tu tập Trí Hộ, (bảo hộ Trí Tuệ), phải tu tập Tức Tâm Hộ (giữ gìn tâm niệm đã dứt các phiền não) và cũng phải giữ gìn năm pháp Hộ Hành khác. Năm pháp Hộ Hành khác cũng gọi là năm Chủng Hạnh. Năm Chủng Hạnh là: Thọ Trì, Đọc, Tụng, Giải Thuyết (Giải thích và thuyết pháp Kinh Luận) và Thơ Tả (Viết sách). Năm thứ này cũng phải giữ gìn thường xuyên.

9.- XẢ TÂM: nghĩa là Bồ Tát phải xả bỏ tâm niệm yêu tiếc sanh mạng và tài sản của mình. Bồ Tát nếu như đã được tài sản và thân mạng thì có thể xả bỏ một khi cần đến mà không có khởi tâm luyến tiếc hoặc hối tiếc.

10.- NGUYỆN TÂM: nghĩa là Bồ Tát phải đem tâm phát nguyện luôn luôn tu tập các pháp môn thanh tịnh của chư Phật đã dạy sớm được chứng đắc. Đồng thời Bồ Tát phải có bốn phần khiến cho các pháp môn của chư Phật càng thêm được sáng tỏ và càng thêm được phổ biến khắp mọi tầng lớp chúng sanh.

II.- THẬP TRỤ VỊ:

THẬP TRỤ VỊ cũng gọi là Thập Địa Trụ hay Thập Pháp Trụ hoặc gọi là Thập Giải. Xuyên qua quá trình tu tập của Bồ Tát, Thập Trụ Vị đây là một trong 50 ngôi vị hành trì. Thập Trụ Vị là chỉ từ ngôi vị thứ 11 cho đến ngôi vị thứ 20. Sau khi trang bị xong chất liệu Thập Tín Vị để tu tập. Hành Giả bắt đầu khởi điểm Thập Trụ Vị để tiến hành. Thập Trụ Vị gồm có:

1.- SƠ PHÁT TÂM: cũng gọi là Phát Ý Trụ. Sơ Phát Tâm Trụ nghĩa là an trụ vào nơi Sơ Phát Tâm làm căn bản tu tập, tức là y cứ vào khởi điểm của sự Phát Tâm để tu tập. Phát Ý Trụ nghĩa là an trụ vào chỗ phát khởi Tâm Ý làm mục đích. Để an trụ căn bản vào nơi Sơ Phát Tâm, Bồ Tát trước hết phải tiên tu các phần Thiện căn và đồng thời sử dụng các phương tiện chân thật để phát khởi Tâm niệm của Thập Trụ. Kế đến, Bồ Tát đem Tín Tâm đó phụng sự Tam Bảo, thường căn cứ vào 84,000 Bát Nhã Ba La Mật Đa để tu tập tất cả hạnh lành của tất cả Pháp Môn. Ngoài ra, Bồ Tát còn phải thường xuyên phát khởi Tín Tâm để không tạo nên những Tà Kiến, không phạm bởi những **Thập Ác (1), Ngũ Nghịch (2), Bát Đảo (3)** và không cho sanh vào nơi tai nạn. Hơn nữa Bồ Tát thường nên nghiên cứu Phật Pháp để được học rộng biết nhiều và cũng thường nên cần cầu nhiều phương tiện hành trang để sớm được vào cõi Không, để được an trụ vào nơi tánh Không. Đồng thời Bồ Tát còn sử dụng Tâm Trí của lý Không đã đạt được đó ra công tu tập Pháp Môn của Cổ Phật và khiến cho tất cả công đức đều được phát sanh từ nơi Tâm Trí nói trên. Đây là công hạnh của Sơ Phát Tâm Trụ.

2.- TRÌ ĐỊA TRỤ: cũng gọi là Trì Địa Trụ. Trì Địa Trụ nghĩa là an trụ vào nơi sự sửa trị, còn Trì Địa Trụ nghĩa là an trụ vào nơi sự hành trì. Để an trụ vào nơi Trì Địa, Bồ Tát nương theo cái Tâm Không đã đạt được để thanh tịnh 84,000 Pháp Môn. Tâm Thanh Tịnh sáng suốt đó cũng giống như Ngọc lưu ly hiện ra vàng ròng. Do bởi Diệu Tâm phát khởi, Bồ Tát mới tiêu trừ được những tội lỗi nghiệp chướng nên gọi là Trì Địa Trụ.

3.- TU HÀNH TRỤ: cũng gọi là Ứng Hành Trụ. Tu Hành Trụ nghĩa là an trụ vào nơi sự hành trì tu tập. Ứng Hành Trụ nghĩa là an trụ vào nơi sự du hành để khát thực (Ứng cúng). Bồ Tát đã đầy đủ Trí Tuệ thông minh sáng suốt của Sơ Pháp Tâm Trụ và Trì Địa Trụ thì có thể du hành khắp mười phương không bị chướng ngại. Đây là chỉ cho sự thành quả tu tập của Tu Hành Trụ.

4.- SANH QUÍ TRỤ: Sanh Quý Trụ nghĩa là Bồ Tát nhờ Diệu hạnh của Tu Hành Trụ ở trước nên kết hợp được Diệu Lý nơi chốn U Minh (Thế Giới Nội Tâm), tức là Bồ Tát sẽ thực thụ sanh vào nơi Diệu Lý đó và sẽ được làm Pháp Vương Tử con của nhà Phật. Diệu Hạnh đối với tánh Phật thì không khác nhau và sẽ thọ nhận một phần khí chất của tánh Phật để làm trợ duyên cho sự sanh khởi. Trường hợp này cũng giống như Thân Trung Âm của một chúng sanh tự cầu nơi cha mẹ và sẽ nhập vào hạt giống của đức Như Lai để làm nhân duyên cho sự chuyển sang kiếp sau được sanh trong nhà Như Lai. Nguyên do nơi cõi U Minh (Thế Giới Nội Tâm), Diệu hạnh của Bồ Tát đã có đức tin vững chắc thì nhất định sẽ được dung thông và cũng sẽ được hội nhập để kết thành nhân duyên cho kiếp sau. Đây là ý nghĩa của Sanh Quý Trụ.

5.- PHƯƠNG TIỆN CỤ TÚC TRỤ: cũng gọi là Trụ Thành Trụ. Phương Tiện Cụ Túc Trụ nghĩa là an trụ vào các phương tiện đầy đủ, tức là Bồ Tát đã trang bị đầy đủ các phương tiện. Trụ Thành Trụ nghĩa là an trụ vào sự kết quả của hạnh tu tập. Bồ Tát đã trang bị đầy đủ các phương tiện tu tập, nghĩa là Bồ Tát đã tu tập đầy đủ vô lượng thiện căn và sử dụng các Thiện Căn đó để làm lợi ích cho mình cũng như lợi ích cho mọi người. Nhờ tu tập vô lượng Thiện Căn, Bồ Tát đạt đến kết quả là thành tựu được Thân Tướng của mình trở nên tròn đầy tốt đẹp và dung mạo của mình lộ nét đoan trang thanh thoát. Đây là chỉ sự thành quả của Phương Tiện Cụ Túc Trụ.

6.- CHÁNH TÂM TRỤ: cũng gọi là Hành Đẳng Trụ. Chánh Tâm Trụ nghĩa là an trụ vào Tâm Chân Chánh. Hành Đẳng Trụ nghĩa là an trụ vào sự đi lên. Bồ Tát an trụ vào Chánh Tâm tức là đã thành tựu được Bát Nhã thứ sáu. Bát Nhã thứ sáu là chỉ cho Trí Tuệ Diệu Quan Sát. Sau khi thành tựu được Bát Nhã thứ sáu, Bồ Tát không những chỉ được kết quả là tướng mạo của mình trở nên tốt đẹp tròn đầy trong sáng và còn kết quả hơn nữa là Bản Tâm của Bồ Tát cùng với Phật Tâm đều giống nhau như một. Đây là chỉ cho sự thành quả của Chánh Tâm Trụ.

7.- BÁT THỐI TRỤ: cũng gọi là Bất Thối Chuyển Trụ. Bất Thối Trụ hay Bất Thối Chuyển Trụ đều nghĩa là an trụ vào ngôi vị này thì tâm không còn bị thối chuyển nữa. Bồ Tát an trụ vào ngôi vị Bất Thối tức là đã thể nhập được nơi cứu cánh của Không Giới Vô Sanh. Cứu Cánh của Không Giới Vô Sanh nghĩa là thế giới Không Tướng của Chân Như và thế giới đó rốt ráo không còn dấu vết của sinh tử lưu chuyển nữa. Ở đây Tâm của Bồ Tát thì luôn luôn thực hiện Hạnh nguyện Vô Tướng của Tánh Không Chân Như. Lúc đó Thân và Tâm của Bồ Tát liền hòa hợp lại nhau làm thành một thể. Thân Tâm hòa hợp này mỗi ngày mỗi tăng trưởng thêm lớn. Đây là chỉ cho sự thành quả của Bất Thối Trụ.

8.- ĐỒNG CHƠN TRỤ: nghĩa là non trẻ và trong sạch. Đồng Chơn Trụ nghĩa là an trụ vào thời kỳ thanh tịnh trong trắng. Bồ Tát khi an trụ vào Đồng Chơn tức là lúc đó Thân Tâm hòa hợp của Bồ Tát tự nhiên phát khởi một cách tinh tiến và thuần chánh. Thân Tâm hòa hợp của Bồ Tát phát khởi trước sau đều chuyên nhất và phát khởi không có chút điên đảo mê tưởng. Cho đến Bồ Tát cũng không có dấy niệm tà ma ngoại đạo để phá hoại hạt giống Bồ Đề. Nhờ vậy, cùng một

lúc, **mười Thân Tướng linh ứng của Phật (5)** liền hiện bày đầy đủ trọn vẹn. Đây là chỉ cho sự thành quả của Đồng Chơn Trụ.

9.- **PHÁP VƯƠNG TỬ TRỤ**: cũng gọi là Liễu Sanh Trụ. Pháp Vương Tử nghĩa là con của Phật. Liễu Sanh Trụ nghĩa là an trụ vào sự chấm dứt lẽ sống chết. Kể từ Sơ Phát Tâm Trụ cho đến Sanh Quý Trụ thứ tư, bốn Trụ nói trên đều được gọi là Bồ Tát mới vào Bào Thai của bậc Thánh, còn từ Phương Tiện Cụ Túc Trụ thứ năm cho đến Đồng Chơn Trụ thứ tám, bốn Trụ kế tiếp đều được gọi là giai đoạn nuôi dưỡng Thánh Thai để sớm được mau lớn. Riêng Pháp Vương Tử Trụ thứ chín là mới chỉ cho Thánh Thai đó đã đầy đủ hình tướng và có thể sanh ra để thành con của Phật, nên gọi là Pháp Vương Tử. Thí dụ này không ngoài mục đích là trình bày Trí Tuệ của Bồ Tát đã được phát sanh từ nơi giáo pháp cao quý của Phật. Nhờ Trí Tuệ đó, Bồ Tát mới đủ khả năng kế thừa Pháp Bảo và đồng thời phát huy ngôi vị của Phật càng thêm rộng lớn. Đây là ý nghĩa của Pháp Vương Tử Trụ.

10.- **QUÁN ĐÁNH TRỤ**: cũng gọi là Bồ Xứ Trụ. Quán Đánh Trụ nghĩa là Bồ Tát đã là con của Phật thì nhất định phải có trách nhiệm thi hành các Phật sự. Do đó đức Phật mới dùng nước Trí Tuệ rưới lên đỉnh đầu của Bồ Tát để thọ ký, nên gọi là Quán Đánh. Thí dụ như, con của vua Sát Đế Lợi thọ nhận quyền uy nơi vua cha bằng cách chịu sự rưới nước phép lên đỉnh đầu của vua cha ban cho. Một vị Bồ Tát khi đạt đến Quán Đánh Trụ thì đầy đủ ba Biệt Tướng:

a/- **ĐỘ CHÚNG SANH**: nghĩa là Bồ Tát đó đã đủ khả năng thi hành và có thể thành tựu được **mười Chủng Trí (4)** để hóa độ chúng sanh.

b/- **ĐẠT ĐƯỢC CẢNH GIỚI MÀU NHIỆM**: nghĩa là Bồ Tát đó đối với tất cả chúng sanh cũng như đối với Pháp Vương Tử Trụ thứ chín đều có thể trải nghiệm đo lường được những cảnh giới của họ.

c/- **HỌC RỘNG MUỖI CHỨNG TRÍ**: nghĩa là Bồ Tát đó nhất định phải thấu hiểu tường tận và rành mạch tất cả pháp.

Một vị Bồ Tát hoàn thành được ba Biệt Tướng nói trên tức là đã an trụ vào Quán Đánh của Thập Trụ Bồ Tát.

III.- THẬP HẠNH VỊ:

THẬP HẠNH nghĩa là mười phương pháp tu hành về công hạnh lợi tha của Bồ Tát. Thập Hạnh Vị trên cũng gọi là Thập Tâm Hạnh. Thập Hạnh Vị đây là một trong 50 ngôi vị tu tập của Bồ Tát. Thập Hạnh Vị là chỉ từ ngôi vị thứ 21 cho đến ngôi vị thứ 30. Thập hạnh Vị gồm có:

1.- **HOAN HỠ HẠNH**: nghĩa là Bồ Tát với hạnh nguyện hoan hỷ dùng vô lượng diệu đức của Như Lai (của Phật) để tùy thuận hóa độ cho chúng sanh trong mười phương cõi.

2.- **NHIÊU ÍCH HẠNH**: nghĩa là Bồ Tát dùng mọi phương tiện khéo léo để làm lợi ích cho chúng sanh và khiến cho chúng sanh không bị mắc cảm trong sự thọ nhận lợi ích.

3.- VÔ SÂN HẬN HẠNH: nghĩa là một vị Bồ Tát luôn luôn phải thể hiện hạnh nhẫn nhục với mọi cộng việc, tức là Bồ Tát không bao giờ có thái độ giận tức trước bất cứ việc trái nghịch nào, cho đến cũng không bao giờ có ý hại mình và hại người. Một vị Bồ Tát thật hành hạnh không sân hận là phải nhún nhường cung kính mọi người và phải nhẫn nại mỗi khi đối diện trước oán cừ thù nghịch.

4.- VÔ TẬN HẠNH: cũng gọi là Vô Khuất Nạo Hạnh (Công hạnh không hèn yếu chùn bước). Vô Tận Hạnh nghĩa là Bồ Tát phát tâm đại tinh tấn, nguyện độ tất cả chúng sanh không cùng tận. Trên con đường độ sanh, Bồ Tát tỏ ra siêng năng không chút giải đãi, không chút yếu hèn và chùn bước trước mọi sự khó khăn đưa đến. Bồ Tát thật hành hạnh độ tha cho đến khi nào chúng sanh đều chứng quả Niết Bàn mới mãn nguyện.

5.- LY SI LOẠN HẠNH (Lìa mê loạn tâm): nghĩa là Bồ Tát thường an trụ nơi chánh niệm để cho Tâm không bị tán loạn. Bồ Tát đối với tất cả pháp môn đều thông minh sáng suốt.

6.- THIỆN HIỆN HẠNH (Khéo thật hành công hạnh hiện tại): nghĩa là Bồ Tát đã thanh tịnh được ba nghiệp cho nên biết rõ tận gốc rễ của các pháp hữu vi cùng các pháp vô vi, vì thế Bồ Tát không bị ràng buộc cũng như không chấp trước một pháp nào cả. Mặc dù tự tại đối với mọi pháp, Bồ Tát vẫn không bỏ công hạnh giáo hóa chúng sanh của mình.

7.- VÔ TRƯỚC HẠNH: nghĩa là hạnh không nhiễm trước. Bồ Tát thật hành hạnh không nhiễm trước là thường trải qua các cõi Phật (Trần Sát Phật) để cúng dường và cầu pháp. Tâm thành cúng dường và cầu pháp của Bồ Tát không có chút nhàm chán. Mặc dù bận Tâm trong công việc cúng dường và cầu pháp nơi các cõi Phật, Bồ Tát vẫn thường dùng trí tuệ tịch diệt để quán chiếu và nhận chân các pháp. Nhờ đó đối với các pháp môn, Bồ Tát vẫn không bao giờ khởi tâm nhiễm trước.

8.- TÔN TRỌNG HẠNH: nghĩa là Bồ Tát đều tôn trọng các pháp thuộc thiện căn phước đức cũng như các pháp thuộc trí tuệ giác ngộ. Theo như Bồ Tát, cả hai loại pháp môn nói trên đều có thể thành tựu được vô lượng công đức an lạc và giải thoát. Cho nên, Bồ Tát cần phải tiến tu gồm cả hai lợi hạnh là: hạnh tu lợi và hạnh lợi tha.

9.- THIỆN PHÁP HẠNH: nghĩa là Bồ Tát cần phải thành tựu cho được tất cả Thiện Pháp độ tha của bốn Pháp Môn Vô Ngại Đà La Ni để bảo hộ Chánh Pháp và khiến cho giống Phật không bị diệt mầm.

10.- CHÂN THẬT HẠNH: là một danh từ dùng để chỉ cho sự thành tựu Đệ Nhất Nghĩa Đế. Đệ Nhất Nghĩa Đế nghĩa là pháp môn có danh nghĩa chân thật thứ nhất. Đệ Nhất Nghĩa Đế như là lời nói có thể thật hành và điều thật hành có thể diễn đạt, cũng như lời nói và hành động đều dung hợp với nhau, cho đến Sắc và Tâm đều hòa thuận tương đắc lẫn nhau. Đó là ý nghĩa của Đệ Nhất Nghĩa Đế.

Bồ Tát tu Thập Hạnh có bốn mục đích:

a/- Nhàm chán các pháp hữu vi. b/- Mong viên thành quả Bồ Đề và hy vọng tròn đầy công đức Phật hạnh. c/- Ước mơ cứu độ chúng sanh trong đời hiện tại và đời vị lại. d/- Nguyện cầu thật tế là chứng ngộ được pháp Nhứt Như Chân Thật của Phật.

Vì bốn lý do nêu trên, Bồ Tát mới phát tâm tu tập các Hạnh. Sự quan hệ như thế nào giữa Bồ Tát và thứ bậc của Thập Hạnh?

Theo Kinh Luận, Thập Hạnh là một trong Tam Hiền, là Tánh Chung Tánh trong *sáu Chủng Tánh (6)* cũng gọi là Tư Lương Vị trong năm Ngôi Vị của Bồ Tát.

IV.- THẬP HỒI HƯỚNG VỊ:

Thập Hồi Hướng Vị là một trong 50 ngôi vị tu tập của Bồ Tát. Thập Hồi Hướng Vị là chỉ từ ngôi vị thứ 31 đến ngôi vị thứ 40. Bồ Tát phát khởi tâm Thập Hồi Hướng với chủ ý là dùng tâm đại bi để cứu hộ tất cả chúng sanh. Thập Hồi Hướng Vị gồm có:

1.- CỨU HỘ NHỨT THIẾT CHỨNG SANH LY CHỨNG SANH TƯỚNG HỒI HƯỚNG: nghĩa là hướng về sự xa lìa danh tướng chúng sanh để cứu hộ tất cả chúng sanh. Ý câu này nói Bồ Tát cứu hộ chúng sanh trong hành động vô tướng (trong hành động không phân biệt chấp trước). Bồ Tát ở ngôi vị này là áp dụng phương châm *Lục Độ Ba La Mật (7)* và *Tứ Nhiếp Pháp (8)* để cứu hộ tất cả chúng sanh. Bồ Tát thật hành hạnh nguyện cứu hộ chúng sanh trong tinh thần bình đẳng đối với những kẻ thù oán cũng như đối với những người thân thương.

2.- BÁT HOẠI HỒI HƯỚNG: nghĩa là hướng về sự không hư hoại. Bồ Tát ở ngôi vị này là không làm mất tín tâm đối với Tam Bảo. Bồ Tát hướng về thiện căn nơi đức tin Tam Bảo để giáo hóa và khiến cho chúng sanh được nhiều thiện lợi.

3.- ĐẲNG NHỨT THIẾT PHẬT HỒI HƯỚNG: nghĩa là hướng về những công tác mà chư Phật trong ba đời đã làm. Bồ Tát ở ngôi vị này là theo gương hành động của chư Phật trong ba đời bằng cách không nhiễm trước sinh tử và không rời Bồ Đề một bước để tu tập.

4.- CHÍ NHỨT THIẾT XỨ HỒI HƯỚNG: nghĩa là hướng về khắp tất cả chỗ. Bồ Tát ở ngôi vị này là đem bao nhiêu thiện căn đã tu tập được hướng về khắp tất cả Tam Bảo và đến tất cả chúng sanh để cúng dường những lợi ích.

5.- VÔ TẬN CÔNG ĐỨC TẠNG HỒI HƯỚNG: nghĩa là hướng về kho tàng công đức không cùng tận. Bồ Tát ở ngôi vị này là hướng về tất cả thiện căn không cùng tận đã tu tập được tùy hỷ đem ra phụng sự Phật Pháp.

6.- TÙY THUẬN BÌNH ĐẲNG THIỆN CĂN HỒI HƯỚNG: nghĩa là hướng về thiện căn để tùy thuận một cách bình đẳng. Bồ Tát ở ngôi vị này là vì chư Phật trong mười phương nên hướng về những thiện căn đã tu tập được để bảo vệ chúng sanh một cách bình đẳng và khiến cho tất cả chúng sanh thành tựu kiên cố những thiện căn nói trên.

7.- TÙY THUẬN ĐẲNG QUÁN NHỨT THIẾT CHỨNG SANH HỒI HƯỚNG: nghĩa là tùy thuận hết thảy thiện căn đã tu tập được để hướng về quán chiếu tất cả chúng sanh. Bồ Tát ở ngôi vị này là làm tăng trưởng hết thảy thiện căn để hướng về làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

8.- NHƯ TƯỚNG HỒI HƯỚNG: nghĩa là hướng về nơi tướng Chân Như. Bồ Tát ở ngôi vị này là đem những thiện căn đã tu tập được hướng về hòa hợp với tướng Chân Như Phật tánh.

9.- VÔ PHƯỚC VÔ TRƯỚC GIẢI THOÁT HỒI HƯỚNG: nghĩa là hướng về sự giải thoát không bị trói buộc và không chấp trước. Bồ Tát ở ngôi vị này là không còn bị trói buộc cũng như không còn chấp trước tất cả pháp. Do đó Tâm của các vị đều được giải thoát hoàn toàn. Các vị Bồ Tát nói trên sở dĩ thành tựu những công hạnh vừa kể là nhờ hướng về các thiện pháp để thật hành hạnh nguyện Phổ Hiền, cho nên họ được đầy đủ tất cả hạt giống công đức.

10.- PHÁP GIỚI VÔ LƯỢNG HỒI HƯỚNG: nghĩa là hướng về vô lượng pháp giới. Bồ Tát ở ngôi vị này là đem tất cả thiện căn không cùng tận đã tu tập được hướng về nguyện cầu cho vô lượng thế giới sai biệt đều được hết thảy công đức.

Thập Hồi Hướng trên đây thuộc về Giải Hạnh Trụ, một trong 13 Trụ. Thập Hồi Hướng này chính là Tư Lương Vị, một trong 5 ngôi vị, (Tư Lương Vị, Gia Hạnh Vị, Thông Đạt Vị, Tu Tập Vị và Cứu Cánh Vị). Thập Hồi Hướng này còn là thuộc về Đạo Chung Tánh, một trong 6 Chung Tánh và cũng là một ngôi vị Hiền thứ ba trong Tam Hiền ở trước.

V.- THẬP ĐỊA VỊ:

THẬP ĐỊA VỊ nghĩa là mười địa vị tu tập của Bồ Tát với mục đích giữ gìn Pháp Bảo, nuôi dưỡng Pháp Bảo và khiến cho Pháp Bảo sớm được sanh trưởng để kết thành quả giác ngộ. Thập Địa Vị là kể từ ngôi vị thứ 41 cho đến ngôi vị thứ 50 trong quá trình tu tập hạnh Bồ Tát. Bồ Tát tu tập Thập Địa Vị là bắt đầu bước lên bờ mé Chứng Ngộ, nghĩa là Bồ Tát đã phát sanh được Trí Tuệ Vô Lậu và nhận thấy được Phật Tánh chân thật của mình, còn Bồ Tát đã trải qua xong Thập Địa Vị là đã thành tựu được bậc Thánh, tức là tăng trưởng được Phật Trí để bảo hộ cũng như để giáo dưỡng cho tất cả chúng sanh trong vô lượng thế giới. Thập Địa Vị gồm có:

1.- HOAN HỖ ĐỊA: (Pramuditā-Bhūmi) cũng gọi là Cực Hỷ Địa hay là Duyệt Dự Địa. Hoan Hỷ Địa nghĩa là địa vị rất vui mừng (Cực Hỷ), rất an vui (Duyệt dự). Bồ Tát ở ngôi vị này rất vui mừng là đã chứng được Phật Tánh cũng như đã giác ngộ được hai nguyên lý Nhân Không và Pháp Không để làm lợi ích cho chúng sanh, nên gọi là Hoan Hỷ Địa.

2.- LY CẦU ĐỊA: (Vimalā-Bhūmi), cũng gọi là Vô Cầu Địa hay là Tịnh Địa. Ly Cầu Địa là địa vị đã thoát ly hẳn bụi nhơ Phiền Não ô nhiễm (Vô Cầu) Tâm Bồ Đề và được hoàn toàn thanh tịnh (Tịnh Địa). Bồ Tát ở ngôi vị này là đã tẩy sạch hết tất cả trần cấu Phiền Não ô nhiễm và giữ Tâm Bồ Đề được hoàn toàn thanh tịnh, nên gọi là Ly Cầu Địa.

3.- PHÁT QUANG ĐỊA: (Prabhākari-Bhūmi), cũng gọi là Minh Địa, Hữu Quang Địa hay Hưng Quang Địa. Phát Quang Địa nghĩa là địa vị phát sanh Trí Tuệ sáng suốt (Hữu Quang hay Hưng Quang Địa). Bồ Tát ở ngôi vị này là nhờ Đại Thiển Định nên phát sanh được Trí Tuệ sáng suốt mâu nhiệm vô biên, nên gọi là Phát Quang Địa.

4.- DIỄM HUỆ ĐỊA: (Arcismati-Bhūmi), cũng gọi là Diễm Địa, Tăng Diệu Địa hay Huy Diệu Địa. Diễm Huệ Địa nghĩa là địa vị phát sanh lửa Trí Tuệ (Huy Diệu) tăng thêm sáng suốt (Tăng Diệu). Bồ Tát ở ngôi vị này là phát huy Trí Tuệ tăng thêm sáng suốt lên mãi và phát huy cho đến khi nào lửa Trí Tuệ đó đã đốt sạch hết tất cả phiền não của vô lượng kiếp ở trong tâm Bồ Đề, nên gọi là Diễm Huệ Địa.

5.- NAN THẮNG ĐỊA: (Sudurjayà-Bhùmi), cũng gọi là Cực Nan Thắng Địa. Nan Thắng Địa nghĩa là địa vị này rất khó vượt qua (Cực Nan Thắng). Bồ Tát ở ngôi vị này là đã thành công được những điều khó vượt qua. Hai Trí Tuệ thuộc Chân Đế và Tục Đế thì hoàn toàn trái ngược nhau. Thế mà Bồ Tát đã thắng được một việc rất khó khăn là khiến cho chúng nó hòa hợp với nhau thành một thể, nên gọi là Nan Thắng Địa.

6.- HIỆN TIỀN ĐỊA: (Abhimukhi-Bhùmi), cũng gọi là Hiện Tại Địa, Mục Kiến Địa hay Mục Tiền Địa. Hiện Tiền Địa nghĩa là địa vị hiện ra trước mặt có thể nhìn thấy được (Mục Kiến hay Mục Tiền Địa). Bồ Tát ở ngôi vị này là phải giữ vững Trí Tuệ Hữu Phân Biệt (Trí Tuệ thuộc loại có phân biệt) để soi sáng và phát khởi Trí Tuệ Vô Phân Biệt của Phật (Trí Tuệ thuộc loại không có phân biệt) luôn luôn hiện ra trước mặt một cách rõ ràng, nên gọi là Hiện Tiền Địa.

7.- VIỄN HÀNH ĐỊA: (Dùramgamà-Bhùmi), cũng gọi là Thâm Hành Địa, Thâm Nhập Địa, Thâm Viễn Địa hay Huyền Diệu Địa. Viễn Hành Địa nghĩa là địa vị này đi rất xa, đi một cách sâu xa (Thâm Viễn), thâm nhập vào một nơi rất huyền diệu. Bồ Tát ở ngôi vị này là đã vượt qua khỏi một cách xa thẳm của hai đạo Thế Gian và Xuất Thế Gian và đã đến một nơi Vô Tướng, nghĩa là Bồ Tát không còn bị ràng buộc bởi những hình thức công dụng cũng như tự tại trước những hình tướng tu hành khuôn mẫu nào cả, nên gọi là Viễn Hành Địa.

8.- BẤT ĐỘNG ĐỊA: (Acalà-Bhùmi) nghĩa là địa vị không còn bị chuyển động. Bồ Tát ở ngôi vị này là nhờ vận dụng được Trí Tuệ Vô Phân Biệt một cách liên tục cho nên không bao giờ bị lay chuyển bởi những phiền não cuốn trôi cũng như không bị biến động theo bởi những hình tướng, bởi những công dụng hấp dẫn của thế gian, nên gọi là Bất Động Địa.

9.- THIỆN HUỆ ĐỊA: (Sàdhumati-Bhùmi), cũng gọi là Thiện Tại Ý Địa hay Thiện Căn Địa. Thiện Huệ Địa nghĩa là địa vị phát khởi Trí Tuệ một cách linh hoạt khéo léo (Thiện Tại Ý). Bồ Tát ở ngôi vị này là nhờ phát chiếu Trí Tuệ một cách vi diệu và tự tại, cho nên đã thành tựu được bốn biện tài vô ngại để độ chúng sanh. Cũng nhờ thành tựu được bốn Biện Tài vô ngại, Bồ Tát thuyết pháp rất lưu loát, nói năng rất khéo léo và linh hoạt. Trong bất cứ trường hợp nào, Bồ Tát thuyết pháp không bao giờ bị vấp ngã, nên gọi là Thiện Huệ Địa.

Bốn biện tài vô ngại nghĩa là bốn tài năng biện thuyết pháp rất lưu loát và thông suốt mà không bị chướng ngại. Bốn Biện Tài vô ngại gồm có:

a/- PHÁP VÔ NGẠI: nghĩa là tất cả pháp đều thông suốt. b/- NGHĨA VÔ NGẠI: nghĩa là tất cả nghĩa lý đều sáng tỏ. c/- TỪ VÔ NGẠI: nghĩa là trình bày rất mạch lạc và văn pháp rất rõ ràng dễ hiểu. d/- NHẠO THUYẾT VÔ NGẠI: nghĩa là thuyết pháp mãi không bao giờ hết ý và hết lời.

10.- PHÁP VÂN ĐỊA: (Dharmameghà-Bhùmi), cũng gọi là Pháp Vũ Địa. Pháp Vân Địa nghĩa là mây pháp che khắp cả muôn loài chúng sanh cũng như mưa Pháp tưới mát cả hằng sa quốc độ (Pháp Vũ). Bồ Tát ở ngôi vị này là đã chứng được Pháp Thân thanh tịnh và dùng Đại Trí kết hợp vô lượng nước công đức tạo thành đám mây Đại Pháp trong sạch che khắp cả vô lượng quốc độ và tưới mát cả muôn loài chúng sanh, nên gọi là Pháp Vân Địa.

Tóm lại, 50 ngôi vị tu tập đã được trình bày ở trên chính là những thứ bậc để định mức giá trị chứng đạo và trách nhiệm độ tha của một vị Bồ Tát. Một hành giả muốn thành một vị Bồ Tát thiết thụ thì phải trải qua 50 ngôi vị công phu tu tập nói trên để hoàn thành nhiệm vụ là tự độ và độ tha, tự giác và giác tha. Trên con đường tu tập, một vị Bồ Tát phải hoàn thành cho xong từ thứ bậc một, phải bắt đầu từ thấp đến cao. nghĩa là Bồ Tát phải khởi hành từ Nhập Môn của Thập Tín cho đến hoàn thành Thánh Quả của Thập Địa. 50 ngôi vị tu tập của Bồ Tát được chia làm năm thứ bậc:

1/- THẬP TÍN: là thuộc về thứ bậc của Bồ Tát Nhập Môn. 2/- THẬP TRỤ, THẬP HẠNH, THẬP HỒI HUỐNG: 30 ngôi vị này là thuộc về thứ bậc của Bồ Tát Tam Hiền. 3/- THẬP ĐỊA: là thuộc về thứ bậc của Bồ Tát Thánh Nhân.

Đây là thứ bậc thấp cao qua quá trình tu chứng của 50 ngôi vị Bồ Tát.

CHÚ THÍCH:

(1) THẬP ÁC:

Gọi đủ là Thập Ác Nghiệp Đạo, nghĩa là mười con đường nghiệp ác và cũng gọi là mười con đường Hắc Nghiệp (Nghiệp đen tối). Thập Ác Nghiệp Đạo tức là trái ngược lại với Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Ác gồm có:

1/- Sát Sanh 2/- Trộm Cắp 3/- Tà Dâm 4/- Vọng Ngữ 5/- Lường Thiệt 6/- Ác Khẩu 7/- Ý Ngữ 8/- Tham Dục 9/- Sân Hận 10/- Si Mê.

(2) NGŨ NGHỊCH:

Nghĩa là năm điều tội lỗi không thể cứu được. Ngũ Nghịch gồm có:

1/- Giết cha 2/- Giết mẹ 3/- Giết A La Hán 4/- Ác Tâm chích Phật ra huyết 5/ Phá hòa hợp Tăng.

(3) BÁT ĐẢO:

Gọi cho đủ là Bát Điên Đảo, nghĩa là Phàm Phu và Nhị Thừa mê chấp tám loại điên đảo. Bát Đảo gồm có:

i) Thường Điên Đảo: nghĩa là mê chấp các pháp vô thường của thế gian cho là thường trụ. Đây là bệnh Thường Kiến.

ii) Lạc Điên Đảo: nghĩa là năm dục lạc của thế gian (Tài, Sắc, Danh, Thực, Thù) là nguyên nhân gây nên đau khổ. Kẻ phàm phu không rõ lý này nên mê chấp cho là những điều lợi lạc.

iii) Ngã Điên Đảo: nghĩa là thân này đều do Tứ Đại giả hợp kết thành. Thân này vốn không có Ngã. Kẻ phàm phu không rõ lý này nên mê chấp thân này cho là thật Ngã của mình.

iv) Tịnh Điên Đảo: nghĩa là thân thể của mình và của mọi người có năm thứ không trong sạch, gọi là năm trước (Kiếp Trước, Kiến Trước, Phiền Nã Trước, Chúng Sanh Trước và Mạng Trước). Kẻ phàm phu không rõ lý này nên mê vọng chấp trước sanh ra tham đắm cho là trong sạch.

v) Vô Thường Điên Đảo: nghĩa là Pháp Thân của đức Như Lai thì thường tồn tại và Pháp Thân đó không bao giờ bị hoại diệt. Kẻ phàm phu không rõ vọng tưởng điên đảo cho là có tướng sanh diệt biến đổi.

iv) Vô Lạc Điên Đảo: nghĩa là cõi Niết Bàn thì thanh tịnh an lạc chân thật. Kẻ phàm phu không rõ vọng tưởng điên đảo cho cõi Niết Bàn đó không có an lạc.

vii) Vô Ngã Điên Đảo: nghĩa là trong Phật Tánh, mỗi vị Phật đều có Ngã chân thật của các Ngài. Ngã chân thật của mỗi vị Phật thì gọi là Chân Ngã. Nhị Thừa không rõ lý này vọng chấp cho chư Phật đều là Vô Ngã.

viii) Vô Tịnh Điên Đảo: nghĩa là Pháp Thân của Như Lai thì thanh tịnh vô lậu. Pháp Thân đây không phải là thân ăn tạp, không phải là thân phiền não, không phải là thân máu thịt, và cũng không phải là thân bị gân cốt trói buộc bên trong. Nhị Thừa không rõ lý này nên vọng chấp cho là Bất Tịnh.

(4) THẬP CHỦNG TRÍ:

gọi cho đủ là Thập Chung Trí Minh, cũng gọi là Thập Chung Minh. Thập Chung Trí nghĩa là mười loại Trí Tuệ sáng suốt và thiện xảo của Bồ Tát. Thập Chung Trí gồm có:

i) Trí Tuệ sáng suốt biết rõ nghiệp báo của chúng sanh, nghĩa là Bồ Tát khéo dùng trí tuệ sáng suốt biết rõ nguồn gốc nghiệp ác của tất cả chúng sanh tạo nên và cũng như biết rõ những quả báo khổ đau mà chúng sanh hưởng thụ.

ii) Trí Tuệ sáng suốt biết rõ tất cả cảnh giới tịch diệt, nghĩa là Bồ Tát khéo dùng trí tuệ sáng suốt biết rõ tất cả cảnh giới tịch diệt của thế gian và những cảnh giới đó thì hoàn toàn không có các tạp nhiễm.

iii) Trí Tuệ sáng suốt biết rõ các pháp để duyên đến đều duy nhất chỉ có một tướng, nghĩa là Bồ Tát khéo dùng trí tuệ sáng suốt biết rõ các pháp để duyên đến của tất cả chúng sanh đều duy nhất chỉ có một Thật Tướng và Thật Tướng đó giống như chất kim cương không thể phá hoại được.

iv) Trí Tuệ sáng suốt có thể vận dụng Diệu Âm để nghe khắp mười phương quốc độ, nghĩa là Bồ Tát khéo dùng trí tuệ sáng suốt biết rõ bản chất của tất cả chúng sanh đều là Không Tánh và Bồ Tát có thể dùng vô lượng Pháp Âm vi diệu để diễn nói tất cả Pháp môn với mục đích khiến cho chúng sanh trong mười phương cõi được nghe hiểu Không Tánh nói trên.

v) Trí Tuệ sáng suốt có thể hoại diệt tất cả Tâm Nhiễm trước, nghĩa là Bồ Tát khéo dùng trí tuệ sáng suốt có thể hoại diệt hết Tâm ái dục nhiễm trước của tất cả chúng sanh khắp trong ba cõi.

vi) Trí Tuệ sáng suốt có thể vận dụng phương tiện để thọ sanh, nghĩa là Bồ Tát khéo dùng trí tuệ sáng suốt để vận dụng hết thầy phương tiện thị hiện với mục đích chỉ đạo và hóa độ tất cả loài hữu tình.

vii) Trí Tuệ sáng suốt có thể xa lìa tất cả tướng niệm về sự hưởng thụ những cảnh giới, nghĩa là Bồ Tát khéo dùng trí tuệ sáng suốt có thể xa lìa tất cả mơ tưởng về sự hưởng thụ những cảnh giới vọng tưởng điên đảo.

viii) Trí Tuệ sáng suốt có thể hiểu biết tất cả pháp thuộc loại Vô Tướng và Vô Tướng, nghĩa là Bồ Tát khéo dùng trí tuệ sáng suốt có thể hiểu biết một cách thấu đáo về nguyên lý của tất cả Pháp thế gian đều là Vô Tướng và Vô tướng. Nói một cách khác nguyên lý về Tướng Tướng của các Pháp thế gian đều thuộc loại chẳng phải CÓ và cũng chẳng phải KHÔNG. Nguyên lý Tướng Tướng chẳng phải Có và chẳng phải Không này của các Pháp đều xa lìa sự phân biệt Có và Không của chấp trước.

ix) Trí Tuệ sáng suốt có thể hiểu biết được chỗ duyên khởi của chúng sanh vốn không có sanh khởi, nghĩa là Bồ Tát khéo dùng trí tuệ sáng suốt biết rõ nguồn gốc phát khởi những nhân duyên để thọ sanh ra tất cả chúng sanh. Nguồn gốc các Pháp đó từ xưa đến nay đều không có vấn đề sanh diệt hay tăng giảm.

x) Trí Tuệ sáng suốt có thể vận dụng Tâm không chấp trước để tế độ chúng sanh, nghĩa là Bồ Tát tuy biết rõ tất cả chúng sanh đều vắng lặng, nhưng vẫn khéo dùng trí tuệ sáng suốt để thường xuyên phát khởi Bản Tâm vô trước (Tâm không chấp trước) nhằm mục đích giáo hóa chúng sanh và khiến cho chúng sanh vượt qua khỏi biển khổ sinh tử sớm thành Vô Thượng Chánh Giác.

(5) MƯỜI THÂN TƯỚNG LINH ỨNG CỦA PHẬT:

Cũng gọi là mười Thân của Như Lai đã chứng được. Mười Thân đó là:

i) Thân Bồ Đề: chính là Thân Phật thị hiện tám tướng thành đạo Chánh Giác.

ii) Thân Phát Nguyện: chính là Thân Phật phát nguyện sanh nơi cõi Trời Đâu Suất.

iii) Thân Hóa Hiện: chính là Thân hóa hiện sanh vào cung vua.

iv) Thân Trụ Trì: chính là Thân giữ gìn Phật Pháp và Thân đó được thành tựu sau khi Thân Xá Lợi đã chấm dứt.

v) Thân Tướng Hảo Trang Nghiêm: là chỉ cho Thân Phật tròn đầy tướng hảo trang nghiêm không cùng tận.

vi) Thân Thế Lực: chính là Thân Phật và Thân này sở dĩ được thành tựu là nhờ Tâm Từ Bi thâm phục được tất cả chúng sanh.

vii) Thân Như Ý: chính là Thân Phật đối với các cõi trước hiện sanh ra Bồ Tát Địa Thượng Như Ý.

viii) Thân Phước Đức: chính là Thân Phật thường an trụ nơi Tam Muội (Tam Muội nghĩa là Phước Đức rất lớn nên gọi là Thân Phước Đức).

ix) Thân Trí: tức là chỉ cho Thân Trí Đại Viên Cảnh, một trong bốn trí (Bốn Trí là: Trí Đại Viên Cảnh, Trí Bình Đẳng Tánh, Trí Diệu Quan Sát và Trí Thành Sở Tát).

x) Thân Pháp: tức là chỉ cho Bốn Tánh của Thân Trí là Trí hiểu biết.

(6) SÁU CHŨNG TÁNH:

Cũng gọi là sáu Tánh hay sáu Huệ. Sáu Chủng Tánh nghĩa là sáu ngôi vị tu hành của Bồ Tát. Sáu Chủng Tánh gồm có:

i) Tập Chủng Tánh: là chỉ cho ngôi vị Thập Trụ. Bồ Tát ở ngôi vị này là tu tập về Không Quán để phá trừ Kiến Hoặc và Tư Hoặc.

ii) Tánh Chủng Tánh: là chỉ cho ngôi vị Thập Hạnh. Bồ Tát ở ngôi vị này là mặc dù không an trụ nơi Tánh Không, nhưng vẫn có thể giáo hóa chúng sanh và vẫn có thể phân biệt tất cả Pháp Tánh.

iii) Đạo Chủng Tánh: là chỉ cho ngôi vị Thập Hồi Hương. Bồ Tát ở ngôi vị này là tu tập Diệu Quán của Trung Đạo và nhờ đó thông đạt được tất cả Phật Pháp.

iv) Thánh Chủng Tánh: là chỉ cho ngôi vị Thập Địa. Bồ Tát ở ngôi vị này là nương nơi Diệu Quán của Trung Đạo để phá trừ một phần vô minh và chứng được Thánh Vị.

v) Đẳng Giác Tánh: là chỉ cho ngôi vị Đẳng Giác. Bồ Tát ở ngôi vị này so sánh với Diệu Giác thì kém hơn một bậc, nhưng so với bốn Thập Địa ở trước, Bồ Tát ở ngôi vị này thì được thù thắng hơn nhiều, nên gọi là Giác và gọi chung là Đẳng Giác Tánh.

vi) Diệu Giác Tánh: là chỉ cho ngôi vị Diệu Giác. Ngôi vị này chính là địa vị Phật Quả, là ngôi vị giác ngộ rất viên mãn và mầu nhiệm, nên gọi là Diệu Giác Tánh.

(7) LỤC BA LA MẬT:

nghĩa là sáu Pháp đến bờ bên kia, cũng gọi là sáu Pháp Ba La Mật. Sáu Pháp Ba La Mật gồm có:

1/- Bồ Thí Ba La Mật 2/- Trì Giới Ba La Mật 3/- Nhẫn Nhục Ba La Mật 4/- Tinh Tấn Ba La Mật 5/- Thiên Định Ba La Mật 6/- Trí Tuệ Ba La Mật.

(8) TỨ NHIẾP PHÁP:

Nghĩa là bốn phương pháp dùng để cảm hóa chúng sanh. Tứ Nhiếp Pháp gồm có:

- i) Bố Thí Nhiếp: nghĩa là dùng phương tiện bố thí để cảm hóa chúng sanh.
- ii) Ái Ngữ Nhiếp: nghĩa là dùng lời nói dịu dàng thương yêu để cảm hóa chúng sanh.
- iii) Lợi Hành Nhiếp: nghĩa là làm những việc lợi ích để cảm hóa chúng sanh.
- iv) Đồng Sự Nhiếp: nghĩa là cùng làm chung một nghề nghiệp để cảm hóa chúng sanh.

NHỮNG KINH SÁCH THAM KHẢO:

“Kinh Cựu Hoa Nghiêm, quyển 5, thuộc Phẩm Bồ Tát Thập Trụ, quyển 14, 15 đến quyển 22 thuộc Phẩm Thập Hạnh. “Kinh Bồ Tát Bốn Nghiệp, thuộc Phẩm Thập Địa”. “Kinh Bồ Tát Anh Lạc Bốn Nghiệp, quyển Thượng, thuộc Phẩm Thánh Hiền Danh Dự, quyển Hạ, thuộc Phẩm Thích Nghĩa. “Kinh Thập Trụ Đoạn Kiết, từ quyển 1 cho đến quyển 4”. “Kinh Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 14”. “Kinh Đại Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm, quyển 8”. “Kinh Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương, quyển 2. “Kinh Pháp Hoa Huyền Nghĩa, quyển 5”.

Trên đường tu học, tìm cầu Chân Lý Chánh Pháp của Chư Phật, Chư Bồ Tát Thánh Hiền, chúng con một nhóm Phật Tử đang dãi bước theo các bậc tiền bối trong công cuộc xiển dương Phật Pháp, hoằng đạo cứu đời. Với hạnh nguyện: mong đem Pháp Phật truyền bá khắp nơi cho mọi giới người Phật Tử, mà việc bố thí là điều số một trong Lục Độ vạn hạnh, hữu ích vô ngần.

Chúng con xin nguyện phát nguyện ấn tống quyển “Bát Thức Quy Củ Tụng” do Hòa Thượng Thích Thắng Hoan đã dày công diễn dịch, hồi hướng công đức này dâng lên cúng dường Tam Bảo, cầu nguyện cho Cứu Huyền Thất Tổ của chúng con và mọi nhà, cũng như cầu nguyện cho Chiến Sĩ trận vong, đồng bào tử nạn, các chiến nạn cô hồn, đồng đực vãng sanh Tịnh Độ, cầu nguyện hiện tiền, nhân sanh an lạc, thế giới hòa bình, đồng đạo tinh tấn tu hành, quả Bồ Đề chóng mau thành tựu.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát.